

NGƯỜI Kinh Bắc

Số ra 1 tháng/kỳ

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số 183

NĂM THỨ XXVII



THÁNG 4 - 2024

TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ BÁO LÊ THANH HUYỀN

THAM GIA BIÊN TẬP

HOÀNG GIÁ
NGUYỄN NHƯ HẠO
NGUYỄN ANH THUẤN
NGUYỄN THÁI SƠN
LÊ VIẾT ANH
NGUYỄN TRỌNG TĨNH
KIM PHÚC

THƯ KÝ TÒA SOẠN
HOÀNG YẾN

Email tòa soạn
tapchinguoinh Bac@gmail.com
Website: nguoinh Bac.vn
Điện thoại: 0222.3875.551

Giấy phép xuất bản
Số: 138/GP-BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
Cấp ngày 19/4/2023

Tòa soạn
Số 01 Lý Thái Tổ - TP. Bắc Ninh

In 1000 cuốn, KT 19 x 27cm,
100 trang, in và nộp lưu chiểu
tháng 4 - 2024

In tại:
XÍ NGHIỆP IN/NHÀ MÁY Z176

KỶ NIỆM 49 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2024)

* Vang mãi bản hùng ca đại thắng mùa xuân năm 1975
Vũ Thị Ngát 3

HƯỚNG TỚI KỶ NIỆM 70 NĂM CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ (7/5/1954 - 7/5/2024)

* Bắc Ninh chia lửa với Điện Biên Phủ
Linh Chi 5

* Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ - Bản anh
hùng ca của khát vọng hòa bình
Huy Phách 8

HỌC TẬP LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

* "Nhà văn U70" và những cung bậc cuộc đời
Nguyễn Công Hào 11

* Cô giáo mầm non chăm làm từ thiện
Nghiêm Đình Thường 17

Truyện ngắn: Vòng vây con chữ
Văn An 21

Tản văn: Bao giờ đến Hội?
Nguyễn Thị Dương 27

Trang thơ Người Kinh Bắc 30-31

VĂN HIẾN BẮC NINH - KINH BẮC

* Bảo vật chôn "Tổ đình" Phật giáo Bắc Ninh
Quang Thuận 32

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

* Chùa Quỳnh Lâm - Nơi định danh Hương Diên Uẩn
sang Hương Cổ Pháp
Dương Mạnh Nghĩa 37



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- * Vũ tộc Ngọc Quan - Những truyền thống quý báu
Vũ Ngọc Hòa 40
- * Nghề chạm bạc Thị Cầu
Nguyễn Thị Thanh Hải 45

CHÂN DUNG HỘI VIÊN

- * Trở thành ca sỹ nhờ niềm đam mê và miệt mài khổ luyện
Hoàng Ngọc Bính 50

Truyện ngắn: Dáng làng

Vũ Thế Thước 53

VĂN HIẾN BẮC NINH - KINH BẮC

- * Di sản văn hóa cổ chùa Long Châu
Phạm Thuận Thành 59

BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG - BIÊN CƯƠNG TỔ QUỐC

- * Trang thơ 62
- * Nhớ về Gạc Ma

Phạm Huy Chương 63

Ghi chép: Suy nghĩ về đọc sách ngày nay

Nguyễn Khắc Đàm 68

Bút ký: Một chuyến về nguồn

Lê Khanh 72

Trang thơ cộng tác viên

76-77

Truyện ngắn: Lửa gần rom

Đình Văn Y 78

Trang viết tuổi hồng

88-91

Truyện ngắn: Những vạt hoa Thạch thảo

Huỳnh Thạch Thảo 92

ÂM NHẠC

- * Bài ca nông dân Bắc Ninh
Nhạc và lời: Đỗ Đình Quang 98
- * Nhớ nhớ Hoàng Sa
Nhạc: Nguyễn Trung Lời ca: Dự ý thơ Nguyễn Thế Kỳ 99

MỸ THUẬT

- * Bìa 1: Hà Huy Chương
- * Bìa 4: Nguyễn Công Hà, Phúc Oanh, Nguyễn Văn Lai
Nguyễn Xuân Quyền, Nguyễn Bá Sơn

NHIẾP ẢNH

- * Bìa 2: Thanh Huyền
- * Bìa 3: Lý Việt Dũng, Nguyễn Văn Điệp,
Nguyễn Văn Trường, Hải Đăng, Hoàng Anh

Vang mãi bản hùng ca đại thắng MÙA XUÂN NĂM 1975

VŨ THỊ NGÁT

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước mà đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân năm 1975, mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang vàng chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người Việt Nam.

Chiến tranh đã lùi xa gần nửa thế kỷ, nhưng cứ mỗi độ tháng Tư về, triệu triệu con tim Việt Nam lại trào dâng cảm xúc đặc biệt về ký ức hào hùng và bi tráng của cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân năm 1975, để rồi ngày 30/4/1975 đã mãi khắc sâu trong tâm khảm của bao thế hệ người Việt Nam yêu nước. Đại thắng Mùa xuân năm 1975 đã đánh dấu một bước ngoặt lịch sử quan trọng, nước nhà được độc lập, non sông thu về một dải, Bắc Nam sum họp một nhà.

Qua ngàn năm Bắc thuộc, hơn một trăm năm cùng khổ dưới ách đô hộ của chế độ thực dân và hai mươi năm phải từng ngày chống chọi với cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, hơn ai hết, dân tộc Việt Nam thấu hiểu sự khốn cùng khi phải sống trong thân phận mất tự do. Cũng từ đó, trong mỗi

người dân Việt Nam đã sục sôi ý chí “quyết chiến, quyết thắng”, “không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Với quyết tâm “thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, “dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”, mỗi người dân đã thổi bùng lên ngọn lửa cách mạng đấu tranh cho khát vọng hoà bình. Toàn thể dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, đã đoàn kết đấu tranh và giành thắng lợi hoàn toàn. Đại thắng mùa Xuân 1975 chính là thắng lợi của một dân tộc yêu chuộng hòa bình, luôn đấu tranh vì độc lập tự do.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 còn là đỉnh cao của nghệ thuật lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh của Đảng và Bác Hồ kính yêu. Đó là thắng lợi của sự kiên định, vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng; là sự nhạy bén, linh hoạt trong những thời khắc quyết định của tình thế cách mạng; là khả năng nắm bắt, chớp lấy thời cơ cách mạng để tổng tiến công nổi dậy, giành chính quyền thể hiện tầm nhìn chiến lược sâu rộng,

tư duy sắc bén, sáng tạo, quyết đoán của Đảng ta. Bản lĩnh và trí tuệ làm nên chiến thắng 1975 còn thể hiện ở năng lực tổ chức, chỉ huy và hành động sáng tạo của lãnh đạo, chỉ huy các cấp, của bộ đội và nhân dân trong thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng; là khả năng vận động, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè quốc tế đối với cách mạng Việt Nam... và hơn hết đó là thắng lợi của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, là sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đại thắng mùa Xuân 1975 là biểu tượng rực rỡ cho thắng lợi của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam. Bản lĩnh và trí tuệ đó được kết tinh từ lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, được nâng lên trên một tầm cao mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong thời đại Hồ Chí Minh.

Hòa bình lập lại, toàn thể dân tộc ta đã được hồi sinh, lịch sử dân tộc bước sang trang mới, mở ra kỷ nguyên của độc lập, tự do, thống nhất và cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ đây, vị thế và uy tín của nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam lên ngang tầm các nước, các dân tộc trên thế giới. Đã gần nửa thế kỉ đi qua nhưng những giá giá trị, ý nghĩa và tầm vóc của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vẫn còn vẹn nguyên. Đó sẽ là động lực tinh thần to lớn, là bệ đỡ tư tưởng quan trọng, là sức sống vô biên cổ vũ, khích lệ và đồng hành cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta tiếp tục đoàn kết, vững tin hướng về phía trước, thực hiện thắng mọi mục tiêu, nhiệm vụ của dân tộc và thời đại.

Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần quyết chiến, quyết thắng trong đại thắng mùa Xuân năm 1975, những năm qua, Đảng bộ và toàn thể nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã khắc phục khó khăn, nắm bắt thời cơ để xây dựng và phát triển tỉnh ngày càng giàu mạnh. Kinh tế phát triển nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt; hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và thời gian tới mà tỉnh đã đề ra, toàn tỉnh tập trung thực hiện chủ đề năm “Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; tăng cường kỷ cương, kỷ luật; triển khai các Quy hoạch, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, khơi thông nguồn lực, phục hồi tăng trưởng kinh tế; xây dựng văn hóa và con người Bắc Ninh - Kinh Bắc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”.

Kỷ niệm 49 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là dịp để mỗi chúng ta ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc, nhìn lại chặng đường phấn đấu xây dựng và phát triển đất nước. Đồng thời, nhận thức sâu sắc hơn giá trị, bài học kinh nghiệm được tổng kết từ thực tiễn đấu tranh chống giặc ngoại xâm, nhằm tiếp thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hôm nay. Viết tiếp những trang sử vẻ vang của dân tộc, mỗi chúng ta cần phát huy hơn nữa truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên tất cả các lĩnh vực, từ đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, đến việc tích cực học tập, nghiên cứu, lao động... góp phần xây dựng đất nước Việt Nam phát triển, thịnh vượng, hùng cường. Dựng nước đi đôi với giữ nước, trách nhiệm mà lịch sử trao lại cho thế hệ hôm nay chính là phải phát huy, phát triển sức mạnh của dân tộc với bản lĩnh và trí tuệ cao hơn để tạo nên những thắng lợi mới, những Đại thắng mùa Xuân mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay./.

BẮC NINH CHIA LỬA VỚI

Điện Biên Phủ

LINH CHI

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ bắt đầu, thực hiện quyết tâm tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ, Bộ chính trị quyết định: “Toàn dân, toàn Đảng và Chính Phủ nhất định đem toàn lực chi viện cho Điện Biên Phủ và nhất định làm mọi việc cần thiết để giành thắng lợi cho chiến dịch này, cả nước ra trận, cả nước đánh giặc, các chiến trường phối hợp chặt chẽ, phân tán địch, kìm chân địch, tiêu diệt địch, tạo điều kiện cho Điện Biên Phủ giành thắng lợi”.

Cùng với nhân dân và quân đội cả nước, quân và dân Bắc Ninh đẩy mạnh các hoạt động phối hợp cùng các chiến trường. Tỉnh ủy phát động phong trào thi đua: Diệt nhiều sinh lực địch ngay trên quê hương với khẩu hiệu: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”, vừa đẩy mạnh các hoạt động quân sự vừa đảm bảo giao thông, vận chuyển hàng hóa, lương thực, thực phẩm, đạn dược cho chiến trường Điện Biên Phủ. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt ngay từ những ngày đầu chiến dịch.

Ngày từ đêm 11 tháng 3 năm 1954,

quân dân Bắc Ninh đã tập trung tiến công địch ở Tiên Du, đánh vào các vị trí ở Lim, Khám, Vân Trinh, Hạ Giang, thu hút địch từ thị xã Bắc Ninh tới: Tiêu diệt 118 tên, bắt sống 5 tên, thu 1 Đại liên, 11 Trung liên, 4 Tiểu liên và 49 súng trường. Đại đội 416 của Tiểu đoàn 18 phục kích ở Quảng Ái, Gia Lương diệt 7 tên, bắt sống 2 tên, bắn bị thương 3 tên và thu 1 Tiểu liên.

Ngày 30/3/1954 tại thị trấn Và - nơi ngã ba huyện, bộ đội ta đã tiêu diệt 14 tên, bắt sống 7 tên, làm bị thương 4 tên. Chặn đánh lực lượng từ thị xã Bắc Ninh lên viện trợ, diệt 25 tên, phá hủy 1 xe zép, 1 xe Cam nhông. Sang tháng 4, ngày mùng 5 Trung đoàn 238 phối hợp với dân quân, du kích tiêu diệt địch ở khu vực Hòa Đình, Võ Cường, thị xã Bắc Ninh đã diệt và bắt sống 155 tên, đốt cháy 1 kho đạn của địch. Trên tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, bộ đội và dân quân, du kích Gia Lâm - Thuận Thành tổ chức phục kích đánh mìn phá 2 chuyến tàu vận chuyển hàng hóa của địch, diệt 200 tên. Tiểu đoàn 18 tổ chức đánh địch tại Hoài Thượng lần thứ 2 đã tiêu diệt 70 tên, bắt sống 20 tên, thu 2 Trung liên,

1 Tiểu liên, 31 súng trường. Sau đó tiếp tục phục kích trên đường 18 đoạn Châu Cầu đi Cầu Tự diệt 23 tên, bắt sống 3 tên, thu 9 súng Tiểu liên.

Từ 15 đến 25/4/1954, Đại đội 415 tổ chức phục kích từ Cầu Đỏ đi Ngã tư Vàng tiêu diệt 9 tên, thu 2 Tiểu liên, 4 súng trường và 1 máy dò mìn. Bộ đội và du kích Gia Lương phối hợp với Trung đoàn 238 đánh vị trí Văn Trai, diệt viện từ Cẩm Giàng kéo lên làm cho địch không kịp ứng cứu.

Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, tin thắng lợi đã cổ vũ quân và dân Bắc Ninh tiếp tục xốc tới. Bộ đội địa phương và dân quân du kích trong tỉnh tổ chức đánh địch ở khắp các nơi. Ngày 12/5, Tiểu đoàn 18 tổ chức tập kích địch ở làng Cam, nơi trú quân của đội Quân Thứ hành chính lưu động (GA - MO) đã tiêu diệt và bắt sống gần hết quân địch, trong đó có tên Quận trưởng. Ngày 26/5/1954, Đại đội 416 tập kích ga Phú Thụy đến ngày 30/5 tiếp tục tập kích diệt 70 tên địch, thu 1 Đại liên, 5 Trung liên, 40 súng trường và nhiều quân trang, quân dụng khác. Tiếp đó, Tiểu đoàn 18 tập kích bốt Thổ Khối, chỉ sau 15 phút đã tiêu diệt bọn đầu sỏ ác ôn, giải tán 2 Đại đội Bảo an vừa mới tập trung, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng.

Tại thị xã Bắc Ninh, đêm 7/7/1954 bộ đội ta tổ chức đánh tung cầu phao Đáp Cầu diệt 6 tên lính gác cầu, dùng hỏa lực



bắn vào các vị trí pháo địch ở núi Pháo Đài và xung quanh thị xã. Quân ta đã bắn trúng kho xăng của địch, lửa cháy, đạn nổ suốt 3 đến 4 giờ liền. Mặt khác còn tổ chức vũ trang tuyên truyền vào các khu phố Thị Cầu, Đáp Cầu, trung tâm thị xã. Ngoài ra bộ đội còn phối hợp với dân quân, du kích tiêu diệt địch ở Võ Giàng, diệt và bắt sống 100 tên, thu toàn bộ vũ khí.

Ở Yên Phong, du kích Tam Giang đột nhập bốt Sà, bốt Lương Tân, du kích Yên Phụ cắt hàng trăm mét rào dây thép gai, lấy mìn, thuốc nổ của địch.

Tại Thuận Thành, đêm 8/7/1954 ta tổ chức tập kích địch ở Đông Côi, Lạc Thổ diệt gọn bọn lính gác, bắt sống 8 tên, diệt 1 tên, thu 7 súng. Tiếp đó bộ đội và dân quân, du kích còn tổ chức nhiều trận đánh địch ở đường 18, đường 38.

Có thể nói chiến dịch hoạt động chia lửa với chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ của quân và dân Bắc Ninh đã kết thúc thắng lợi. Tổng hợp toàn chiến dịch đã tiêu diệt 3445 tên địch, làm bị thương 638 tên, bắt sống 515 tên, thu 652 súng các loại,

phá hủy 16 xe (có 8 xe tăng), làm hư hỏng 5 xe, 1 tàu chiến, 27 toa xe lửa, 15 máy bay (phối hợp), 1 kho xăng, 1 máy khoan, thu nhiều vũ khí đạn dược và đồ dùng quân sự. Trước những thất bại nặng nề liên tiếp trên các chiến trường, đặc biệt là thất bại ở Điện Biên Phủ, binh lính địch hoang mang, hoảng loạn cao độ. Nhiều binh lính ở các đồn bốt rủ nhau phản chiến, kéo nhau ra hàng, quân và dân Bắc Ninh lại bước vào trận tuyến mới tiếp tục tiến công, kêu gọi địch đầu hàng và thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ. Ngày 8/8/1954 quân đội Pháp rút khỏi thị xã, Bắc Ninh hoàn toàn được giải phóng.

Trong phong trào thi đua giết giặc lập công của quân và dân Bắc Ninh đã xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân tiêu biểu như: Đội công an danh dự của tỉnh có thành tích diệt tề, trừ gian, đột nhập đánh sân bay Gia Lâm, được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen. Đội thiếu niên du kích Đình Bảng nổi tiếng cả nước về thành tích chống Pháp và đã được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tiểu đội nữ du kích Trưng Trắc, Đại đội Hồng Hà, Tiểu đoàn Thiên Đức... làm nên chiến thắng vĩ đại, kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược./.

VŨ KIM LIÊN

Tháng Năm này đến với Điện Biên

Cây Phượng đỏ trên Đồi A1
Tháng Năm này rực rỡ, xôn xao
Hoa như lửa gửi lên trời nỗi nhớ
Niềm tri ân thành kính tự hào
Toàn dân tộc khắc sâu trong tâm khảm
Một Điện Biên chấn động địa cầu
Một Tướng Giáp chỉ huy thao lược
Một Việt Nam không chịu cúi đầu
Luôn kiêu hãnh cùng năm châu bốn biển
Tháng Năm này đến với Điện Biên
Lòng chộn rộn trước mùa xanh đất cũ
Hầm Đocat, đồng Mường Thanh, Him Lam, Bản Kéo...
Vẫn còn đó chứng nhân lịch sử
Gió Mường Phăng còn nhắc nhớ những ngày
Điện Biên Phủ đỏ trời hoa lửa
Bản hùng ca chói ngời chân lý
Về niềm tin lấy ít địch nhiều
Yêu dân tộc cam go nào cũng thắng
Máu anh hùng đổ cờ Tổ quốc
Thiêng liêng sao Đảng, Bác dẫn đường
Bảy mươi năm Điện Biên lấp lánh
Đất cựa mình trả công người chăm bẵm
Các dân tộc nắm tay nhau đoàn kết
Thái, Mông, Kinh, Xi Mun, Phù Lá
Kháng, Mường, Cống, Sán Chay, Lào... gắn bó
Vì một Điện Biên tươi sáng muôn đời
Qua bão tố trời xanh và mây trắng
Cứ trong veo tha thiết ở trên đầu
Điện Biên Phủ bản hùng ca bất tử
Tháng Năm về rực rỡ cờ hoa! Đào dạt một niềm thơ

TƯỢNG ĐÀI CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ BẢN HÙNG CA CỦA KHÁT VỌNG HÒA BÌNH

HUY PHÁCH

Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ là một tượng đài để kỷ niệm sự kiện trận Điện Biên Phủ năm 1954.

Đó là một tượng đài gồm có 3 anh “bộ đội Cụ Hồ” đứng quay lưng vào nhau, nâng một em bé Thái, trên cùng là lá cờ quyết chiến quyết thắng. Nhìn mặt trước là hình tượng của hai anh bộ đội với một người trong tư thế phát cờ chiến thắng (lá cờ có diện tích 40 mét vuông, chính giữa có ngôi sao đường kính 2,8 mét); một người bế em bé người Thái tay vẫy hoa đón chào chiến thắng. Tất cả đều ngược nhìn về phía lá cờ Tổ quốc đang phấp phật tung bay trên bầu trời khoáng đãng, tự do, mặt sau của tượng đài là một chiến sĩ hiên ngang, đang chắc tay súng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

Đây là bức tượng đồng lớn nhất Việt Nam từ trước tới nay. Tượng cao 12,6m, nặng 200 tấn, đặt trên bệ đài rộng 10,5m, dài 16m, cao 3,6m. Khi đến thăm phác thảo tượng đài, Đại tướng Võ Nguyên Giáp hài lòng góp ý thêm: “Cờ cần có chữ “Quyết chiến, quyết thắng”, trang phục của bộ đội phải đúng là trang phục của bộ đội cuối

kháng chiến chống Pháp, mũ có lưới, có áo trấn thủ và giày vải. Súng phải đúng loại, cầm súng phải đúng tư thế sẵn sàng chiến đấu”. Bức tượng đài đúng tinh thần ấy, bốn chữ “quyết chiến, quyết thắng” lồng lộng trên cờ. Đó là 4 chữ Bác Hồ lệnh cho bộ đội phải hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Điện Biên của mình.

Điểm cao D1 vinh dự được chọn làm vị trí đặt tượng đài chiến thắng trong dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Vì đây là ngọn đồi lịch sử nằm ở trung tâm thành phố, có vị trí cao, có thể bao quát toàn bộ thành phố. Từ độ cao này có thể tạo ra góc nhìn đẹp đến tất cả các điểm di tích của Điện Biên Phủ như: A1, C1, Hàm Đờ Cát, cầu Mường Thanh. Công trình này kết hợp với các đồi di tích, các điểm du lịch thành một tuyến khép kín mà điểm đến cuối cùng là khu Tượng đài kết thúc như một biểu tượng của chiến thắng và hoà bình.

Điện Biên kỷ niệm 60 năm chiến thắng lịch sử ĐBP nhưng những dấu ấn của 50 năm vẫn còn in đậm mãi hình ảnh còn khắc ghi mãi trong tim người dân Điện



2012) quê tỉnh Tiền Giang trong một gia đình làm nghề thuật. (Ông đã từng là chiến sĩ thuộc tiểu đoàn 307. Năm 1964, là giảng viên điêu khắc tại Trường Mỹ thuật Công nghiệp rồi công tác tại Hội Mỹ thuật cho đến lúc về nghỉ tại

Biên là hình ảnh những xe siêu trường, siêu trọng vận chuyển tượng đài chiến thắng phải sửa nhiều cầu cống để chịu được tải trọng lớn về đích an toàn trong niềm hân hoan của hàng ngàn người dân xuống đường cổ vũ như tái hiện lại phần nào chiến công hào hùng. Mặc dù có những vết gợn trong việc xây dựng tượng đài khi ở đâu đó có những người chưa thật sự dành hết tâm sức cho công trình này, nhưng nhìn tổng thể và khách quan công trình tượng đài chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ vẫn là công trình đẹp mang nhiều dấu ấn lịch sử và thời đại.

Tượng đài trên vùng đất Điện Biên Phủ là biểu tượng truyền thống chống ngoại xâm, tinh thần đoàn kết quân dân, đoàn kết dân tộc; thể sự trường tồn của dân tộc, mang đậm giá trị lịch sử, văn hóa nhân văn, mà ở đó toát lên sự linh thiêng, khí phách dân tộc.

Tượng do nhà điêu khắc Nguyễn Hải sáng tác. Nhà điêu khắc Nguyễn Hải (1933-

TP Hồ Chí Minh.)

Năm 2000, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Năm 1965, Nguyễn Hải đã lấy cảm hứng và sáng tác mẫu tượng Chiến thắng Điện Biên Phủ cao 1,2m bằng thạch cao. Mẫu tượng này đã đoạt giải Mỹ thuật toàn quốc và được đưa vào Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, mẫu tượng của Nguyễn Hải được chọn làm tượng đài dựng ngay trung tâm thành phố Điện Biên.

Từ một tượng nhỏ đặt trong Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Nguyễn Hải đã phải lao tâm khổ tứ rất nhiều để nó thành một tượng đài hoành tráng ngoài trời lớn nhất của Việt Nam hiện nay, bởi đã có sự thay đổi hẳn về cốt cách. Tượng năm 1965 mới chỉ là phác thảo. Tháng 1/2003, ông cùng con trai (nhà điêu khắc Nguyễn Hải Nguyễn) ra Bắc sửa lại tượng theo yêu cầu

của Hội đồng nghệ thuật. Vì tượng đài đặt trên cao, nơi rất lộng gió, tượng đài phải sửa lại sao cho mọi chi tiết của tượng trở nên chặt chẽ. Đã thế, lá cờ rất nặng, ông phải hạ thêm một điểm đặt nữa cho chắc chắn. Từ hai điểm thành ba điểm dính lá cờ vào khối chung cũng không ảnh hưởng gì nhiều đến tượng. Bộ cục tượng năm 1965 rời rạc, chưa ra tượng đài, ông đã kết cấu lại cho nó chẵn chu, vững chắc và thành một biểu tượng của bản anh hùng ca bất diệt.

Khối tượng đài hoành tráng đặt ở không gian mở; đường nét sắc sảo, các nhân vật rất có hồn, nghệ thuật điêu khắc lồng ghép hình khối với chi tiết đặc tả rõ nét, dấu ấn đậm nét khúc khải hoàn ca.

Được cùng làm việc với nhà điêu khắc Nguyễn Hải từ năm 1968, khi tham gia với ông về lĩnh vực kiến trúc, kết cấu (cùng với kỹ sư Trần Ngọc Thụ) trong thiết kế, thi công tượng đài chiến thắng ở thị trấn Kép - Bắc Giang với nguyên mẫu là cô Ngát - thợ nề ở Sở Xây dựng Hà Bắc. Trong lúc rảnh rỗi, chúng tôi thường trao đổi với nhau về nghề. Ông rất tâm huyết và say sưa với nghề. Mặc dù Tượng đài Chiến thắng Kép đã được đánh giá cao trong giới tạo hình nhưng ông vẫn nuối tiếc bức phác thảo lần đầu với hình dáng một cô dân quân với hai tay đưa lên cao với một khẩu súng trường đỡ lấy một bó lúa, đặt trên một bệ tam giác (khi thông qua bị chê là bức tượng có tư thế khải hoàn, không hợp với chiến tranh đang ở vào giai đoạn khốc liệt).

Nhà điêu khắc Nguyễn Hải từng thổ lộ: "Tôi sáng tạo không chỉ bằng tâm hồn của một nghệ sĩ mà còn bằng ý thức của

một công dân đối với niềm tự hào bất diệt về quê hương đầy truyền thống hào hùng của mình."

Hôm nay tượng đài chiến thắng Kép cũng như tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ và nhiều tượng đài khác của ông (Tên tuổi nhà điêu khắc Nguyễn Hải gắn liền với các tượng đài giàu tính thẩm mỹ và thuộc loại hoành tráng bậc nhất rải đều trên khắp đất nước, như: Tượng đài Kép (Bắc Giang), Thủ khoa Huân, Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (Tiền Giang), Bà mẹ Tổ quốc (Nghĩa trang TP.HCM), Công nhân đấu tranh (ngã 7, TP.HCM), Ba chiến sĩ gang thép (Áp Bắc, Tiền Giang), Thánh Gióng (Bảo tàng Singapore...) đã thành biểu tượng của những chiến công và niềm tự hào chiến thắng.

Điêu khắc gia Nguyễn Hải chưa phải là đảng viên, nhưng khi ông mất, ông được an táng tại Nghĩa trang TP.HCM (nơi đó phải là lãnh đạo cao cấp hoặc là đảng viên lâu năm có nhiều đóng góp cho cách mạng mới được vào). Được an táng tại nghĩa trang TP.HCM, nhà điêu khắc Nguyễn Hải được trở về với tượng đài Bà mẹ Tổ quốc cao sừng sững của ông sáng tác thật vô cùng ý nghĩa.

Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ - bản anh hùng ca của khát vọng hoà bình là một bài ca không lời cất lên từ lòng đất, từ ngọn cỏ lá cây, từ gió mây bầu trời quê hương mà giai điệu chính được chất lọc ra từ nhọc nhằn, máu và nước mắt, từ đau thương và mất mát, từ những hy sinh vô bờ bến của biết bao con người để cho ngọn cờ Quyết chiến quyết thắng mãi mãi lồng lộng tung bay trên đỉnh đồi D1./.

"NHÀ VĂN U 70" VÀ NHỮNG CUNG BẬC CUỘC ĐỜI

NGUYỄN CÔNG HẢO

Năm 2010, Cựu chiến binh, Nhà Văn Hoàng Tiến trình làng văn nghệ tập truyện ngắn đầu tay **Đêm lạnh lẽ trôi** do Nhà xuất bản Thanh Niên phát hành, giới văn đàn Bắc Ninh hết sức ngỡ ngàng vì năm 2010, nhà văn Hoàng Tiến đã bước vào tuổi 73. Cũng từ sự kiện này mà giới văn nghệ Bắc Ninh gọi ông là “Nhà văn U70”. Thực ra ông đã cầm bút viết văn thơ từ trước khi xuất bản tập truyện ngắn **Đêm lạnh lẽ trôi** từ trước đó 5-7 năm rồi và cũng đã gặt hái một số thành quả: Năm 2005, ông đoạt giải Khuyến khích cuộc thi Hội ký của Đài Tiếng nói Việt Nam và Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Năm 2004, ông có giải B truyện ký, năm 2006 có giải C về truyện ngắn của Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh trao thưởng. Bạn bè

và giới văn chương suy tôn ông là “Nhà văn U70” đó là sự khâm phục kính nể ông, khi biết ông gần 70 tuổi mới đi theo nghiệp văn chương.

Cựu chiến binh, nhà văn Hoàng Tiến tuổi Đinh Sửu, ông sinh năm 1937. Cuộc đời ông sống vất mình qua 2 thế kỷ, chứng kiến nhiều sự kiện và những thăm trầm của đất nước cùng với cá nhân ông có hơn 40 năm cống hiến cho đất nước trải qua nhiều gian nan, cơ cực, khó khăn, thử thách. Ông từng nói vui với bạn bè: “Mình tuổi Trâu nên cứ phải leo đèo kéo cày cả đời”. Thực ra tất cả những người ở thế hệ ông đều vậy, phần lớn đều cơ cực phơi mình với nắng mưa, nặng nhọc và ảnh hưởng của hai cuộc kháng chiến lớn của dân tộc để giành và bảo vệ độc lập tự do cho Tổ quốc. Mỗi người có một hoàn cảnh riêng và

đều phải chống chọi với những khó khăn thử thách của giai đoạn ấy để khẳng định mình. Riêng với cá nhân nhà văn Hoàng Tiến đã kiên trì vượt qua những gian nan, cơ cực, khó khăn để luôn đứng vững trên mọi lĩnh vực công tác và thực là hy hữu cuộc đời ông hội tụ đủ bốn cung bậc: Sĩ, Nông, Công, Binh.

Trước hết nói về chữ “Nông” trong cung bậc cuộc đời ông. Hoàng Tiến sinh ra và lớn lên ở làng Ô Trì (còn gọi là làng Bền), thôn Bút Tháp, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Một làng quê thuần nông bên dòng Thiên Đức Giang (sông Đuống). Làng quê với những hàng tre rủ bóng, có cây đa, bến nước (giếng nước), sân đình, có những ngôi chùa cổ kính và công làng rêu phong. Làng Bền quê ông cũng hội đủ đình, chùa, lăng, miếu lại có bến đò ngang qua sông Đuống để đi lại với bờ Bắc, kết giao với một vùng kinh tế phát triển như huyện Tiên Du, Từ Sơn và có những trầm tích văn hóa tiêu biểu nổi tiếng xứ Kinh Bắc (Phía Nam sông gọi là đò Bút Tháp, phía Bắc sông gọi là đò Rền, thuộc xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du). Quê ông có di tích nổi tiếng với cả nước, đó là ngôi chùa cổ kính Bút Tháp (xưa còn gọi là chùa Ninh Phúc Tự) được xây dựng từ thế kỷ thứ XIII (khoảng năm 1258 đời nhà Trần). Một ngôi chùa cổ thơ mộng, thực mà như mơ với bao huyền thoại, một bức tranh thiên cổ đượm màu nước non xứ Kinh Bắc:



CHÂN DUNG NHÀ VĂN HOÀNG TIẾN

*“Mênh mông biển lúa xanh rờn
Tháp cao sừng sững trắng vờn bóng cau
Một vùng phong cảnh trước sau
Bức tranh thiên cổ đượm màu nước non”*
(Ca dao)

Xưa chùa có Tháp cao tận kinh đô Thăng Long vẫn nhìn thấy (nay không còn do bị tàn phá từ thời giặc Minh xâm lược nước ta). Chùa có nhiều cổ vật giá trị, đặc biệt là có Tháp Cửu phẩm Liên hoa (hoa sen chín tầng) có bức tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay được tác tạo từ thời hậu Lê (khoảng năm 1656)... và rộng hơn quanh quanh làng Ô Trì còn có những di tích nổi tiếng quốc gia như: Lăng và đền



thờ Kinh Dương Vương, chùa Dâu, thành cổ Luy Lâu... Vì thế ông sớm được tiếp thu nền văn hóa, lịch sử dân tộc.

Gia cảnh của nhà văn Hoàng Tiến lúc nhỏ thuộc diện cơ cực, nghèo túng, éo le. Cha ông mất sớm (năm 1946) vừa qua khỏi nạn đói năm 1945 và đất nước mới giành được độc lập 8 tháng (cha ông mất từ căn bệnh sốt xuất huyết). Hơn một năm sau, tháng 1 năm 1948, người mẹ cũng ra đi do trúng đạn của giặc Pháp qua một trận càn. Mồ côi bố mẹ khi ông mới 11 tuổi. Ba anh em trai, một em gái phải nhờ đến người chú ruột nuôi dưỡng, chăm nom dạy bảo. Chú ông sau là một cán bộ cốt cán của xã Đình Tổ và huyện Thuận Thành, người chú có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc đời nhà văn Hoàng Tiến ngay từ thuở niên thiếu và cả cuộc đời ông sau này. Mặc dù vợ chồng người chú nghèo, cùng nghèo với phận nghèo của cả làng, cả xã nhưng vợ chồng người chú vẫn tự dạy và cho ông đi học để thoát nạn mù chữ, ông còn được học cả chữ Hán, Quốc ngữ và một ít tiếng Pháp, so với thời ấy ông đã hơn người về “chữ nghĩa” để bước vào đời. Về hưu, nhà văn Hoàng Tiến vẫn về với quê hương Ô Trì mến thương, nơi có tuổi thơ đầy cơ cực của ông. Vợ ông làm ruộng, làm bạn với cây lúa, ngô, đỗ lạc, lợn gà và là hậu phương vững chắc, chăm lo gia đình, con cái để ông có đủ thời gian hơn 40 năm phục vụ cách mạng. Nhờ có Đảng, Bác Hồ đã đem lại độc lập tự do cho dân tộc, trong đó có quê ông và cũng nhờ có đường lối đổi mới của Đảng, quê ông giờ đây cũng đã đổi mới,

dân đã giàu có hơn “người nghèo cũng còn hơn địa chủ ngày xưa”. Chữ “Nông” trong cuộc đời là vậy.

Chữ “Bình” nghĩa là cung bậc người lính với thời gian 8 năm trong quân ngũ của nhà văn Hoàng Tiến (1968-1976). Thực ra ông đã từng là người lính tham gia du kích từ năm 14 tuổi (1951), làm liên lạc cho Văn phòng Ủy ban kháng chiến xã Đình Tổ, rồi công tác Văn phòng ở xã Trí Quả (giáp với xã Đình Tổ về phía Nam). Thời điểm cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bước vào giai đoạn quyết liệt của dân tộc, ở vùng kháng chiến Đình Tổ - Trí Quả thường xuyên bị giặc vây càn lùng bắt Việt Minh và du kích, bộ đội, cán bộ, đảng viên. Lực lượng du kích ban ngày phải sang Bắc phần (huyện Tiên Du) tạm lánh, đêm lại vượt sông về bám dân, bám đất, chỉ đạo chống giặc: không đi lính, không đi phu, không vào Tề và nhất định chống lại việc xây bốt bảo an. Dù còn nhỏ tuổi nhưng Hoàng Tiến vẫn không ngại khó khăn, gian khổ thường xuyên đưa đón cán bộ qua bến đò Bút Tháp sang bên đò Rền (xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du) nhiều lần bị vây phục, một số cán bộ đổ máu, hy sinh, người liên lạc thiếu nhi Hoàng Tiến thoát chết mấy lần nhưng vẫn run sợ, vẫn tiếp tục công việc được giao. Ông đã từng tham gia nhiều trận chiến đấu chống càn của thực dân Pháp đánh vào Nam Phần, trong đó có trận đánh tử thủ chiến đấu với Trung đoàn GM5 của thực dân Pháp đánh vào Trà Lâm, Tư Thế (xã Trí Quả) ngày 4/4/1954. Trận này lực lượng du kích của ta bị hy

sinh khá nhiều, một số còn sống đều bị bắt, trong đó có liên lạc Hoàng Tiên (vừa tròn 17 tuổi). Với sự nhanh trí, ông đã khai “Đi học ở Hà Nội về gặp trận càn bị bắt”, địch không khai thác được gì ở ông, nên mấy ngày sau ông được chúng tha bổng.

Nhưng cung bậc người lính, chữ “Binh” phải kể đến 8 năm trong quân ngũ, ông đã vượt qua bao gian khổ, khó khăn cả sự hi sinh mất mát, trực tiếp cầm súng chiến đấu ở chiến trường miền Nam để bảo vệ non sông đất nước, góp công sức cho giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Ông đã từng chiến đấu ở binh trạm 27 ở nước Lào, rồi ở chiến trường Trị - Thiên Huế đảm nhận nhiều công việc hậu cần, chính trị - tư tưởng, tổ chức, công binh, dân vận của Tiểu đoàn 45, binh trạm 47, kho trường kho V2, Tiểu đoàn công binh K3, Trưởng tiểu ban binh vận trung đoàn 4... tất cả ông đã vượt qua nhữn khó khăn, gian khổ, đối mặt với sự hy sinh bất cứ lúc nào: sốt rét, hy sinh. Phá bom mìn, hy sinh. Lũ lụt, hy sinh. Pháo kích địch, hy sinh. Bom B52 tọa độ, hy sinh. Trinh sát gặp biệt kích, hy sinh, gặp hồ báo, rắn rết, hy sinh... ông đã vượt qua tất cả và ông đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao cho đến khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, non sông được thu về một mối. Sau giải phóng ông còn được đảm nhiệm một nhiệm vụ thật khó, đó là làm thầy giáo đi giảng dạy cho bọn sĩ quan, binh lính Ngụy học tập cải tạo tại thành phố Huế, rồi ông cũng vượt qua và hoàn thành xuất sắc công việc cho đến khi

có chủ trương giảm quân để tập trung làm kinh tế, hàn gắn, khắc phục vết thương chiến tranh, ông xin chuyển ngành về cơ quan cũ ngành lương thực để gần nhà hỗ trợ người vợ đã từng một nắng hai sương đảm nhận người hậu phương vững chắc nuôi dạy 4 đứa con thơ dại, để ông yên tâm đánh giặc.

Còn chữ “Công” chính là hai lần đến với cuộc đời công chức, viên chức ngành lương thực. Lần thứ nhất, từ đầu năm 1955, ông được Ủy ban hành chính huyện Thuận Thành đồng ý quyết định cho ông đi “công tác” (Ngày ấy gọi là đi thoát ly) vì ông đã có cống hiến cho cách mạng từ năm 1951 (14 tuổi). Ông được công tác ở ngành lương thực, giữ kho rồi làm hành chính ở cửa hàng lương thực Đáp Cầu. Lần đầu tiên xa nhà, công việc lại mới mẻ nhưng ông đã cố gắng học hỏi anh em đồng nghiệp để luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ cho đến năm 1962 được điều chuyển về phòng lương thực huyện Thuận Thành đảm nhiệm chức kế toán trưởng. Năm 1968, có lệnh nhập ngũ, ông hăng hái lên đường vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ. Tổ quốc độc lập, hoàn toàn thống nhất đất nước năm 1976, ông xin chuyển ngành về cơ quan cũ cho đến năm 1987 về hưu. Giai đoạn này (1976-1987), chữ “công” được ông tu dưỡng rèn luyện trên cơ sở có chữ “binh” bổ trợ, luôn giữ mình là cán bộ liêm khiết, thể hiện rõ tư cách của một cựu chiến binh gương mẫu. Giai đoạn này cả nước bước vào “hàn gắn vết thương chiến tranh” với bao khó khăn chồng chất, ở ngành “lương



thực” còn rất “hot”, cán bộ được hưởng theo tiêu chuẩn tem phiếu, ông gương mẫu góp 13,5kg lương thực (tiêu chuẩn 1 tháng) vào nhà ăn tập thể. Mức ăn như thế là hơi đói nhưng ông vẫn tâm niệm “đói cho sạch”, không thể lợi dụng để vợ vét cho no bụng và đút túi mang về nhà để tư lợi. Rồi ông tình nguyện xin hạ bớt mấy bậc lương để về huyện cho gần nhà (khi chuyển ngành ông được công tác ở ty là cấp cơ sở ngày nay trên tỉnh) vì hoàn cảnh gia đình ông thời điểm ấy gặp rất nhiều khó khăn: 5 đứa con đang tuổi ăn, tuổi lớn, tuổi học, vợ ông tần tảo sớm hôm nhưng cũng chỉ trông vào công điểm của hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có đứa con út bị di chứng chất độc da cam (do những ngày ông ở chiến trường Quảng Trị, nay cháu đã hơn 40 tuổi nhưng vẫn chưa thành người, bị dị dạng). Đi chiến trường mấy ai nghĩ ngày trở về, nay về được thật là may, lại được cơ quan cũ nhận dù phải điều chỉnh mức lương xuống thấp hơn mức lương ông đang hưởng chức vụ Trưởng tiểu ban chuyên môn của Trung đoàn ở quân đội. Nay về quê để hợp lý hóa, ông lại phải tự nguyện nhận hưởng mức lương thấp hơn và được tổ chức đồng ý chuyển ông về cửa hàng lương thực chợ Dầu (huyện Thuận Thành) cách gia đình ở quê ông khoảng hơn 3km. Ông được phân công nhiệm vụ: quét kho - chạy xã (chạy xã là đi thu mua lương thực ở các xã trong khu vực) ông vẫn vui vẻ, nhiều người khuyên ông khiếu nại bởi ông có công với đất nước, ông là bộ đội đánh Mỹ. Ông làm ngơ và trả lời:

“Ai cũng cậy mình là người có công thì đất nước phải lo sao đây cho vừa nhất là những người đã đổ máu và hy sinh”. Rồi ông tâm niệm: “Khó khăn nào bằng khó khăn sinh tử nơi chiến trường, mình đã vượt qua, việc quét kho sao gọi là khó khăn”. Ông không thắc mắc, phàn nàn, tự ái mà vẫn vui vẻ làm tốt công việc và hàng năm vẫn luôn được bầu là “Lao động tiên tiến”.

Giữa mùa thu năm Đinh Mão 1987, ông được về hưu và đã hoàn thành chữ “Công” trong cuộc đời: “Nay yên lòng ngồi chơi xơi nước lĩnh lương”. Nhưng ông đâu có “Ngồi chơi xơi nước” mà tham gia các câu lạc bộ cờ tướng, bóng bàn, xe đạp, sinh vật cảnh và tham gia mọi phong trào của Hội Cựu chiến binh. Rồi ông làm thơ, viết báo. Bài thơ “Áo the nâu” được in trên Báo Bắc Ninh năm 2002: “Áo the nâu em mặc hôm lễ cưới/ Như của hồi môn em giữ suốt đời/ Và thi thoảng những ngày lễ hội/ Em bồi hồi mặc lại áo the nâu...” đã thôi thúc ông cầm bút viết tiếp.

Lúc đầu cầm bút viết mới thấy “việc này không dễ” vì trình độ học vấn của ông gần như mới được gọi là “thoát nạn mù chữ” hơn 40 năm đi công tác và sống trong quân ngũ cũng chẳng được qua trường lớp nào nhưng ông có một tâm niệm: Cố gắng học theo lời Bác Hồ dạy “Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền”. Câu chuyện Bác Hồ viết báo ở Paris nước Pháp trong những ngày Bác bôn ba ra nước ngoài tìm đường cứu nước đã củng cố niềm tin để ông tự tin cầm bút, gần 70 năm vốn sống trong cuộc đời, ông tha hồ múa bút.

Viết rồi sửa, rồi lại viết và đã có những thành quả ban đầu. Nhà văn Hoàng Tiên có người em trai là nhà văn Hoàng Giá, trực tiếp tham gia công tác biên tập thể loại văn xuôi cho Tạp chí Người Kinh Bắc nên ông có điều kiện đọc nhiều những bài viết đăng tải trên Tạp chí, từ đó góp phần giúp nhà văn Hoàng Tiên trau dồi thêm kỹ năng viết... Hoàng Tiên đến với nghiệp văn chương quả là muộn, đã bước vào tuổi 70 nhưng khá chắc chắn, nhà văn U70 Hoàng Tiên đã cho trình làng 4 tập truyện ngắn và 1 tập Hồi ký, văn ông mộc mạc, dễ hiểu với bạn đọc, được nhiều bạn đọc đón nhận vì văn ông viết về cuộc sống đời thường, tình đồng đội, tình bạn, tình yêu, cuộc sống hòa bình, xây dựng nông thôn mới, gương người tốt việc tốt... chỉ thế thôi cũng đủ để ông có cung bậc chữ “Sĩ” (Văn nghệ sĩ) trong cuộc đời, xứng đáng được Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam) tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam” và vinh dự hơn cả đó là ông đã đoạt một số giải thưởng của các cấp.

Ngoài giải thưởng từ những ngày mới vào nghiệp văn chương, gần đây ông giành được một số giải thưởng khá danh giá: Giải Khuyến khích, giải thưởng VHNT tỉnh Bắc Ninh, lần thứ nhất, giai đoạn 2012 - 2017 (tập truyện ngắn **Đêm lặng lẽ trôi**). Viết về chủ đề Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, ông có giải C cấp Trung ương năm 2020, giải B năm 2018, giải C năm 2020 của Tỉnh ủy Bắc Ninh trao tặng.

Chữ “Sĩ” ở vào cung bậc cuối cuộc

đời của Cựu chiến binh, nhà văn Hoàng Tiên tiếp tục khẳng định tư cách con người ông trong suốt cuộc đời, sống trung thực, thẳng thắn, đôn hậu dám thẳng thắn đấu tranh với những tiêu cực của đồng đội, cấp lãnh đạo trong cuộc đời công tác của ông đồng thời khẳng định sự lao động miệt mài cống hiến cho sự nghiệp văn học nghệ thuật của ông với những tác phẩm văn học có giá trị tư tưởng giáo dục cao về “Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Thật đáng là: *“Đức cao nhân trường thọ/ Tâm khoan, phúc tự lai”*, cuộc đời, sự nghiệp của nhà văn Hoàng Tiên thực sự là một tấm gương sáng của người cựu chiến binh, nhà văn và một công dân mẫu mực để mọi người học tập và noi theo./.





Cô giáo mầm non

CHĂM LÀM TỪ THIỆN

NGHIÊM ĐÌNH THƯỜNG

Nói đến cô giáo Trần Thị Thiện, nguyên Chủ tịch Công đoàn trường Mầm Non xã Trung Nghĩa (huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh) ai cũng phải tấm tắc ngợi khen: Đó là cô giáo thiện tâm, chăm làm việc từ thiện, kể cả lúc còn công tác đến khi đã nghỉ hưu.

Cô Thiện sinh ra và lớn lên ở làng cổ, Quan họ gốc, thôn Đông Mai, xã Trung Nghĩa, vốn là rốn nước của Yên Phong. Câu hát cũ mới buồn làm sao:

*Ngày xưa ai đến Đông Mai
Những lo chó cắn mang tai thì phiền.
Mênh mông sóng vỗ đồng chiêm,
Chênh vênh đảo nhỏ, thúng thuyền tới lui...*

Bức tranh quê ngày ấy như thế khiến cho lớp người như cô đến với con chữ gian khó lắm thay.

Với học trò nghèo và bạn đồng nghiệp

Khi đã trở thành giáo viên mầm non, lại dạy tại trường làng, cô luôn quan tâm đến các học trò nghèo, cơ nhỡ, khuyết tật. Mỗi khi tết đến, xuân về, cô thường có quà mừng tuổi cho các em, động viên nâng đỡ

các em, cho dù khi các em đã học tới lớp 4, lớp 5.

Hình ảnh chẳng lúc nào nguôi ngoai trong tâm trí cô, đó là em học sinh khuyết tật Nguyễn Thị Hiền. Em có tật ở chân, ngón tay thì co quắp không cầm nổi bút, miệng cũng bị tật, phát âm rất khó khăn. Cô đã nhận vào lớp của mình, một tháng sau em nghỉ học vì mẹ ốm không có ai đưa đến lớp. Thế là cô mua sách bút, tranh thủ đến nhà dạy và Hiền đã biết đọc biết viết. Theo thời gian, Hiền phồng phao thành thiếu nữ, chẳng may em có thai ngoài ý muốn và đã sinh con. Lúc này cô giáo Thiện thực sự như người mẹ hướng dẫn Hiền chăm sóc con nhỏ, từ cách bú mớm, thay tã... Từ đó, cô trò ngày càng khăng khít, quấn quýt nhau hơn.

Đối với đồng nghiệp, cô giáo Nguyễn Thị Đường - giáo viên một trường mầm non ở thôn Phù Lưu, xã Trung Nghĩa, đã vượt lên số phận nhờ vào sự thiện tâm của cô Thiện và đồng nghiệp...

Thuở ấy, một chiều tháng 2 năm 1984 chồng cô Đường bị đuối nước, trong khi

đưa con còn đang trong bụng mẹ. Rồi một mình nuôi con, chăm sóc bố mẹ chồng. Tháng 10 năm 2008, khi con trai 24 tuổi sắp cưới vợ thì vụ tai nạn giao thông thảm khốc đã cướp cháu đi, cô Đường đôi chân cũng không lành lặn nữa, trở thành người tàn phế. Một mặt lo tang cho cháu, một mặt lại phải phân công người chăm sóc cô Đường ở bệnh viện, quyên góp được 8 triệu đồng. Cô Thiển với vai trò Chủ tịch Công đoàn trường cùng với đồng nghiệp, chăm lo sức khỏe cô Đường, chữa bệnh tới cả 6 tháng trời, chân chống nạng mới đi được. Không đứng lớp được, cô tham gia nấu ăn cho các cháu và vẫn được giao nhiệm vụ trưởng khu. Bữa ăn của trẻ do cô chế biến ngon miệng, đủ chất, các cháu tăng cân, phụ huynh yên tâm gửi con ăn bán trú. Là Chủ tịch Công đoàn nhà trường, cô Thiển lấy tấm gương của cô Đường, một người đảng viên đã vượt lên số phận nghiệt ngã, học và làm theo lời Bác dạy, đứng vững trên đôi chân dẫu không còn nguyên vẹn, vẫn hoàn thành nhiệm vụ đề đồng nghiệp noi theo. Bây giờ cả hai cô đã nghỉ hưu, tình đồng nghiệp vẫn bó keo sơn. Cô Thiển vẫn đem đến hương vị tình thân, âm áp tình người để tuổi già cô Đường vui bớt nỗi quạnh hiu, sống an nhiên hòa đồng với mọi người, với làng xóm.

Những chuyến đi cứu trợ nhân đạo

Tháng 9, 10 năm 2013 cơn bão số 10 và 11 chồng lên nhau gây thiệt hại lớn cho các tỉnh miền Trung, đặc biệt là tỉnh Quảng Bình. Theo thống kê đã có tới 10 ngàn ngôi nhà chìm trong biển nước. Đúng lúc ấy cô giáo Thiển nhận quyết định nghỉ hưu. Tiếng là nghỉ hưu nhưng chưa có lương

hưu vì chưa đủ năm công tác còn phải đóng bảo hiểm gần một năm nữa. Chồng cô có 10 năm quân ngũ, vốn là lính lái xe Trường Sơn về phục viên không có lương, đã có thời kỳ giữ chức Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã. Thu nhập của gia đình trông vào 1mẫu ruộng, quay vòng 3-4 vụ một năm. Con cái, người thì sĩ quan quân đội đóng quân tại Cao Bằng, còn thì làm ăn ở quê, vất vả cũng chẳng dư giả là bao.

Cô bàn với chồng và các con là gia đình mình chia sẻ khó khăn với bà con Quảng Bình. Thế rồi, cô cùng cô con dâu xúc thóc đi xát được trên 1 tạ gạo. Chẳng lẽ chỉ có gia đình mình thôi ư? Cô đi vận động anh chị em nội ngoại, bạn bè thân thích, đặc biệt các Công ty trong xã như Công ty may Nghĩa Sáng, ủng hộ 300 bộ quần áo. Cô cũng trực tiếp liên hệ với Huyện ủy, UBND, MTTQ huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, trình bày nguyện vọng và được bố trí đưa hàng cứu trợ đến xã Quảng Phong. Ngày 26 tháng 11 năm 2013 “Xe cứu trợ đồng bào miền Trung” của gia đình cô Thiển gồm 1150 kg gạo, 400 bộ quần áo, 10 triệu tiền mặt, một số thuốc bổ, tổng trị giá 56 triệu đồng lên đường trước sự chứng kiến của lãnh đạo thôn và đông đảo bà con thôn Đông Mai.

Vượt quãng đường mấy trăm cây số người nhừ bã ra, nhưng khi gặp bà con tề tựu đón đoàn, người lại thấy khoẻ ra, như người đi xa lâu ngày bây giờ mới được trở về quê hương của mình. Mỗi em học sinh được một bộ quần áo, mỗi gia đình được 10 kg gạo, các cụ già được hộp thuốc bổ, ai cũng vui mừng, siết chặt tay người đi cứu trợ. Cô thường chia sẻ với mọi người:



Cô giáo Trần Thị Thiển (đứng thứ 5 - từ trái qua) trong chuyến thăm và tặng quà bà con xã Bá Thước, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa năm 2023 Ảnh: PV

- Có vào trong ấy mới thấy dân mình còn khổ quá. Đây chỉ là chút quà nhỏ của gia đình, làng xóm góp vào để bà con mình vượt qua thiên tai khốc liệt này, đặc biệt cho các cháu được trở lại trường.

Rồi lại đến tháng 10 và tháng 11 năm 2020, lũ quét, úng lụt lại tràn ngập miền Trung. Cô Thiển nghe tin và cũng như lần trước đã làm, cách đây 7 năm, cô xin phép địa phương và chuẩn bị một chuyến hàng vào cứu trợ 220 hộ dân ở xã Thượng hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình đang gặp khó khăn. Đầu tiên cô gặp Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn Đông Mai, trình bày kế hoạch vận động quyên góp, được địa phương đồng tình ủng hộ cao. Đầu tiên cô vận động các con, các

cháu, trong gia đình rồi đến họ nội họ ngoại, bạn bè thân thích, các doanh nghiệp, doanh nhân thành đạt là người địa phương. Kết quả cô đã chuẩn bị đủ 2 tấn hàng gồm các thứ thiết yếu cho học tập như vở, bút, cặp sách, quần áo học sinh và cho đời sống như gạo, mì tôm, quần áo chăn màn...

Thời tiết cuối năm 2020 ở miền Trung mưa nhiều, quãng đường cả đi lẫn về dài tới 1200 km, lại phải leo đèo lội suối, thật chẳng dễ dàng gì. Đi làm từ thiện lần này ngoài mẹ con cô, còn có học sinh cũ của cô là anh Đáng người trong thôn là một doanh nghiệp làm ăn ở thành phố Bắc Giang tình nguyện lái xe đưa đoàn đi. Đến Quảng Bình, những đoạn đường núi hiểm

nguy luôn rình rập, chỗ thì dốc cao, đoạn thì sạt lở, đoạn bằng phẳng hơn thì đường trơn, nước lênh láng. Cả một đêm không ngủ trên đường, bởi trong rừng Trường Sơn, không quán xá, không nhà trọ, mà nhà dân lại ở rất xa đường. Một đêm không ngủ anh Đấng đã vận chuyển đến đồn biên phòng xã Thượng Hóa. Chuyến đi vẫn chưa đến điểm cuối cùng, rồi lại phải đưa hàng lên ca nô vượt suối mới đưa hàng đến tay bà con được. Hai ngày đêm, đứng là vượt suối, băng rừng, bao khó khăn hiểm nguy rình rập, vẫn vượt qua đưa hàng đến nơi và trở về an toàn. Cô Thiển mỗi khi có dịp được nhắc nhở về các chuyến đi làm từ thiện đều rung rung nước mắt:

- Có đến những vùng bão lũ tràn qua, những vùng sơn cùng thủy tận mới thấy đồng bào mình còn gian nan, vất vả lắm. Trời còn để cho khỏe chân mạnh tay, sẽ còn tiếp tục những chuyến đi để trả ơn nghĩa đồng bào vì nhân dân cả nước mà giữ gìn bình yên nơi biên cương Tổ quốc, dầu là một chút cón con, thâm tháp gì đâu với sự hy sinh vô giá của bà con mình trong đây.

Cô Thiển có người con trai thứ 2 tên là Ngô Văn Bình, tốt nghiệp THPT Bình tình nguyện nhập ngũ, nối tiếp truyền thống “bộ đội Cụ Hồ” của người cha thân yêu. Do có thành tích học tập và rèn luyện Ngô Văn Bình được cử đi học Trường Sĩ quan Chính trị, 4 năm ra trường, lại xung phong lên biên giới ở Trảng Định - Lạng Sơn. Qua những câu chuyện kể của con, cô hiểu được nỗi vất vả của đồng bào các dân tộc vùng biên. Cứ vài năm lại một lần, được “Trung tâm giáo dục truyền thống Lịch sử Việt Nam” giới thiệu các điểm khó

khăn để đi cứu trợ. Khi thì Vị Xuyên - Hà Giang, lúc thì Bát Xát - Lào Cai, khi lại Trùng Khánh - Cao Bằng... Cuối tháng 12 năm 2023 này cô Thiển lại có chuyến đi tặng quà cho bà con tại xã Bá Thước, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Các chuyến đi nhỏ lẻ này quà tặng không nhiều cũng chỉ 30 - 50 xuất quà thôi, chủ yếu là chăn, gạo, giấy vở, quần áo, mì tôm... Đường xá xa xôi, chi phí đi lại, vận chuyển lớn lắm.

Ông Nguyễn Đức Chính - Chủ tịch Hội Cựu giáo chức xã Trung Nghĩa nhận xét và cảm phục:

- Việc làm từ thiện nhân đạo của cô giáo Thiển và gia đình, xưa nay chưa từng có ở thôn Đông Mai và cả xã Trung Nghĩa nói chung. Cô Thiển là nhà giáo sống thiện tâm và rất có tài. Cái tâm ấy là yêu người, thương người khi lâm vào hoàn cảnh cơ nhỡ khó khăn. Cái tài ở chỗ biết tổ chức vận động quyên góp, rồi tổ chức những chuyến đi cứu trợ thành công. Có phải mấy người đã làm được như cô, trong khi gia đình cô có khâm khá gì lắm đâu?

Ai đã gặp cô Thiển dù chỉ một lần, nghe cô kể đôi ba mẩu chuyện về nghiệp nhà giáo, về những chuyến đi cứu trợ đều không khỏi bàng hoàng ngạc nhiên cảm phục. Nhìn cô giáo với thân hình nhỏ bé, gầy guộc nhưng lại có ngọn lửa đam mê mãnh liệt, nghị lực hiếm thấy ở một nữ nhà giáo giàu lòng nhân ái, thương người như thể thương thân.

Nhà giáo Trần Thị Thiển quê tôi đã nêu một tấm gương sáng của Cựu Giáo chức huyện Yên Phong, trong cuộc vận động: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”./.

Wòng vây con chữ

(Tác phẩm đoạt giải Khuyến khích Cuộc thi sáng tác văn học - Chủ đề Bắc Ninh trong hành trình xây dựng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương Lần thứ III - 2023)

VĂN AN

Cuộc họp im lìm, cô ghì con giận dữ, phản kháng, như nén chiếc lò xo muốn bật tung. Trưởng khu phố với gương mặt sầm sầm, răng mím lại như khóa trái những ngôn từ, những câu chữ chuẩn bị vọt ra. Người ta bình bầu, chọn khu phố ông là đơn vị kinh tế khá, cùng với chiếc bảng lòe loẹt tuyên dương khu phố văn hóa. Đấy. Chỉ có thế. Họ trói chặt làng ông (Dân nói làng quen rồi. Còn khi nói khu phố không khỏi ngượng ngập) với xây dựng một không gian sách - nghĩa là xây dựng một thư viện giữa làng. Quả thật ông cũng thấy ngượng ngùng bởi xưa nay, dân làng cứ nhiều thóc, nhiều gạo là sướng rồi. Có người gặt xong, thấy lúa má rẻ lại đong thêm vài tạ cho đầy thùng. Người nông dân cứ có hạt thóc trong nhà là dù rằng có hạn hán, mưa có gặp úng cũng không vắn vò gì đến cuộc sống vững chãi của họ. Dân mình làm ăn, giờ lại đèo bồng gã thư viện, sách sách, vở vở một cách sa sỉ, một thứ ăn chơi cao cấp, cũng giống như vợ mình, đang quần áo nâu sồng màu đất, màu bùn, giờ lại mặt thêm thứ váy sa tanh cũn cỡn sặc sỡ

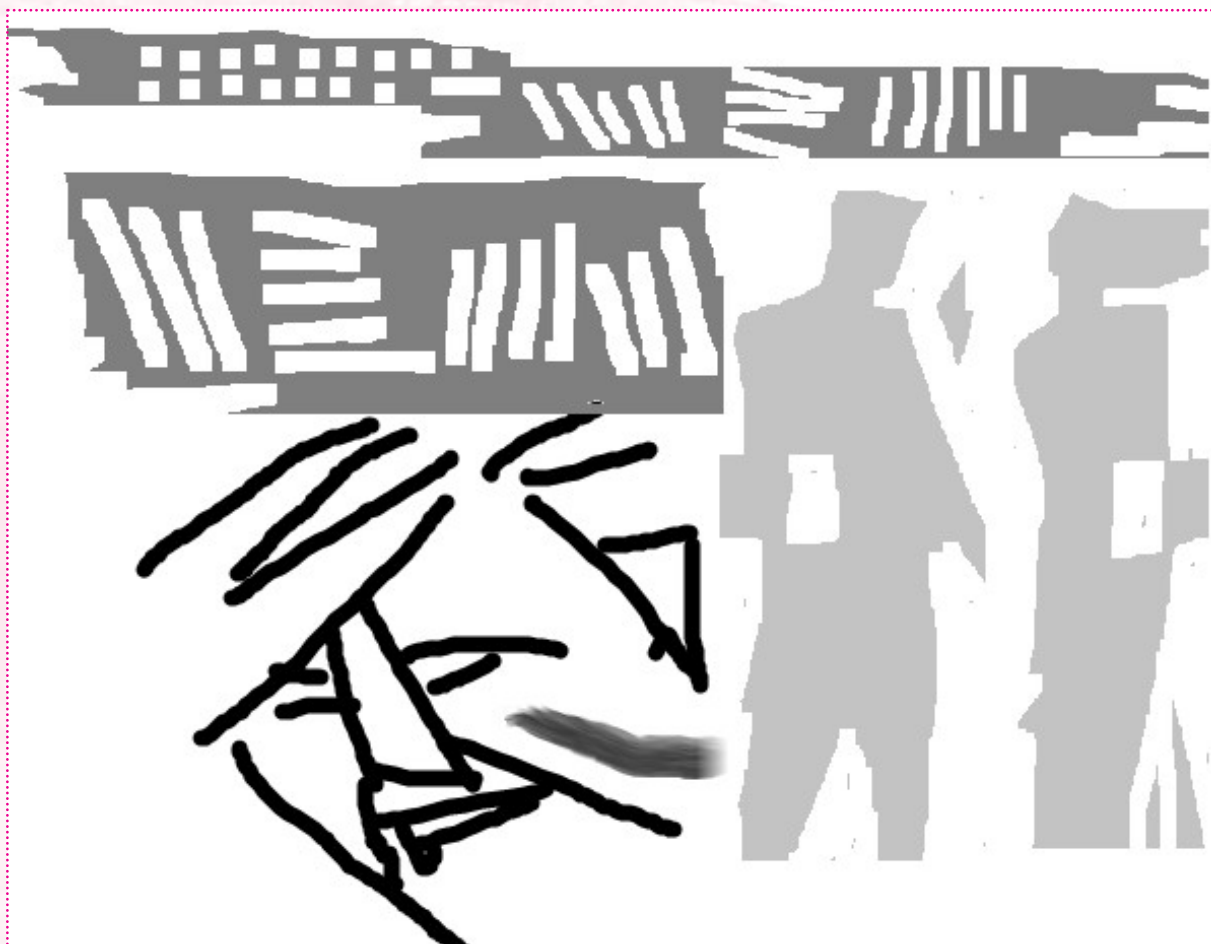
hồng thắm hay xanh biếc, điệu đà, chên chao, đi lại phải rón rén, rập rình sợ bản. Làng cũng vậy, mặc thêm cái áo “thư viện” lòe loẹt, ngắm sách nọ, đọc sách kia, chẳng thiết gì cày sâu bừa kỹ. Thêm cái anh thư viện là không “ngủi” được. Gia đình ông có thể sinh ra một đứa con lớn lên sẽ sinh lợi cho gia đình và xã hội. Nhưng sinh ra một “anh thư viện”, sau một số năm nuôi nấng, trưởng thành, anh ta toàn nhả ra chữ, ra một đống chữ, một sọt chữ. Không thể đem “chữ” ra xào nấu, chiên rán, cái con chữ rỗng tuếch kia không nuôi nổi dạ dày.

Từ trụ sở về nhà, ông mới thấy đây chính là thế giới riêng của mình, từ bà vợ dù có tuổi vẫn xinh xắn, dịu dàng chiều ông hết mực; một cô con gái đang là sinh viên nhưng vẫn nũng nịu ông như con trẻ. Cuộc họp đã lấy hết niềm vui và để lại lòng ông chút cặn sạn; ông sinh cau có vô cớ, buồn vô cớ, mắng mỏ, quát tháo vô cớ. Linh mới ở trường về, đã choàng lấy ông như muốn dập tắt những nóng bức trong lòng bố. Kiên mắng yêu con gái có còn bé bỏng nữa đâu mà ghì bố hết cả thở. Hùng,

một chàng trai có chân trong lãnh đạo khu phố, bạn trai của nàng đang xu hướng đối lập với trưởng khu phố. Hùng đã yêu cầu bạn gái phối hợp với mình xây dựng một thư viện hoành tráng, có một không hai ở tỉnh. Người xấu mồm thì bảo cái làng ấy, cái phố ấy ăn chơi. Sáng ra đồng, làm ăn tóe mòi. Chiều đi ra đường làng, mắt khoác bộ kính trắng, tay cắp bó sách như cán bộ, khập khiễng không trông được. Linh ngồi với bố, nói liên thiên một thôi một hồi về tác dụng của thư viện, của sách vở. Ông xua xua tay: “mày lại ăn giọng của thằng Hùng rồi. Tao nghe chưa thủng. Cái thằng bạn trai của nó, theo đít trâu mãi. Giờ cầm quyển sách dày cộp, ra dáng ta đây, chỉ đe dọa thiên hạ thôi. Mới đọc được mười cuốn sách đã phun ra một đồng chữ, kể về ông nọ bà kia. Nó làm như thân thiết với cả cụ Nam Cao, cụ Vũ Trọng Phụng...; nó làm như mới gặp gỡ các ông ấy hôm qua hôm kia; Rồi nó lại làm như là con cháu của các cụ Lép-Tôn-Xtôi, hay Ban-zắc... Gặp nó, người ta có cảm tưởng nó mới đi thăm Nga với con sông Đông êm đềm cùng gã trai Gơ-ri-gô-ri của vùng Cô-zắc. Thăm Huy-gô với thằng gù trong Nhà thờ Đức Bà Paris. Thăm Cô-lôm-bi-a để gặp cụ Mác-két cùng những điều lí thú trong Trăm năm cô đơn. Nó cứ lượn hết trời Đông sang trời Tây; đi từ nước nọ sang nước kia, nói bô bô những điều nó tưởng tượng. Mới hôm qua hôm kia, trông nó còn ra dáng chàng nông dân thật thà, củ mủ củ mì, ăn không nên đợi, nói không nên lời. Vậy mà mới vài tháng những dòng chữ ma quái, phù thủy đã biến nó thành con người khác, tự cho mình hơn cả mọi người ở cái

làng Đông Ngàn này. Nó nhìn người khinh khinh, bằng nửa con mắt, tranh luận, nói năng như dạy dỗ người ta.

Linh là cô gái duy nhất đem lại niềm tự hào cho gia đình, bởi cô vào học ở một trường danh tiếng của Hà Nội, đã giỏi lại còn là hoa hậu trong các trường đại học. Cô chưa ra trường nhưng nhiều nơi đã đến xin xỏ, tuyển dụng. Đó là công ty của anh cao ráo, đẹp trai, lại trong ban Giám đốc, những cô gái chân quê như Linh đã nhanh chóng choáng ngợp trước vẻ đẹp hút hồn của chàng. Linh được mời lên xe, cạnh tay lái của anh để thăm nom nơi làm việc tương lai. Trở về phòng trọ, Linh đã nghĩ đến một tương lai màu hồng ôm bọc đời cô. Trong thời gian chờ đợi Linh được sưởi ấm bằng những cuộc hẹn hò, những cuộc thăm thú chân trời góc bể, rồi cô yêu lúc nào không biết, bởi chính anh đem lại tương lai tươi rói cho đời cô. Cô bắt đầu dưng hiến, khát khao cho đi phần ngà ngọc cuộc đời. Mãi sau cô mới biết cơ thể mình tiếp nhận luồng khí mới, cô báo tin vui thì mặt anh lạnh tanh. Anh xui cô vào bệnh viện giải quyết; cô lại nói anh nên tổ chức hôn nhân. Chàng trai cười nhạt: “Không thể vội vàng được”. Anh phớt lờ những yêu cầu và các cú điện thoại, cô nghĩ mình đang gặp sở khanh ngoài đời. Tự mình chứ không ai khác đang vui dập, phá phách tương lai của mình, vỡ vụn, đen đúa. Cuộc tình tan vỡ đã lấy đi niềm vui roi rói, lấy đi tiếng cười để lại khuôn mặt im ắng chết chóc. Một bộ mặt căm lạng những tiếc nuối đờn đau. Cô về ông bố nhận ra ngay vẻ ngẩn ngơ vô hồn, ông căn vặn: Con mắt cái gì đấy. Mắt tiền à? Ông bù vào là xong. Hay con



MINH HỌA: LƯU QUANG LÂM

đánh mất cái khác? quan trọng hay không quan trọng? Vật lộn với những câu hỏi mà không sao tìm ra đáp số. Ông còn nhớ mấy tháng trước, nó đem về một bạn trai cao ráo, trắng trẻo... Trai Hà Nội đấy. Hơn hẳn thằng Hùng quản trị có nước da tái mét do sốt rét Trường Sơn. Cả nhà vui như trẩy hội, đón khách của con gái, ai cũng nhìn chàng trai Hà Nội rồi quay sang cô gái, như thể nói họ với nhau: Đẹp đôi đấy! Chàng trai giới thiệu mình là Giám đốc xí nghiệp. Đang tuyển nhân viên thì gặp Linh. Anh phấn khởi vì Linh đáp ứng với mẫu người mà anh tìm. Thế là họ kết gắn với nhau.

Chàng vốn vã xung hô bố bố, con con ngọt lịm khiến ông ngỡ ngàng chín, ông nghĩ anh chàng khách lạ này không nên ngọt ngào xuống xã quá. Và ông cũng thấy lờ mờ nỗi buồn của con gái đổ ra từ đấy. Rượu được bung lên sóng sánh cả gian nhà. Anh nhấp nhấp từ tốn cảnh giác với những chai rượu quê nút lá chuối thơm lừng. Rồi anh luyên thuyên, lải nhải lấp đầy khoảng im ắng. Anh nói về thứ tình yêu cuồng nhiệt hiện tại của lớp trẻ, không giống các cụ xưa dè dặt, hốt hoảng, lo lắng, anh tôn vinh lớp trẻ và không ngớt lời chê bai những đầu óc hủ tục, lạc hậu. Anh không ngờ đã gieo vào

lòng chủ nhà thứ tình cảm bỗng bênh, dễ vỡ khiến không khí trở nên chùng xuống. Cũng may, thằng Hùng trẻ nhất trong ban lãnh đạo khu phố, tính nết đơn giản, què mùa, lại mắc một căn bệnh dở người. Nó xin bố mẹ mấy phòng trọ để lau chùi, quét dọn, vẩy vôi vẩy sơn lòe loẹt. Rồi nó tha ở đâu về một đồng sách cũ, nhiều quyển mất bìa hoặc xoắn tít. Nó sang bảo con Linh giúp vuốt ve, dán kẹp những quyển sách cũ cũng khiến con gái ông hoạt bát hẳn lên. Hùng xây dựng một nhà sách gia đình (tức là một thư viện nhỏ) cũng đầy đủ giá gỗ; đánh số sách, có bìa mượn sách cùng với lịch mở cửa. Có điều chủ nhà mở cửa phục vụ vào các buổi tối. Khu nhà anh trở nên nhộn nhịp, ồn ã, tiếng trao đổi, mượn mỗ, tâm sự, tranh luận về những chủ đề cuốn hút. Sang nhà sách của Hùng, tiếp xúc với các độc giả trẻ làm Linh vui đi những buồn phiền. Mới có hai giá sách và đôi trăm cuốn cũng tạo nên bầu không khí thân thuộc. Cô vuốt ve những cuốn sách sứt sờ, nhàu nhĩ như muốn san sẻ chút buồn phiền. Chợt Linh nhìn thấy bố. Ông cũng được Hùng mời, bởi anh là trưởng nhà sách, mở cuộc hội thảo cho hàng ngũ độc giả trẻ tuổi. Không ngờ cuộc hội thảo lại bùng lên hừng hực dữ dội. Cuốn “Thép đã tôi thế đấy” với nhân vật Raven như một lò lửa phần phật cháy giữa ngôi nhà. Nó thiêu đốt những kẻ xấu xa, đen tối. Vô tình, Linh cũng đỡ đẫn, ngây ngây chịu cái rát bỏng của ngọn lửa bốc lên từ trang sách. Nàng giận mình bị lóa mắt trước vẻ đẹp trai của tay Giám đốc, giận mình không đọc được tâm địa lừa dối của những kẻ hào hoa. Rồi bỗng nhiên nàng thút thít, nước mắt tràn ra khiến

cả phòng đọc ngẩn ngơ. Không ngờ cái anh chàng Paven kia lại có sức làm cho Linh đau đốn, ân hận. Cũng là lúc Trương thôn Kiên tham gia làm phòng đọc nóng lên. Suýt nữa ông bực bội trước thái độ ủy mị của con gái. Thằng cha Paven là cái thá gì mà làm con gái ông thút thít. Ông quay sang Hùng “Cái anh Paven này làm nghề gì? có nhiều tiền, nhiều bất động sản không và có vợ đẹp con khôn không? Nếu “không” thì chẳng làm gì phải học tập. Anh ta phải dạy chúng ta khôn ngoan, làm giàu một cách nhanh chóng; dạy chúng ta thiên biến vạn hóa, biến nghèo thành giàu có, biến khổ sở thành hạnh phúc sung sướng. Hùng có một chút lúng túng. Nhưng chính Trương thôn lại đem đến cho hội thảo liều kích thích khiến nó bùng lên, rôm rả, sôi nổi.

Cuộc hội thảo kết thúc chấm dứt cuộc ồn ào lạc lõng giữa đêm khuya đã lặng đi chìm đắm hàng trăm giấc ngủ. Linh ra cổng bước theo những ngọn gió heo heo, vương vít khiến tà áo căng lên phập phồng. Gió như kéo, như đẩy Linh đứng lên bờ sông lấp lánh. Làn nước chào đón nàng bằng những vạt sóng lung linh, rục rỡ. Nàng ngồi thừ mặc gió sông thốc lên rười rượi. Nàng không buồn ngủ để thấy cái bụng đang khẽ khàng phồng lên dưới làn áo mỏng manh. Một sinh linh bé bỏng, chập chờn bỗng tựa quây như muốn khẳng định trước tâm trạng hoảng hốt của nàng. Nàng sẽ đánh mất Hùng dù mới manh nha, thấp thoáng thứ tình yêu mỏng mảnh như tơ. Nàng ngồi. Đêm cứ trôi trên mái tóc dài buông thõng sau lưng áo, bọc lấy nàng bằng thứ vải mỏng như tơ, mịn màng, êm ả.

Ông Kiên về nhà. Nằm trong chăn, đầu óc ông vẫn lờn vờn chàng thanh niên lạ lùng. Tiến sĩ không, kĩ sư không. Hấp không ra hấp, thông minh không ra thông minh. Vậy mà bọn trẻ làng ông say như điên đảo. Ông rửa thềm. Không ngủ được, chợt nghĩ đến con gái. Sang buổi con vẫn trống huơ, ông muốn xum xuống. Chỉ có nó. Mẹ nó đã mất trên giường đẻ, ông đang dùng dằng tục huyền thì xảy ra bao nhiêu việc. Đành gác lại. Ông tức tối sang nhà Hùng như muốn bắt đền cậu ta. Hùng đang mơ màng thì tiếng ông Kiên xọc ngang ngoài ngõ, thất thanh, run rẩy “Hùng ơi! Cứu bác”. Anh nhồm dậy, dụi mắt, nhận ra dáng lẩy bẩy của Trương thôn. “Sao bác?”, “Con Linh nhà bác không về”. Ông cầm chiếc đèn pin sáng quắc, rung bần bật xấn rạch từng mảng tối, đen sẫm. “Bác cứ bình tĩnh” - Hùng động viên. “Anh bảo sao? Nhủn hết cả người đây này”. “Cháu sẽ cử hai bạn theo hướng trung tâm. Còn cháu và bác ra hướng bờ sông”. Nó đến “bờ sông” ông Trương thôn đã rúm người lại. Nó buồn. Nó tủi hờn. Nó sa vào những điều cấm kị. Và nó dám liều đây. Nghĩ đến đây, Trương thôn cứ rối mù “Nhanh lên. Không kịp mất. Nếu anh tìm được, tôi cho không đây!” Hùng ngó ra. Anh cũng yêu Linh nhưng thật nhất. Mấy lần định nói mà lưỡi líu lại. Chân tay run rẩy. Rồi sau đó, anh cảm thấy mất Linh khi cô đã có chỗ hẹn hò với tay Giám đốc đẹp trai. Đến khi Linh vác bộ mặt buồn bã thì anh lại thấy cơ hội đang về. Giờ nghe Trương thôn rao thương, Hùng không khỏi bồi rối. “Bác nói sao?”, “Rằng tôi sẽ cho không anh nếu anh tìm thấy nó.” “Bác nói thật chứ? Nếu thật bác nói vào chiếc mích

của cháu”. “Được. Nhanh lên”. Hùng mở mích để ông Kiên há mồm như nuốt chửng chiếc điện thoại. Ông nhắc lại rồi hứa khiến Hùng mừng quỳnh. Hai bác cháu dò dẫm ra bờ sông. Nước vẫn róc rách thì thềm với những cơn gió tình tứ lượn xuống quét một nụ hôn dài trên mặt sóng. Đêm như trở lại thời trung cổ, hoang vắng, im lìm. Con người đang ẩn trú trong những giấc ngủ mê mị, trả lại cho thiên nhiên sự hoang dã với những đám mây uy nghi bay lượn, những quả đồi chen chúc như muốn lật lên, những cánh đồng phẳng phiu, duỗi dài mặc cho cơn gió dài cần mẫn xoa xuyt, nắn bóp. Rồi anh như cảm thấy Linh. Cái bóng đen dài, gầy guộc, mềm mại chập chờn bắt lên lờ nhờ. Anh háo hức tiến lên sẽ túm chặt cổ tay tròn lẳn và lồi nhẹ về phía mình, để cho cơ thể em sẽ ập vào. Nhưng đến nơi, em đã biến mất, để lại một cây bạch đàn đơn độc. Mắt anh căng ra, quét vào cánh đồng mấp mô xục xạo, kiếm tìm. Em đã ẩn nấp chỗ nào. Bóng tối trùm lấy em, giấu em trong bức màn đen nhánh. Có lẽ em đang nhập thân vào lùm cây nào đó hay ép mình trong bờ ruộng đen sẫm. Anh cùng ông Kiên dò dẫm, lẹ làng như đi dò mìn. Bất ngờ, một tiếng “ùm” xé rách mặt sông, hắt lên một vòng cung nước lấp lánh, bạc trắng. Tiếng của ông Kiên thất thanh “Con ơi! Linh ơi!” đau đớn. Rồi ông chợt tỉnh “Hùng ơi! Cứu nó đi”. Không thấy Hùng đâu. Anh đã nhao xuống lòng sông mà không để ý ông bố đang lão đảo như múa trên cánh đồng đen sẫm. Linh đã nhảy xuống sông Tiêu. Nàng đã lằm nhằm với con: Hãy tha thứ. Mẹ xấu hổ với ông Paven kia lắm. Mẹ phải trả giá cho những ngu xuẩn và thấp hèn”. Giờ

nàng đã nằm trên đôi vai vạm vỡ của chàng trai Đông Ngàn. Anh đã vớt được Linh. Vết nàng trên vai như vết mảnh vải. Nước rãi và nước sông Tiêu chảy òng ọc từ miệng nàng. Rồi anh đặt nàng trên bãi cỏ gà mượt mà. Những cọng cỏ ngóc lên đỡ tấm thân mềm oặt ướt sũng. Anh nhanh chóng dứt vạt áo đang bó chặt ngực nàng, để lộ bầu ngực xám ngắt, rồi hai bàn tay không cần nàng đồng ý, đặt lên bầu ngực căng tròn nhẹ nhàng day lên day xuống khiến làn da ngực bắt đầu hồng lên, và đôi môi chàng, cũng không cần nàng đồng ý, đặt vào đôi môi nhỏ nhắn, hút mạnh làm trào lên những đọt nước. Sau này bọn bạn đã trêu, rằng lợi dụng Linh ngắt lịm vì no nước, anh ta đã đặt tay lên bộ ngực và hôn chùn chụt. Đợi Linh điên lên thì họ mới giải thích “nếu không thế thì chết còng queo rồi. Mà sống được là nhờ Hùng đấy.” Đạn ấy, anh đưa Linh lên bệnh viện đa khoa Đông Ngàn, thay cho ông bố sau một đêm thức trắng. Về nhà, ông có được nghỉ ngơi đâu. Đầu óc bị rung lắc dữ dội. Việc con gái rồi mù như đám cháy. Không biết rồi nó sẽ ra sao? Bất ngờ, đi vào phòng con, sổ sách đồ đạc ngổn ngang. Một cuốn sổ lật nghiêng khiến người bố tò mò, nó như phôi với ông những uẩn khúc của người chủ xinh đẹp... Những dòng chữ nhỏ xíu chạy loằng ngoằng “Anh Paven ơi. Anh có thể bảo em một câu, được không? Cái anh bạn Giám đốc của em có xấu xa, đều giả không? Theo em, anh ta là kẻ lừa dối, phỉnh phờ để em ảo tưởng, dâng hiến. Nhưng anh ta phản bội ngay khi biết em có bầu”. Đọc đến đây, ông muốn ngắt xiu. Mồ hôi vã như tắm. Ông muốn bầm vằm thẳng Giám đốc làm hại đời con mình. Ông sốt ruột muốn lên ngay với con.

Thế là chiếc xe máy già cỗi phun khói mù mịt đưa ông chủ hốc hác của nó lên bệnh viện thành phố. Cái hiên trước cửa phòng khám dài thông thốc chỉ còn gió lùa mát rượi, anh con rể tương lai đã được bác sĩ gọi vào. Lòng ông chộn rộn, hồi hộp. Ông nép bên cửa sổ để nghe ngóng, để giữ cho trái tim đỡ lồng lên. Qua khe cửa, con gái ông đã diện bộ áo bệnh nhân và màu da đang hồng trở lại. Giọng bác sĩ khẽ khàng hát về phía chàng trai:

- Anh là chồng của nạn nhân?

Hơi sững sốt. Nhưng Hùng quả quyết:

- Vâng. Tôi là chồng. Có điều gì quan trọng bác sĩ chỉ bảo.

- Báo tin mừng là hai mẹ con khỏe mạnh. Cháu bé trong bụng nạn nhân bình thường.

Hùng cảm ơn bác sĩ. Linh vẫn lẳng nghe, lòng quặn lên hồi hộp. Nàng như thí sinh dự thi và lo lắng chờ kết quả. Nghe tiếng “vâng” ngắn gọn để làm chồng và làm bố, nàng giàn giụa nước mắt ơn anh. Con người cũ càng ấy lại chứa chất một tấm lòng đỏ như son. Ngoài hiên, ông Kiên như nằm mơ trước những điều tốt đẹp đang diễn ra trong căn phòng bệnh viện. Chàng rể tương lai của ông! Tuyệt vời quá. Ông sẽ đáp ứng ý nguyện của cặp trai gái xây dựng một thư viện, nay mai thôi, giữa trung tâm khu phố, ông sẽ khai trương một trung tâm văn hóa để mỗi người dân quê ông được tận hưởng vui chơi, rèn luyện và thả hồn vào những trang sách, để rồi, các anh chàng Paven nào đó tha hồ múa mang, vung chân vung tay, mê hoặc đám trai gái làng ông, đưa họ đến một chân trời lạ lùng, mới mẻ./.

Bao giờ đến Hội?

NGUYỄN THỊ ĐƯƠNG

Làng tôi ở ven sông Cầu, con sông bốn mùa lơ thơ nước chảy, yên bình và dào dạt. Hạ, thu, đông... người dân trong làng chí thú làm ăn bên đầu làng cuối bãi để mỗi độ xuân về khi cây cối đâm chồi nảy lộc, hội làng cũng rộn ràng nơi đầu thôn cuối xóm.

Tôi nhớ những ngày hội vật rộn rã, nao nức.

Sân đấu vật đắp chính giữa ao đình, chỉ duy nhất một con đường nhỏ đi ra. Xung quanh bờ, ken dày là người. Tiếng trống thì thùng giục gọi, tiếng reo hò huyên náo, tiếng loa oang oang trong gió; hình ảnh giải thưởng: những chiếc xoong đúc, chậu nhôm, có khi là xe đạp lủng lẳng trước cửa đình... tất cả in vào đầu óc thơ bé những ấn tượng không thể lẫn của mùa xuân. Cả không khí chen chúc ngọt ngào của dòng người khi buổi hội vừa tan. Xác pháo hồng bay trong mưa, trong gió rét, bay trong vùng trời kí ức suốt những tháng ngày Giêng Hai.

Và những ngày hội lan man suốt cả mùa.

Tôi nhớ hội Khán hoa ở chùa Phật Tích. Những vòng mẫu đơn đỏ rực ở sân chùa, ở cổng, dọc con đường lên núi, men theo bờ đất, rải rác ở khắp nơi... tưởng như triền miên nở từ ngày chàng Từ Thức gặp Giáng Hương cho đến tận hôm nay - khi bao tao nhân mặc khách đến đây cũng mong gặp người tri kỉ. Hương khói nhiệm màu, khăn áo xông xênh. Là hội hay mùa xuân dâng lên niềm tha thiết trong nụ cười và trong ánh mắt? Khi mỗi bước đi trong chốn lâm thiền lại gặp một bước hoa. Hoa ngập trong sương và trong nắng, hoa vương những lời nguyện cầu, rủ rỉ mong một năm nhiều an lạc, yên vui! Phật ngự xa xa trên kia, vừa thâm trầm vừa gần gũi, như gửi gắm bao điều đến chúng sinh đầy âu lo, ước vọng; tiếng chuông văng vẳng khắp rừng cây, mỏm núi như nâng bước bao kẻ đang thành tâm tìm về cõi tịnh. Tháp phía bên kia, luôn rộng mở để lan truyền và đón âm vang của cuộc đời. Màu gạch nâu

đỏ ánh lên niềm nương tựa. Dưới chân tháp, thấp thoáng những loài hoa dại không tên, hân hoan, thur thả.

Hoa ở chùa luôn đẹp một vẻ riêng, cất thanh âm riêng: bình tâm và tĩnh lặng.

Tôi nhớ hội pháo Đổng Kị. Dù lâu lắm rồi đã có lệnh cấm đốt pháo nhưng nỗi nhớ pháo vẫn không nguôi trong tâm thức mỗi người đã từng được nghe tiếng pháo mỗi dịp Tết đến, xuân về hay trong các sự kiện trọng đại. Và nỗi nhớ nhưng hoài niệm ấy được thỏa phần nào khi hòa cùng dòng người nô nức theo chân những mô hình quả pháo khổng lồ được trang trí rực rỡ, rước từ đình - nơi cất giữ rồi tỏa theo khắp các ngõ đường làng.

Tôi nhớ hội tung hoa bên kia sông, không chỉ



bởi nó được tổ chức vào một ngày đặc biệt: mùng 2 tháng 2 Âm lịch mà còn bởi một tập tục độc đáo, cuối buổi chiều ngày chính hội sẽ có màn tung... hoa. Người tung được tuyển chọn kỹ lưỡng, nhất thiết phải là thanh niên chưa vợ, khôi ngô, tuấn tú, khỏe mạnh, sẽ trèo lên cành cây gạo cao nhất ở trước nghè với một chiếc túi to. Rồi từ trên đó sẽ tung xuống những bông hoa... Hoa ở đây là những miếng bánh được đồ từ bột nếp, ban đầu rền, dẻo nhưng để lâu đã thành những thanh bột rắn đánh nhuộm sắc đỏ... rất lạ mắt. Đám đông bên dưới háo hức, chen lấn để mong đón được nhiều hoa. Vì rằng, hoa đỏ mà đem vùi vào thùng gạo, thùng thóc thì chẳng mấy thùng gạo, thùng thóc sẽ đầy lên. Mà nhà nông, ai chẳng mong thóc gạo quanh năm đầy ắp. Hoặc nếu không, mang hoa về hấp vào nồi cơm là trở thành món bánh thơm ngon, hấp dẫn. Hoa tung giữa chiều xuân muộn, miếng bánh lộc có khi thấm đẫm mưa xuân sao như nghe thấy âm thanh nảy nở từ trong hơi gió, trong lòng người. Tục tung hoa bắt nguồn từ huyền tích về người con thứ tư của Đức Thánh Tam Giang nên nhuộm màu huyền thoại và gieo vào lòng người niềm tin, niềm mong ngóng cho khởi sự đầu xuân. Người ta mong một năm êm ấm, mưa thuận, gió hòa, phong đăng hòa cốc. Kẻ cả không đón được hoa - lộc thánh thì niềm hi vọng vẫn dạt dào khi chân bước lên con đò đang dập dềnh xuôi theo dòng nước. Để rồi lại đợi đến hội năm sau, lại ngóng lên những cành gạo chênh vênh, ngạo nghễ.

Tôi nhớ hội Lim “đền hẹn lại lên” bên chùa Hồng Ân giữa đồi thăm thẳm. Lỡ hẹn một lần còn dửng dăng đến mãi mai sau. Câu Quan họ chạnh lòng người lữ thứ; anh hai, chị hai mặn mà trẻ mãi với mùa xuân. Hội Lim mỗi ngày một đông, dòng người chen nhau như nêm cối; những canh hát dập dìu không ngớt. Quan họ trên đồi, Quan họ trên sân, Quan họ giữa hồ, Quan họ ở lòng ai? Là người nhớ hội tìm về với hội hay nhớ những ân tình đã gửi trao khi xuân sang; nhớ mớ ba mớ bảy, nhớ điệu dằng và nhớ nụ cười duyên?

“Trúc xinh trúc mọc đầu đình, em xinh em đứng một mình vẫn xinh” - phải lời chàng trai đang ước hỏi, đưa tình với những cô gái Kinh Bắc nét na, xinh xắn vừa đang độ trăng tròn, hé nở.

“Còn duyên kẻ đón người đưa, hết duyên đi sớm về trưa mặc lòng” - phải lời than thở chạnh lòng của những cô gái đã qua thì, lỡ phận? Những tâm tư, xao xuyến vừa rộn ràng, vừa lắng đọng cứ tha thiết giữa núi đồi, mây trời Kinh Bắc- mảnh đất ngày xưa từng quyền rũ cả những nàng tiên.

Tôi còn nhớ hội chùa Dâu, chùa Bút Tháp bên kia sông Đuống.

Khi mùa xuân đã cạn, khi những lễ hội dập dìu đã vui, như trả nốt nỗi lòng cho hương sắc cuối cùng. *“Dù ai buôn bán trăm nghề, tháng Tư ngày 8 thì về hội Dâu”*- Mừng 8 tháng tư âm lịch, về với hội, để trở về nguyên thủy tâm can - thăm đạo để sống với đời. Háo hức với lễ rước, những màn chạy đuổi kiệu quay vòng, kịch tính để tính năng, mưa cho cả một năm dài. Để mong cầu, ngưỡng vọng những điều quen thuộc suốt bao đời. Không khí

hội tung bừng dẫn dụ người về hay nét cổ kính của ngôi chùa nhiều tuổi đã đánh thức những nôn nao, xao xuyến?

Đề gần cuối tháng Tư, lại tiếp nối một lễ hội ở ngôi chùa phía bên kia - chùa Bút Tháp. Những pho tượng đất an nhiên dường vậy vẫn ánh nét suy tư giữa bộn bề và nhộn nhịp. Mưa xuân đã thổi bay, hương của mùa xuân đã phân phát khắp nơi cùng mầm non, nhựa mới. Nắng tràn những con đường đất đỏ, phủ bụi trên khuôn mặt khách bộ hành; thắm mề hôi trên trán phật bà nghìn mắt, nghìn tay. Ánh mắt, bàn tay người vẫn luôn dõi theo và nâng đỡ những tâm hồn yếu đuối, chông chênh; những kẻ còn lạc lối giữa bến mê, cõi tạm. Tan hội, về qua sông, ngắm con đò rẽ nước xuôi dòng như muốn nói lời tiễn biệt. Tiễn biệt những thanh âm và náo nức của những ngày hội hè xứ Bắc.

Đi dọc mùa xuân - men theo tiếng trống thì thùng như tiếng lòng thúc giục. Xuân còn ở mãi, không chỉ trên mỗi nhánh cây, ngọn cỏ, khóm hoa. Xuân trong ánh mắt người và... xuân ở trong tim!

Ôi những lễ hội đầu năm - bây giờ chỉ còn trong nỗi nhớ. Ba mùa rồi, dịch bệnh hoành hành làm ngưng hết mọi hoạt động tập trung, ngưng hết những hội hè trong tiết xuân, mưa bụi. Có lẽ, chưa bao giờ nỗi nhớ hội lại xao xác, mõi mòn đến thế. Không phải chỉ nhớ không khí náo nức, dập dìu, những dòng người rộn rã mà là nhớ một nét mùa, nhớ xôn xao và góc hồn xứ sở đã bám rễ trong tâm thức tự bao đời. Và còn bởi tha thiết mong những bình yên trở lại.

Bao giờ hội trở về là mùa xuân trọn vẹn, với ánh cười tỏa nắng vạt sông Cầu nơi quê mẹ yêu thương./.

NGUYỄN ĐÌNH CHẾ

Mây đừng trôi đi nữa

Xin ngừng gió, cho mây ngừng trôi
Mây vẫn mây, lơ lửng trên trời
Xin níu kéo cho mây dừng lại
Để cùng tôi. Mây ơi, mây ơi.

Mây vẫn đây, buồn chi vùng Á Lữ
Lăng Kinh Dương Vương, bia đá “Bất vong”.
Dòng Thiên Đức vẫn dào dạt sóng
Lúa ngô khoai xanh mượt trên đồng.

Mây có buồn với Thất Diệu Sơn
Nâng đỡ những nàng Tiên đêm đêm chớ đất
Đắp Loa thành dựng lên địa ốc
An Dương Vương, Âu Lạc trường tồn.

Mây có buồn, sông Nguyệt Đức
buổi hoàng hôn
“Nam quốc sơn hà”, Ngã Ba Xà vang vọng.
Mây đừng buồn, vì trời còn cao rộng
Để mây bay cao mãi núi sông này

Xin hết gió, cho mây lại bay
Gió Đông Nam, át gió mùa Đông Bắc.
Mây vẫn đây. Sao buồn se sắt
Gửi cùng Mây. Ta gửi cùng nhau !



NGUYỄN XUÂN HUY

Đường hoa

Trên đường làng vui bước
Hoa nở rộ bên đường
Xinh xinh - biển tự quân
Thoảng ngào ngạt mùi hương.

Đây đoạn đường phụ nữ
Kia đoạn đường thanh niên
Hoa bốn mùa khoe sắc
Cứ ngày càng đẹp thêm.

Đất nước vào đời mới
Làng xóm mới từng ngày
Ngắm sắc hoa nhẹ bước
Yêu sao những bàn tay./.

VŨ ĐÌNH ỨNG

Bến bờ thi ca

Nhón gót đã sang tới hội mình
Đôi bờ Bắc Bắc bỗng lung linh
Dòng Thương lơ lửng mềm như lụa
Bến Nguyệt mơ màng đẹp tựa tranh
Hiền hữu Vệ An chờ góc phố
Thi viên Kinh Bắc nép bên thành
Tình ta ngây ngất, thơ như rượu
"Chị cũng xinh mà em cũng xinh"⁽¹⁾./

(1): Trong bài "Tranh Tố nữ" - Hồ Xuân Hương

NGUYỄN VĂN HÀO

Hội làng

Ngày xuân én lượn hoa khung trời
 Mừng lễ hội làng lệ tới nơi
 Cờ mở trống giông màn rước tế
 Loa vang nhạc nổi cảnh vui chơi
 Dòng Tương đến hẹn ru hồn khách
 Quan họ giao tình quyện lúa đôi
 Đức thánh Cao Sơn phù hậu thế
 Tiêu long toả ngát rạng muôn đời./

PHƯƠNG HỮU THIÊN

Hè về

Hè về sao vắng tiếng ve
 Lặng nhìn chả thấy rặng tre ven làng
 Thay bằng nhà cửa cao sang
 Thương con cò cứ lang thang bay hoài !

Đa già đón nắng ban mai
 Bóng nghiêng thảm nhựa trải dài đường quê
 Tường sơn khoe sắc lối về
 Phố quê ơi! Hãy giữ nề nếp xưa!

NGUYỄN TỰ LẬP

*Mỗi tháng Tư về
thêm nhớ bạn nhiều hơn*

Hai đứa mình cùng quê cùng tuổi
 Thuở chẵn trâu chung áo, chung quần
 Khi lớn lên đều vào bộ đội
 Mỗi lá thư nhà... như bữa tiệc ngày xuân

Thế rồi bao năm... giờ chiến thắng tới gần.
 Khi đánh vào Nội Đô bạn không may ngã xuống
 Khấp mình đỏ loang... vẫn dõi về một hướng
 Miền đất thân thương - nơi có mẹ, người yêu...

Nửa thế kỷ trôi qua

thua, được... bao điều
 Đất nước, quê hương đổi thay chóng mặt
 Nhưng có lẽ nào chúng ta để mất
 Tình thuở học trò, tình đồng đội sắt son...

ĐÀO QUANG THẮNG

Du xuân sông Đuống

Sông Đuống đôi bờ thêm nhún nhảy mùa yêu
 Ai gánh hoa xuân làn hương bay ngát
 Chân khỏa bên Hồ. Lòng thiên Bút Tháp
 Quán Dốc chưa trào hồn đã thiên thai./



BẢO VẬT CHỐN

"TỔ ĐÌNH" PHẬT GIÁO BẮC NINH

QUANG THUẬN

Chùa Dâu tên chữ Cổ Châu, Thiên Định, Diên Ứng... là ngôi chùa cổ nhất, gắn chặt với quá trình hình thành và phát triển của Phật giáo Việt Nam. Theo truyền thuyết và thư tịch cổ, chùa được khởi dựng từ thế kỷ II sau Công nguyên trên khu "kiết địa" thuộc tổng Khương, xứ Giao Châu thời thuộc Hán (nay thuộc khu phố Thanh Khương, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Ngôi chùa này được coi là chùa Cả trong hệ thống chùa Tứ pháp vùng Dâu, gồm chùa Dâu thờ Phật Pháp Vân (Thần mây), chùa Thành Đạo thờ Phật Pháp Vũ (Thần mưa), chùa Phi Tướng thờ Phật Pháp Lô (Thần sấm), và chùa Phương Quan thờ Phật Pháp Điện (Thần chớp). Xa trong lịch sử, chùa Dâu từng là nơi trụ trì, truyền đạo, kho tàng kinh kệ của nhiều thế hệ tăng ni nổi tiếng. Tiêu biểu như: Tì Ni Đa Lưu Chi, người Nam Thiên Trúc, dòng dõi Bà La Môn, năm 580 sang nước ta, trụ trì chùa Pháp Vân. Pháp Hiền, xuất gia ở chùa Pháp Vân. Thiền sư Thiện Hội, trụ trì chùa Thiên Định, hương Siêu Loại (tức chùa Dâu)..

Qua thăng trầm của lịch sử và nhiều lần trùng tu tôn tạo, đến nay chùa Dâu vẫn giữ được những nét kiến trúc cổ kính và là nơi lưu giữ một kho tàng di sản văn hóa quý giá của dân tộc Việt Nam bao gồm: Hệ thống tượng thờ, bia đá, chuông đồng, khánh đồng... Đặc biệt đây còn là nơi khắc in và lưu trữ nguồn thư tịch cổ Việt Nam khá phong phú. Trong đó, tiêu biểu là hơn 100 tấm ván in (mộc bản), chia làm 12 bộ sách khác nhau gồm: Cổ Châu hạnh, Cổ châu lục, Cổ Châu nghi, Âm chất giải âm, Nhân quả quốc ngữ, Kỳ vũ kinh, Kỳ vũ hồng ân công văn, Thịnh Long Vương nghi, Công đức, Mục Liên, Tam giáo, Phù chú, và một số ván tồn nghi do chưa xác định được tên gọi. Trong số đó, bộ ván Cổ Châu hạnh, Cổ châu lục, Cổ Châu nghi, Nhân quả quốc ngữ, Kỳ vũ kinh, Thịnh Long Vương nghi còn nguyên vẹn các mặt ván. Các bộ ván khác, do thời gian, đã không còn nguyên vẹn số lượng các mặt ván.

Tổng thể, những mộc bản chùa Dâu đều được làm bằng gỗ cây Thị, là thứ gỗ sáng màu, có nhiều ưu điểm là độ bền cao,



ít mắt gỗ, thớ gỗ mềm, mịn, dai, dễ chạm khắc, ít cong vênh, khó nứt vỡ, và thường được sử dụng trong nghề khắc mộc bản của Việt Nam và một số nước vùng Đông Á. Các bản khắc đều có hình dạng chữ nhật, kích thước không đồng đều, tùy theo từng bộ mà có độ lớn nhỏ khác nhau, và đều được khắc chữ trên cả 2 mặt ván. Kích thước trung bình ở hầu hết các mộc bản tại chùa Dâu có chiều dài từ 40 - 47(cm), rộng từ 19 - 24(cm), dày từ 1,5 - 2,5(cm). Chỉ một số ít mộc bản kích thước chiều dài ván nhỏ hơn hẳn, như Âm chất giải âm. Hoặc có kích thước dài hơn 60cm như: Mục Liên, Phù chú, Công đức. Ở một số ván có đan xen những đồ hình minh họa

được bố cục chặt chẽ, hài hòa với phần văn tự. Ở trang đầu các bộ mộc bản đều có tên tác phẩm, trang cuối mỗi cuốn sách có lạc khoản cho biết thời gian san khắc, người san khắc... Chữ khắc trên mộc bản được khắc nổi, kiểu khắc ngược (âm bản), để khi in ra giấy sẽ trở thành chữ xuôi. Các ván in được khắc kiểu chữ chân phương dễ đọc, đường nét mềm mại, có tính thẩm mỹ cao; khi in ra giấy dó, chữ rất sắc nét. Mỗi trang sách in ra sẽ có biên lan (khung viền lề sách), bản tâm (vị trí khắc tiêu đề sách), ngư vĩ (gáy sách). Trải qua gần 300 năm, các ván in sau nhiều lần in đều ngả màu đen bóng, bề mặt phủ một lớp mực in khá dày có tác dụng chống thấm nước, mỗi mọt.

Bộ mộc bản Cổ Châu hạnh (tên đầy đủ là Cổ Châu Phật bản hạnh) gồm 11 tấm ván (21 mặt ván). Trên mỗi bề mặt ván đều tạo khung viền có kích thước 30 x 23cm, được chia làm 13 cột dọc, khắc tiêu đề tác phẩm chữ Hán ở cột chính giữa của tất cả các ván, và ở cột đầu tiên (cột ngoài cùng bên phải) của ván thứ nhất bộ này. Các cột còn lại khắc nội dung tác phẩm bằng chữ Nôm theo thứ tự từ phải qua trái, mỗi cột 14 chữ, tương ứng với một cặp câu thơ lục bát, chia làm 2 phần trên 6 chữ, dưới 8 chữ rất đều đặn và khoa học. Mỗi mặt ván in ra giấy, gấp đôi lại sẽ được 2 trang sách với khổ 15 x 23cm. Dòng cuối cùng của mặt ván 21 khắc dòng niên đại chữ Hán: “Cảnh Hưng thập tam niên chi Nhâm Thân phục nguyệt nhất dương cát thần”. Tức là: Cảnh đẹp ngày lành tháng 11 năm Nhâm Thân Cảnh Hưng thứ 13 (1752). Toàn bộ nội dung được thể hiện qua 496 câu thơ thể loại lục bát gồm 3472 chữ, kể lại sự tích bốn pho tượng Phật: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Có thể tóm lược như sau: Từ thời Hán Linh Đế, có vị đại sư hiệu là Khuru Đà La sang Giao Châu truyền đạo. Lúc bấy giờ ở làng Mãn Xá, huyện Siêu Loại có một người con gái tên là Man Nương theo thầy học đạo, không ngờ mang thai. Sau hơn 14 tháng, đến ngày mồng tám tháng Tư nàng sinh được một con gái. Theo lời cha, nàng mang con trả lại cho nhà sư. Trước lời cầu xin của nhà sư, một cây đa to mở thân đón đưa bé vào lòng. Nhà sư tặng cho nàng A Man một chiếc gậy và dặn nàng tìm nơi đất tốt thì lập am tu. Một hôm Man Nương về quê thăm mẹ, không ngờ gặp dịp đại hạn. Nhớ lời thầy Khuru Đà La dặn, Man Nương cắm cây gậy

xuống phía Đông thành Luy Lâu, nước tự nhiên tràn đầy, cứu được muôn dân khỏi cơn đói khát. Một hôm, trời mưa to, gió lớn, cây đa tróc rễ trôi về bên sông trước thành Luy Lâu. Sĩ Vương sai thợ chia cây làm 4 đoạn, tạc 4 pho tượng để thờ, đó là các tượng: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện. Tương truyền về sau các pho tượng trên đều rất linh ứng; có nhiều công phù hộ cho dân cho nước; nên đều được các đời vua ban sắc phong. Bốn pho tượng được gọi chung là "Tứ pháp". Những lời kể hạnh dựa trên ghi chép trong bộ ván in “Cổ Châu Phật bản hạnh” vẫn được hương dân địa phương ngâm nga trước Tam Bảo chùa Dâu cũng như các chùa thờ Tứ Pháp, đặc biệt là trong dịp lễ hội chùa Dâu. Đó là sức sống, tính kế thừa văn hóa dân gian - nét đặc sắc và ý nghĩa từ kho tàng mộc bản chùa Dâu - truyền lại trong đời sống văn hóa cộng đồng.

Bộ ván khắc Cổ Châu lục (tên đầy đủ là Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục) gồm 10 tấm ván. Giống như ván Cổ Châu lục, trên mỗi bề mặt ván đều tạo khung viền kích thước 30 x 23cm, được chia làm 13 cột dọc (cột ở chính giữa dành để ghi tiêu đề sách). Dòng đầu tiên của mặt thứ nhất khắc tiêu đề của bộ ván bằng chữ Hán “Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục”. Từ dòng thứ 2 trở đi cứ một câu (hoặc một cú đoạn) nguyên văn chữ Hán, thì một câu tiếp theo diễn ra chữ Nôm. Phần diễn Nôm (như lời chú giải phân chữ Hán) được khắc với cỡ chữ nhỏ bằng ½ chữ Hán nguyên văn. Người viết chữ đề khắc là Hải Tịch. Việc san khắc ván in do nhà sư Tính Mộ (1706 - 1755) trụ trì chùa Dâu lúc bấy giờ đứng ra trông coi, với sự

đóng góp và trợ giúp một số môn đồ. Công việc san khắc hoàn thành vào mùa Thu năm thứ 13 niên hiệu Cảnh Hưng (1752) triều Lê. Nguyên văn chữ Hán tác phẩm Cổ Châu lục dài khoảng 2100 trong tổng số 4986 chữ. Nội dung kể về sự tích bà Man Nương thành Phật và sự hình thành nên hệ thống chùa Tứ pháp ở Giao Châu. Tác phẩm ghi lại sự linh thiêng của Phật Pháp Vân qua các lần cầu đảo do đích thân nhà vua, hoặc hoàng hậu và các quan trong triều cử hành.

Bộ ván khắc Cổ Châu nghi (tên đầy đủ là Hiến Cổ Châu Phật tổ nghi) là một tập hợp có hệ thống các bài văn tụng niệm khi cúng dâng hương hoa trước anh linh các vị Phật tổ chùa Dâu và cả các vị Phật thuộc hệ Tứ pháp; gồm hơn 1500 chữ Hán được san khắc trên 7 ván gồm 13 mặt ván. Duy trên mặt sau của mặt ván trang 8 có khắc 1 mặt của bộ Kỳ vũ hồng ân công văn. Bề mặt ván có dạng hình chữ nhật, trên mỗi bề mặt ván đều tạo khung viền kích thước 30 x 23cm, được chia thành 11 cột dọc (cột ở chính giữa dành để ghi tiêu đề sách). Mỗi mặt in ra giấy, gấp đôi lại (để đóng thành sách theo lối cổ truyền) sẽ thành 1 tờ 2 trang với khổ 15x23cm, trên mỗi trang đều chia thành 5 dòng chữ khắc khá to và đẹp. Trong số 13 mặt ván khắc, có hai mặt là mặt thứ 5 và mặt thứ 12 có lẽ bị thất lạc hoặc hỏng nát, và không rõ từ bao giờ người ta đã khắc bù lại, nên Cổ Châu nghi coi như vẫn còn đầy đủ. Căn cứ vào dòng đầu tiên ở mặt ván thứ nhất cho biết, Cổ Châu nghi vốn là những văn bản chữ Hán đã được soạn ra từ xưa. Đến thế kỷ XVIII (thời điểm khắc ván) được nhà sư Thích Quảng Điều “dựa theo khoa nghi

cũ mà sửa chép lại”. Việc san khắc ván in do nhà sư Chiêu Tuyên trụ trì chùa Dâu lúc bấy giờ. Công việc san khắc Cổ Châu nghi hoàn tất vào cuối mùa hè năm Nhâm Tý, niên hiệu Quang Trung 5 (tức năm 1792).

Bộ mộc bản Thịnh Long Vương nghi là tác phẩm được khắc bằng chữ Hán cổ trên 7 ván, trong đó có 3 ván khắc 2 mặt và 4 ván khắc một mặt. Bộ ván không ghi niên đại và tác giả, chỉ ghi bản lưu tại chùa Diên Ứng. Đây là bộ ván khắc ghi lại các nghi thức cung thỉnh: Long Vương, Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương Lai Hạ Sinh Di Lặc Tôn Phật, Chân Thân Hiền Hiền Chính Pháp Viên Thông, Pháp Vân Phần Tấn Như Lai, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện, Thạch Quang Vương Như Lai... để cầu mưa.

Bộ mộc bản Nhân quả Quốc ngữ là một tác phẩm thơ lục bát bằng chữ Nôm trọn bộ 9 ván khắc cả hai mặt. Phần nội dung ghi lời dạy, thuyết Pháp của Đức Phật về thuyết nhân quả của thế gian. Ở bộ mộc bản này, trên ván số 1 có bố cục theo kiểu “nhất thư nhất họa”. Bộ ván có niên đại “Cảnh Hưng tam thập tứ niên xuân tiết cát nhật trùng san” (Ngày tốt tiết xuân niên hiệu Cảnh Hưng 34 -1773 san khắc lại), lưu tại chùa Diên Ứng để đời sau hiểu rõ.

Bộ mộc bản Kỳ vũ kinh là tác phẩm được khắc bằng chữ Hán cổ gồm 11 ván. Nội dung là di giáo của đức Phật Thích Ca; và chuyện Khuru Đà La - người nước Tây Thiên Trúc - đến bản quốc gặp A Man giảng sinh Tứ thánh (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện). Cổ Châu Diên Ứng tự là chốn linh thiêng, phạm gặp năm chống hạn cầu mưa, từ vương cung đến thứ dân đều thành tâm trai giới bày biện

như nghi thức, nêu tụng kinh là ắt được mưa lớn. Kinh giúp nước cứu dân cứu hạn rất linh nghiệm.

Các bộ ván khắc Kỳ vũ tự, Kỳ vũ Hồng ân công văn tập quyền, Âm chất giải âm, Mục Liên, Công đức, Tam giáo, Phù chú... tuy không còn nguyên vẹn, nhưng những ván khắc sót lại cho thấy khá phong phú nội dung về xã hội, Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo; họ tên quê quán những người công đức; mật chú và 10 thiên can từ Lục Giáp, Lục Ất... đến Lục Quý - một loại bùa của nhà chùa dùng trong lễ khai hội chay của một đạo đàn tràng.

Mộc bản chùa Dâu là những hiện vật gốc, độc bản, có tính toàn vẹn, xác thực, có thể giúp đối chiếu, sao lưu các tài liệu đã và đang lưu hành. Đây là những bộ ván khắc dành riêng cho chùa Dâu, do chính các vị sư trụ trì vào những thời kỳ khác nhau đứng ra san khắc ngay tại chùa. Do vậy mà tên các bộ ván đều có chữ “Cổ Châu”, hoặc khắc rõ địa điểm tàng lưu là chùa Diên Ứng (chùa Dâu). Thời gian san khắc được khắc rõ trong từng bộ ván, chủ yếu vào thế kỷ XVIII, số ít trong thế kỷ XIX và đầu XX. Bộ mộc bản từ khi san khắc đến nay được bảo quản, lưu giữ tại chùa Dâu.. Mỗi tác phẩm ở đây đều là một công trình nghệ thuật điêu khắc thể hiện giá trị thẩm mỹ của người xưa. Hình thức độc đáo nhất của bộ mộc bản chùa Dâu là sự thể hiện một cách linh hoạt các hình thức diễn đạt nội dung. Có những tác phẩm trong bộ mộc bản là sự kết hợp hài hòa giữa đồ hình minh họa và văn tự theo các dạng: thượng đồ hạ văn (trên hình dưới chữ), nhất thư nhất họa (một trang chữ một hình). Hình thức này giúp người đọc, người xem tác phẩm dễ

hiểu dễ nhớ nội dung tác phẩm. Các bức đồ hình được chạm khắc ở đây một cách tỉ mỉ, chau chuốt, sống động. Ngoài các tác phẩm về Kinh Phật, về nguồn gốc Phật Tứ pháp - còn có những tác phẩm mang đặc trưng riêng có của chùa Dâu. Đó là các nghi thức lập đàn tràng, cách dâng sớ các ban bách thần, ngũ phương long mạch, các bài cúng cầu mưa, cầu tạnh như: Thịnh Long Vương nghi, Kỳ vũ kinh, Kỳ vũ hồng ân công văn. Chùa Dâu và hệ thống Phật Tứ Pháp từ lâu đã gắn liền với ước vọng mưa thuận gió hòa của cư dân nông nghiệp.

Cùng với những giá trị trên, mộc bản chùa Dâu là những hiện vật có giá trị nhiều mặt, như về lịch sử, về phương diện Phật giáo; giá trị đối với vấn đề nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển trung tâm tôn giáo, tín ngưỡng vùng Dâu - Luy Lâu; giá trị về tư liệu, nghệ thuật thư pháp, về ngôn ngữ và tri thức dân gian. Đây là nguồn di sản tư liệu phong phú giúp các nhà nghiên cứu tìm hiểu về Tứ Pháp, về sự ra đời và phát triển của Phật giáo Việt Nam, về văn học, về ngôn ngữ, lịch sử nghề khắc in mộc bản, nghệ thuật điêu khắc gỗ cổ truyền... Do đó, Mộc bản chùa Dâu đã được Trung tâm Bảo tồn di tích và Xúc tiến du lịch Bắc Ninh tiến hành lập hồ sơ trình các cấp, ngành có thẩm quyền đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia, nhằm tôn vinh di sản văn hóa có giá trị tiêu biểu, nâng cao ý thức bảo vệ di sản của công chúng, đồng thời có cơ chế chính sách phù hợp cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản mộc bản trong thời gian tới./.

CHÙA QUỲNH LÂM NƠI ĐỊNH DANH HƯƠNG DIÊN UẨN SANG HƯƠNG CỔ PHÁP

DƯƠNG MẠNH NGHĨA

Sách **Thiền Uyển Tập Anh** (triều Trần) ghi: “Chùa Quỳnh Lâm ở phía tây hương Diên Uẩn. Hương Diên Uẩn và sau là Đại hương Diên Uẩn, thời Bắc thuộc nằm trong huyện Vũ Ninh, quận Giao Chỉ; Thời Tiền Lê (980-1009) đổi thành hương Cổ Pháp và Châu Cổ Pháp; Thời Lý (1010-1225) đổi tên thành Phủ Thiên Đức; Thời Trần (1225-1400) là huyện Đông Ngàn, Châu Vũ Ninh, Lộ Bắc Giang.

Địa danh hương Diên Uẩn và Đại hương Diên Uẩn, lúc này cả hương có trên 160 nóc nhà ở trên một vùng rộng lớn. “Vùng lõi của Diên Uẩn xưa, nay là làng Dương Lô, nằm áp sát đầu nguồn (hữu) nơi phát nguyên của dòng sông Tiêu Tương từ Loa Hồ xuống. Làng Dương Lô là một trong 22 làng cổ sông ở đôi bờ Tiêu Tương”.

Chùa Quỳnh Lâm, toạ trên một dải đất cao, đoạn đầu nơi phát nguyên của Tiêu Tương, đồng thời nằm trước nhánh chảy về phía Nam Đông làng, chạy trước cửa chùa Cha Lư, đầu hồi đình Dương Lô, ra Đồng Vàng xuống xã Đại Đồng nhập vào sông Tào Khê. Còn một nhánh phát sau “qua Miếu Lã”

về vùng núi Tiêu Sơn, người ta gọi là sông Tiêu Tương (có truyền tích về Trương Chi - My Nương). Như vậy chùa Quỳnh Lâm hai mặt Bắc và Đông là sông Tiêu Tương, vì vậy thường xuyên hưởng vượng khí sông Tương, hưởng ánh mặt trời từ buổi bình minh đến khi trời ngả màn đêm.

Thiền Uyển Tập Anh ghi: “Thiền sư Định Không, người họ Nguyễn thuộc dòng dõi vọng tộc, ông am hiểu vận số thế cuộc, người trong vùng suy tôn là trưởng lão. Ông xuất gia đi tu hành và trụ trì ở chùa Thiện Chúng, hương Dịch Bảng, phủ Thiên Đức”.

Đến nay theo sách **Khu di tích Luy Lâu - Giá trị lịch sử văn hoá và vấn đề bảo tồn** do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Ninh xuất bản năm 2016. Tác giả Trần Đình Luyện, Tiến sỹ lịch sử, chuyên ngành Khảo cổ viết: Chùa Thiện Chúng ở làng Xuân Quan, xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, nằm trong quần thể khu di tích Luy Lâu, chùa làng gọi là Huệ Trạch tự, thờ phật Pháp Thông trong hệ thống chùa thờ “Tứ Pháp”. Tại chùa này, Bảo tàng Bắc Ninh đã phát hiện bia “Xá

Lợi minh tháp” có niên đại năm 601).

Thiền sư Định Không là thầy của thiền sư Thông Thiện, cả hai thầy trò đều ở chùa Thiện Chúng sau đó mới về quê Diên Uẩn (quê nhà) để làm chùa Quỳnh Lâm và chùa Cổ Pháp. Hai vị sư này cũng là một trong 31 vị cao tăng, được tu luyện ở trung tâm phật giáo Luy Lâm, sau đó tràn về vùng Bắc Ninh (trong đó có vùng Diên Uẩn - Dịch Bảng).

Theo sách **Thiền Uyển Tập Anh** Thiền sư Định Không (730-808) khi đã già, sư về quê hương Diên Uẩn để xây chùa Quỳnh Lâm.

Năm Ất Sửu (785). Trước khi xây chùa ở bản hương, Thiền sư có tiên đoán rằng: Chính địa thế hương ta rồi đây sẽ sinh ra một nhân vật có thể thực hiện được nên tự chủ và nhân vật này sẽ là họ Lý. Chùa được xây dựng trên nền một am thờ nhỏ trong rừng có nhiều cây Quỳnh nên gọi là Quỳnh Lâm. Trong khi đào móng, thấy trong lòng đất một chiếc lư hương và mười chiếc khánh đồng, sư cho người mang xuống sông Tiêu Tương rửa, một chiếc rơi xuống sông liệng quay trong nước đến khi trạm đất mới nằm im. Hiện tượng này Thiền sư giải rằng: Mười chiếc là “thập khẩu” chữ “Thập” và chữ “Khẩu” ghép lại là chữ “Cổ”, một chiếc rơi xuống nước là “Thủy khứ”, hai từ ghép lại là chữ “pháp”. Còn lư hương chỉ thổ địa hương ta. Vậy ta đặt tên cho mảnh đất linh thiêng này là “Cổ Pháp”. Đổi tên hương ta từ hương Diên Uẩn sang Hương Cổ Pháp...

Nhân sự kiện trên, Thiền Sư có bài thơ:

Địa trình pháp khí

Nhất phẩm tình đồng

Chỉ phật pháp chỉ hưng long

Thập khẩu đồng chung

Lý hưng vương tam phẩm thành công

Dịch nghĩa:

Đất trình bày ra pháp khí

Phẩm chất tình đồng

Đưa phật pháp đến thuở hưng long

Đặt tên hương Cổ Pháp

Phật khí xuất hiện

Mười chiếc khánh đồng

Nhà Lý hưng thịnh tam phẩm thành công.

Theo các cụ cao niên của thôn Dương Lôi kể và một số sách cũng có ghi: Năm 1010, định đô xong Lý Thái Tổ về quê lập đền thờ mẹ (bà Phạm Thị) và quy hoạch khu sơn lăng cấm địa quanh mộ tổ. Vua thấy dân trong hương còn đói khổ, đình chùa miếu mạo bị đổ nát do thời gian, Vua đã ban tiền, lụa, gấm vóc cho các cụ bô lão, ban tiền gạo cho dân. Sau đó Vua cấp tiền để sửa 8 ngôi chùa trong vùng. Làng Dương Lôi được hai chùa, đó là chuyển chùa Minh Châu vào giữa hương (nơi có cây gạo xưa) gọi là chùa Cha Lư; mở rộng và nâng cấp chùa Quỳnh Lâm, đổi tên là Càn Nguyên Điện với ý rằng: Tại kinh thành có điện Càn Nguyên, là nơi Vua thiết triều bàn công việc nước, còn quê “mẹ Vua” phải có Càn Nguyên điện thu nhỏ (hình thức vẫn là chùa).

Do vậy: Tên chùa Quỳnh Lâm tồn tại 225 năm (785-1010). Tên chùa Càn Nguyên tồn tại 950 năm (1010-1960).

Chùa Quỳnh Lâm và chùa Càn Nguyên vẫn là (một chùa). Khi xưa chùa có diện tích gần 10.000 m² (được tu bổ mở rộng thời Vua Lý Thái Tổ) sau đó được tu bổ sửa chữa nhiều lần vào các triều đại sau. Chùa kiến trúc theo kiểu nội vương

ngoại quốc trong một quần thể liên hoàn gồm: Thượng Điện, Tiền Đường, nhà Tổ, nhà Mẫu, nhà khách và một số công trình phụ khác. Kiến trúc tổng thể có kiểu dáng đẹp, nội ngoại thất có nhiều hoạ tiết hoa văn trang trí tinh xảo. Cổng Tam Quan mái lợp ngói, cánh cổng bằng gỗ lim to dày, cửa chùa hướng Bắc nhìn xuống sông Tiêu Tương. Ngăn cách giữa chùa và sông (có một cái ao rộng). Sân chùa có hai cây nhãn đại thụ, ở cổng có hai cây đa to, một số các cây nhãn đại thụ trồng dọc theo sườn và sau lưng chùa theo hình bát quái. Xung quanh chùa đào hào sâu, đắp thành đất trồng tre bảo vệ. Toàn bộ khuôn viên chùa có nhiều cây xanh đa dạng, đặc biệt có 8 cây quẹo đại thụ, tạo nên một không gian tĩnh mịch trang nghiêm, vào chùa như vào chốn tùng lâm tiên cảnh.

Những năm 30 của thế kỷ XX, chùa Càn Nguyên là nơi tụ họp của các nhân sỹ yêu nước bàn việc chống Pháp, rồi đến thời kỳ kháng chiến là nơi hoạt động của du kích đánh giặc giữ nước.

Trước năm 1945, khuôn viên cảnh quan chùa không có gì thay đổi. Năm 1960 HTX nông nghiệp cắt đất chùa làm trại chăn nuôi và trồng hoa. Đến năm 1980, địa phương cắt đất chùa chia cho 22 hộ dân làm nhà, và chen vào đó một trạm biến thế điện, phần diện tích chùa còn lại là không đáng kể. Năm 1999, theo ý nguyện của dân, chùa được khôi phục, nhưng diện tích bị thu nhỏ chỉ còn trên 1000 m². Quy mô chùa hiện nay dân đã làm được 3 gian chùa lợp tôn, 3 gian nhà khách, 3 gian nhà sư ở và cổng.

Các di vật tiêu biểu còn lại:

Tấm bia đá: Văn Tự bi thiên tô, dựng vào thời Tự Đức thứ 15 (1862) nội dung:

Sau rằm tháng giêng 3 ngày, Tự Đức thập ngũ niên (1862) ghi: Chùa Càn Nguyên ở ấp ta, trải qua bao mưa gió đã bị đổ nát hết cả. Thiên tăng ở chùa là Pháp Đạo cùng vợ hiệu là Diệu Thành đã tự bỏ tiền của riêng ra tôn tạo hai toà tiền đường, thiên hương và xây hai dãy hành lang sau tô các toà tượng phật La Hán. Loại công đức này có thể bước lên bờ giác. Nay hương lý dịch cùng mọi người trong ấp ta hội họp tại đình trung, tôn bài vị vợ chồng ông cùng cha ông làm hậu phật có khoán ước ghi lại bi ký...

Lư hương vật vô giá nằm trong lòng đất 1000 năm. Giai đoạn 1978-1980, gia đình ông Phạm Đăng Bình, một trong số 22 hộ dân được chia đất chùa làm nhà. Khi đào móng làm nhà thấy một lư hương bằng đá gan gà ở độ sâu 80cm. Quan sát bằng mắt cho thấy: Thân và miệng lư hương có 6 cạnh bằng nhau. Từ hai góc của miệng có khoảng cách 19,5cm, ba mặt trước khắc trạm hai con rồng châu mặt nguyệt, ba mặt sau (bộ trí thấp hơn) khắc ba chữ Hán (nét chữ rõ ràng để đọc) Quỳnh Lâm Tự.

Lư hương: Đây là một vật báu, hiện vật giúp cho các nhà nghiên cứu lịch sử, các nhà sử học, khảo cổ học, các nhà nghiên cứu khoa học, các học giả và những người quan tâm đến vùng đất “Diên Uẩn - Cổ Pháp xưa”, Dươngôi (nay). Qua đó xác định “chính xác” địa danh chùa Quỳnh Lâm nằm trong không gian văn hoá nơi có mốc địa danh đổi tên từ Hương Diên Uẩn sang Cổ Pháp, và là nơi “Phát tích của triều đại nhà Lý” một triều đại hưng thịnh tồn tại 216 năm với 9 đời Vua trong lịch sử nước nhà./.

VŨ TỘC NGỌC QUAN

NHỮNG TRUYỀN THỐNG QUÝ BẢO

VŨ NGỌC HÒA

Ngọc Quan tên cổ là làng Xuân Lan thuộc xã Lâm Thao huyện Lương Tài tỉnh Bắc Ninh. Ngọc Quan hiện có trên 500 hộ gia đình và trên 1800 nhân khẩu gồm gần 10 dòng họ chung sống nhưng họ Vũ chiếm khoảng trên 60%. Những công trình kiến trúc, những hiện vật lịch sử cũng như những truyền thống văn hoá của thôn Ngọc Quan nói chung, của dòng họ Vũ nói riêng được bảo tồn đến ngày nay đã khẳng định họ Vũ Ngọc Quan là một dòng họ có mấy trăm năm hình thành phát triển rực rỡ trên mảnh đất này.

Họ Vũ Ngọc Quan có nguồn gốc từ Mộ Trạch - Hải Dương. Tại nhà thờ Đại tôn của họ Vũ Ngọc Quan (Di tích lịch sử văn hóa đã xếp hạng) hiện có đôi câu đối:

*Phát tích tự tăng Đông Mộ Trạch
Thành danh chi hậu Bắc Lang Tài.*

Tộc Phả dòng họ cũng như gia phả các chi họ cũng đều khẳng định cụ tổ họ Vũ Ngọc Quan là người làng Mộ Trạch thuộc

dòng tộc Vũ Hôn. Qua quá trình nghiên cứu chấp nối nay đã có nhiều chứng cứ để kết luận ông Tổ họ Vũ Ngọc Quan là người thuộc chi thứ V họ Vũ Mộ Trạch - Hải Dương.

Vào khoảng cuối thế kỷ XVI, người họ Vũ Mộ Trạch đầu tiên đến mảnh đất Xuân Lan - Ngọc Quan này là cụ Phúc Học. Cụ làm nghề bốc thuốc và dạy học. Thấy Xuân Lan là nơi thắng địa nên cụ Phúc Học quyết định định cư tại đây. Trải ba đời độc đinh, đến đời thứ 4 mới sinh thành 2 nhánh và từ đây Họ Vũ Ngọc Quan mới thực sự bước vào một thời kỳ phát triển.

Đến đời thứ 5, cụ Vũ Xuân từng là một điền chủ lớn. Cụ có tiếng là người nhân từ đức độ. Cụ hết lòng cứu mang những người nghèo khổ trong vùng. Truyện kể rằng những năm đói kém, người khắp nơi đến cầm cố nhà cụ, người làng Dợ còn đến cầm cố cả đình chùa cho cụ để lấy gạo cứu dân. Rồi một hôm, cụ cho mổ lợn giết trâu

làm cỗ mời gọi tất cả những người cầm cố của cụ đến ăn. Ăn xong cụ mang tất cả văn tự khế ước ra giữa sân đốt và tuyên bố xoá nợ cho tất cả mọi người. Người trong vùng vô cùng biết ơn cụ. Khi cụ mất, nhân dân làng Dợ còn năm nào cũng mang xôi lợn sang tế cụ vào ngày giỗ cụ.

Cụ sinh hạ được hai con trai thì cả 2 người đều thi đỗ Hương Cống và làm quan. Con trai cả là Thận Hiên tiên sinh Vũ Khuê đỗ Hương Cống năm 1717 sĩ chỉ Lâm Thao phủ Nho học Huân đạo, tặng Đông các Đại học sỹ, gia tặng Công bộ Hữu Thị Lang tước Lan Khê hầu. Con trai thứ là Hoàng Trai Tiên Sinh Vũ Quốc Ninh đỗ Hương Cống năm 1735 sĩ chỉ Tri Huyện huyện Kỳ Sơn.

Bắt đầu từ đây Vũ tộc Ngọc Quan không ngừng lớn mạnh. Nói tiếp truyền thống cha ông, các lớp hậu duệ Vũ tộc Ngọc Quan không ngừng tiến bộ. Con nói tiếp cha, em noi gương anh liên tiếp đỗ đạt và làm quan, tạo nên một hiện tượng trong vùng. Sách **Bắc Ninh dư địa chí** đã ghi nhận là một “Vọng tộc đất Lương Tài”. Người có phẩm hàm và học vị cao nhất là Tiến sỹ Vũ Miên (1718-1782). Cụ đỗ đầu khoa, Hội nguyên Tiến sỹ năm 1748 làm quan tới chức hành Tham Tụng Binh Bộ Tả Thị Lang, hành Lại bộ Tả Thị Lang kiêm Tế Tửu Quốc Tử Giám, Quốc sử Tổng tài, gia tặng Binh bộ Thượng thư. Tác phẩm nổi tiếng của Cụ là “Quốc sử tục biên”, “Lê triều Vũ Liên Khê công”, “Đại Việt lịch triều đăng khoa lục”, “Tự thuật ký”...

Con trai trưởng của Cụ là Vũ Chiêu, đỗ Hương Cống năm 1759 đặc tứ tiến triều,

đặc tiến Vinh Lộc đại phu Ngự sử đài phó Đô Ngự sử Diên Trạch Bá.

Cháu nội Cụ là Cử nhân Vũ Trinh (1759-1828) hồi nhỏ là một thần đồng, hạ bút thành văn, 14 tuổi đỗ đầu xứ, 17 tuổi thủ khoa Hương tiến, 20 tuổi được bổ Tri Huyện Quốc Oai, năm 1787 thăng chức Lại bộ Hữu Thị Lang kiêm Hành bộ Hữu Thị Lang rồi Tham tri Chính sự Tỉnh nạn Công thần tước Lai Sơn Hầu. Thời Gia Long, Cụ giữ chức Thị Trung học sỹ. Cụ đã 2 lần đi sứ nhà Thanh. Phu nhân của cụ là em gái Thượng Thư Nguyễn Khánh, con gái quan đại thần Nguyễn Nghiễm, chị gái cùng mẹ với đại thi hào Nguyễn Du. Tác phẩm nổi tiếng cụ để lại là **Lan trì kiến văn lục, Bắc sử thi tập, Cung oán thi, Hoàng triều luật lệ** (viết chung)...

Văn chỉ làng Ngọc Quan hiện còn lưu tên 47 vị Hương hiền khoa bảng của làng thì người họ Vũ chiếm 43 vị. Tháng 3/2007 ngôi Văn chỉ đã được xếp hạng Di tích Lịch sử văn hoá. Hàng năm cứ mỗi dịp hội làng hay tổng kết giáo dục, làng lại tổ chức dâng hương tại Văn chỉ, tưởng nhớ các bậc Tiên hiền, những người làm rạng danh cho quê hương.

Suốt 2 cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc cũng như trong công cuộc đổi mới đất nước, Họ Vũ Ngọc Quan không ngừng phát huy truyền thống tổ tiên. Con cháu họ Vũ học hành tiến bộ và đã tham gia hoạt động trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, KHXH...

Thứ nhất là truyền thống học hành khoa bảng. Đây là truyền thống nổi bật tạo nên một sự kiện trong xã hội Lang Tài thế

kỷ 18,19. Một nhà cha truyền con nối khoa thi nào cũng có người đỗ đạt. Có năm mấy anh em, chú cháu cùng đỗ đạt làm quan. Sách Bắc Ninh địa dư chí ghi nhận đây là “Vọng Tộc”; bức hoành phi trong nhà thờ chỉ 12 (cháu nội Vũ Miên) có ghi Khoa hoạn truyền gia.

Truyền thống ấy tiếp tục được phát huy qua các thời đại. Thời Pháp thuộc người đầu tiên đỗ tú tài ở huyện Lang Tài là Vũ Văn Ngũ cháu 7 đời của Tiến sĩ Vũ Miên. Ông là Giáo sư, bác sỹ chuyên viên đầu ngành Vi trùng học Việt Nam. Các anh ruột của ông là Vũ Bình - Trưởng ty

Giáo dục Vĩnh Phú, Vũ Huyền Cán bộ ty Thể dục thể thao Vĩnh Phú. Tiếp đó phải kể đến gia đình cụ Vũ Phú có hơn 30 con cháu đỗ đại học và trên đại học. Trong đó có 1 PGS, 2 Tiến sỹ, 2 Thạc sỹ. Mỗi khi các con cháu về quê thăm, cụ Phú từng nói vui nhưng để khích lệ các cháu “Đã là cháu ông thì phải đỗ đại học”. Gia đình cụ Vũ Kha cũng có hơn 20 con cháu đại học, cao đẳng. Trong đó có 1 Tiến sỹ khoa học. Gia đình ông Vũ Đức Trung (nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh), từ một kế toán HTX, bằng con đường tự học và ý chí vươn lên, ông Vũ Đức Trung đã có học



vị Tiến Sỹ và là một cán bộ có uy tín của tỉnh. Vợ và con các con của ông đều qua đại học, hai con đã có bằng Thạc Sỹ hiện giữ các trọng trách trong các cơ quan tỉnh.

Còn rất nhiều gia đình khác trong họ cũng đều có con cái học giỏi đỗ đạt. Có thể nói hiện nay các gia đình họ Vũ Ngọc Quan hầu như nhà nào cũng có người đại học, nhiều nhà 100% con vào Đại học. Trong số học sinh là học sinh giỏi, học sinh đỗ đại học hàng năm của thôn Ngọc Quan thì họ Vũ bao giờ cũng chiếm tỷ lệ cao.

Họ Vũ Ngọc Quan tặng nhiều Bằng khen, giấy khen của UBND tỉnh Bắc Ninh, Trung ương hội Khuyến học Việt Nam, Hội Khuyến học tỉnh, UBND Huyện... về thành tích khuyến học.

Thứ hai là truyền thống làm nghề dạy học và nghề thuốc. Từ khi về định cư tại đất Ngọc Quan này, cụ tổ họ Vũ đã làm nghề bốc thuốc chữa bệnh. Các thế hệ sau cứ thế nối truyền. Có nhiều cụ đã trở thành lương y gia truyền nổi tiếng như cụ án Vũ Vĩnh, Cụ Ba Đồn, cụ Cả Tuynh, cụ Lang Kha. Đặc biệt lương y Vũ Đức Bằng cán bộ tiền khởi nghĩa sau chuyển sang nghề thuốc rất giỏi. Con trai cụ là Tiến sỹ Vũ Thường Sơn Phó Viện Trưởng Viện Châm cứu Việt Nam, cháu nội cụ là Bác sỹ Đông y. Cụ Vũ Bá Lộng cán bộ Lão thành cách mạng, nguyên Chủ tịch Hội y dược học cổ truyền tỉnh Khánh Hoà, cụ được tặng danh hiệu Thầy thuốc Ưu tú.

Nghề dạy học thực sự là nghề đã mang lại danh tiếng cho Vũ tộc Ngọc Quan thời phong kiến, các bậc khoa bảng Vũ Tộc sau khi đỗ đạt đều mong muốn mang vốn hiểu biết của mình truyền lại cho đời sau.

Phần lớn các cụ đều làm nghề dạy học. Có nhiều cụ ra làm quan rồi lại quay về mở trường dạy học. Bất kỳ ở cương vị nào các cụ cũng nêu cao phẩm hạnh người thầy hết lòng phụng sự đất nước, chăm lo đào tạo nhân tài. Tiến Sỹ Vũ Miên từng làm Tế Tửu Quốc Tử Giám Quốc Sứ Tổng Tài (Giám đốc trường Đại học). Cụ Vũ Trinh từng làm Thị trung học sỹ. Những ngày ở ẩn ở Hồ Nam hay ở Quảng Nam, cụ đều mở trường dạy học. Biết ơn cụ, dân Quảng Nam tôn cụ làm Quảng Nam học tổ và lập đền thờ thờ cụ. Cụ Vũ Quyền làm Đốc học Hải Dương, lầy lý do phụng dưỡng mẹ già, cụ từ quan về nhà mở trường dạy học, lớp học trò cụ có nhiều người nổi tiếng như ông Nghè Thượng Cốc, ông Nghè Kim Lũ, Tổng đốc Nguyễn Trọng Hợp. Cụ Vũ Cầu có học trò là Tiến sỹ Trần Huy Sinh. Học trò cụ án Vũ Vĩnh tôn kính cụ họ còn về xây nhà thờ tại quê cụ để thờ cụ và tổ tiên cụ.

Khi chữ quốc ngữ được phổ biến thì họ Vũ Ngọc Quan lại có nhiều người đi đầu trong phong trào truyền dạy Quốc ngữ như cụ giáo Đàm, cụ giáo Nghiên, cụ giáo Đỗ.

Ngày nay, Vũ tộc Ngọc Quan có đội ngũ cháu con khá đông đảo trong hệ thống GD-ĐT, có nhiều người là giảng viên đại học, là giáo viên dạy ở các bậc học hay các trường quân đội, Công An. Họ Vũ có 3 Phó Giáo sư, 1 Nhà giáo Ưu tú, 3 Thầy thuốc Ưu tú. Có thể khẳng định các lớp hậu duệ của Vũ tộc Ngọc Quan đã và đang phát huy truyền thống vẻ vang của tổ tiên đúng như đôi câu đối Nhị Giáp Tiến Sỹ Nguyễn Khắc Cần để tặng thầy dạy Vũ Quyền:

Gia trâm lạc xã Kỳ Anh liệt

Nhân tướng Thiệu Oa danh giáo trung.

Truyền thống thứ ba của Vũ Tộc Ngọc Quan là truyền thống yêu nước và cách mạng. Dòng họ vốn có truyền thống nhân từ bác ái nên các cụ Vũ tộc Ngọc Quan khi ra làm quan đều hết lòng vì dân vì nước, đều là những bậc liêm trung chính trực. Tiến Sĩ Vũ Miên khi ốm nặng, chúa Trịnh Sâm còn cho quan Trung Sứ đến tận giường hỏi cụ bày cho cách trị nước. Cụ án Vũ Vĩnh một người có phẩm hạnh và nhân cách không những được mọi người kính phục mà còn cảm hoá được cả những phường bất lương thảo khấu. Uy đức của Quan Bô Vũ Đĩnh khiến ma quỷ không dám đến quấy nhiễu dân làng Mậu Duyệt.

Khi Thực dân Pháp nhảy vào xâm lược nước ta, nghe theo Chiếu hịch Cần Vương, nhiều sỹ phu Vũ tộc Ngọc Quan đã vận động con em tham gia chống Pháp.

Ngôi từ đường họ Vũ Ngọc Quan từng là địa điểm hội họp bí mật của các cán bộ cách mạng. Các đồng chí Hà Kế Tấn, Hạ Bá Cang xứ ủy Bắc Kỳ đã từng về đây hội họp chỉ đạo. Nhóm thanh niên được giác ngộ Cách mạng đầu tiên ở Ngọc Quan đều là người họ Vũ như Vũ Mộng (Hai Tạ), Vũ Dương (An), Vũ Đức Minh (Minh Tiệp), Vũ Đức Tâm, Vũ Đức Bằng. Sau có thêm Vũ Ngọc Lâm, Vũ Trọng, Vũ Đức Ái (Lê Phan), Lê Văn Tân...

Từ Ngọc Quan phong trào cánh mạng lan ra khắp xã Lâm Thao rồi nhiều xã trong huyện Lương Tài và các huyện Cẩm Giàng, Mỹ Hào lân cận.

Tổng kết 2 cuộc kháng chiến họ Vũ

Ngọc Quan đã có hàng trăm thanh niên lên đường bảo vệ Tổ quốc, 1 anh hùng LLVTND, 11 người là liệt sỹ, một số là thương binh, bệnh binh. Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương, Bằng khen cho con em họ Vũ.

Một phẩm chất tốt đẹp của tổ tiên được các thế hệ cháu con Vũ Tộc Ngọc Quan luôn luôn phát huy ở mọi nơi mọi lúc đó là lòng nhân ái hết lòng vì con người.

Trải hơn 400 năm kể từ khi Thủy Tổ Phúc Học từ Mộ Trạch về lập cư ở Xuân Lan - Ngọc Quan đến nay, Vũ Tộc Ngọc Quan đã hình thành và phát triển thành một dòng họ lớn mạnh. Ngoài quê gốc Ngọc Quan, Vũ Tộc Ngọc Quan hiện còn hình thành các chi họ lớn ở Dương Quang (Mỹ Hào - Hưng Yên), Xuân Sơn (Đông Triều - Quảng Ninh), Phú Bình (Thái Nguyên), Tân Yên (Bắc Giang) và nhiều cháu con sinh sống ở khắp các tỉnh thành trong Nam ngoài Bắc.

Mấy trăm năm trước, Vũ Tộc Xuân Lan đã từng nổi danh thiên hạ, được coi là "Vọng tộc" là "Trâm anh thế phiệt" làng xóm được mở mang, quê hương được rạng rỡ, ngày nay con cháu Vũ tộc Ngọc Quan thật đã không làm hổ danh tiên tổ. Những đóng góp của cháu con Vũ tộc Ngọc Quan cho đất nước, cho quê hương, dòng họ đã chứng tỏ các thế hệ cháu con Vũ tộc Ngọc Quan đã hết sức nâng niu trân trọng những truyền thống quý báu mà tổ tiên gây dựng, đã và sẽ tiếp tục kế thừa, phát huy những truyền thống quý báu ấy ngày càng trở nên vẻ vang rạng rỡ hơn nữa./.

NGHỀ CHẠM BẠC THỊ CẦU



NGUYỄN THỊ THANH HẢI

làm bánh khoai, bánh ngũ vị... Đặc biệt là nghề chạm bạc đã từng nổi tiếng một thời.

Nghề chạm bạc đã tồn tại ở Thị Cầu ước mấy trăm năm trong một số dòng họ như họ Nguyễn, họ Ngô. Trong vùng Quan họ xứ Kinh Bắc, khi nhắc đến trang phục Quan họ liền anh Thị Cầu, không ai không nhận ra điểm khác biệt nhất của liền anh Thị Cầu mỗi khi xuất hiện chính là bộ cúc áo 5 chiếc được chế tác bằng bạc, lấp lánh trên áo the cùng lời ca bay bổng và những sáng tác độc đáo làm khó bạn chơi Quan họ. Các sản phẩm lác bạc của trẻ con, bộ xà tích của phụ nữ do thợ Thị Cầu xưa chế tác rất được ưa chuộng.

Thị Cầu xưa chế tác rất được ưa chuộng. Với địa hình thuận lợi do có trấn thành Kinh Bắc, có sông lớn thông thương dễ dàng với vùng biển, vùng đồng bằng và vùng núi, có đường cái lớn nối với Đông Kinh và Lạng Sơn, lại có nghề rèn sắt điêu luyện, có chợ bầy bán đủ thức, có trạm đón

Nằm trong địa bàn trung tâm "vùng đất trăm nghề" của xứ Kinh Bắc cổ, làng Quan họ Thị Cầu gắn bó với rất nhiều nghề truyền thống chứa đựng nhiều phong tục, tập quán, những nét đẹp văn hoá truyền thống làng quê Việt Nam. Ngoài kỹ thuật tôi thép, rèn các loại nông cụ, gia cụ thường dùng, chế tạo các loại vũ khí thô sơ, làng Thị Cầu còn có nghề làm "pháo nển" ngòi ngang dùng vào dịp Tết, nghề làm thùng gánh nước bằng tre, nghề

tiếp sứ thần. Nhờ đó suốt mấy trăm năm tồn tại, Thị Cầu sống động như một thành thị đầy sức thanh xuân. Sách **Phong thổ Kinh Bắc ký sự** (thời Lê) còn ghi:

*“Thị Cầu ấy có nghề giọt thép,
Mọi thứ nên tốt đẹp mọi đường.*

Đèn lồng kim thép dịu dàng,

*Khuôn thau thép chỉ nghề thường dễ
đương”.*

“Nghề giọt thép” ở đây muốn nói là nghề nấu sắt thành dây dài được ghi trong cuốn Hoàng Việt nhất thống dư địa chí - bộ địa chí đầu tiên của triều Nguyễn ghi chép về đường trạm trấn Kinh Bắc cho biết: hai bên đường đều là núi đất, đến đình Thị Cầu, tục gọi là đình Kim, dọc hai bên đường dân cư rất trù mật, dân ở đây có nghề nấu sắt thành dây dài. Bên phía Tây có chợ, tục gọi là chợ Cầu, bên phía Tây của chợ này đi 170 tầm thì đến miếu Văn Thánh ở Thị Cầu (quyển bốn, tờ 34a).

Đến thời Pháp thuộc, vùng Thị - Đáp Cầu trở thành căn cứ quân sự với dãy phố dài có nhiều cửa hàng cửa hiệu lớn, trong đó có những cửa hàng gò, chạm bạc nổi tiếng cung cấp cho cả khu vực, nhiều mặt hàng chạm bạc được đưa sang bán ở Pháp và một số nước Tây Âu. Trong ghi chép “Nhị Kiều Trang” của ông Nguyễn Lợi (khu 2 - Thị Cầu), Sản phẩm kim hoàn trong một vài dòng họ đã đạt tới trình độ điêu luyện, các đồ trang sức tinh xảo đạt yêu cầu kỹ thuật cao của làng Thị Cầu đã được triển lãm các cuộc đấu xảo (cách gọi cũ của hoạt động hội chợ, triển lãm, được

tổ chức để giới thiệu và quảng bá các tác phẩm, sản phẩm hàng hóa).

Trải qua thời gian, nghề thủ công phát triển theo quy mô gia đình rồi dần hình thành nên các nhóm thợ thủ công chuyên sâu một nghề. Vào thời kỳ thực hiện hợp tác hóa XHCN theo kế hoạch 3 năm (1958-1960) và kế hoạch 5 năm (1961-1965), trước lựa chọn ra Hà Nội hay ở Bắc Ninh, hơn 2 chục hộ dân làng Đại Bái với nhiều thợ bậc cao đã chọn về với Thị Cầu, lập nên Hợp tác xã Đại Cầu với xã viên là thợ kim hoàn sở tại và thợ gò đồng làng Đại Bái. Ngành thương nghiệp Hà Bắc bố trí đất ở cho các hộ dân, cung cấp nguyên liệu bạc thô cho từng nhóm thợ, tạo nên một phố thợ chuyên biệt đông vui nhộn nhịp, trở thành tên gọi dân gian là “phố chạm bạc” kéo dài từ đầu làng đến chùa Điều Sơn, đền Đồng Mẫu thờ mẹ của đức Thánh Gióng tại làng Thị Cầu.

Dưới sự điều hành của Chủ nhiệm Nguyễn Văn Tú - người gốc Đại Bái, nhiều năm HTX Đại Cầu đã hoàn thành vượt mức kế hoạch, cung cấp cho thị trường Châu Âu và Liên bang Xô Viết với thương hiệu “Đại Cầu Việt Nam 0.9” đóng dấu trên các sản phẩm gia dụng như thìa, dao, đĩa, ly, cốc, bát, đĩa... Cụ cố Nguyễn Văn Hán, người thợ gốc Đại Bái nổi tiếng về tay nghề chạm và giỏi chữ Nho, là một thành viên Ban kiểm soát của HTX Đại Cầu cho biết: nếu so với các nơi nổi tiếng về nghề chạm bạc thì thợ Đại Cầu lại có những kỹ năng quan sát, học nghề nhanh nhạy riêng mà không

thua kém bất cứ nơi nào. Với dòng bạc ta (thường gọi là bạc 10), do quá mềm nên khó chế tác, đòi hỏi nhiều công sức để đạt được độ bóng màu trắng bạc đặc trưng nổi lên lóng lánh thu hút từng góc nhìn. Ký hiệu 0.9 là do chế tác từ loại bạc 10 xuống loại 0.9 để tăng độ cứng cho bạc. Sau khi tạo hình dáng thô sơ ban đầu, người thợ lại tỉ mỉ chạm thêm những hoa văn mềm mại, tinh tế để tăng thêm giá trị thẩm mỹ cho từng sản phẩm.

Đến nay, số hộ dân giữ nghề chạm bạc ở Thị Cầu còn lại gần chục nhà nhưng đều sống được với nghề. Chia sẻ về tâm huyết giữ nghề chạm bạc, anh Nguyễn Tiến Lực cho biết, là người thợ trong gia đình gốc Thị Cầu nhiều đời làm chế tác vàng bạc nên dù có những lúc thăng trầm, khó khăn chất chồng nhưng anh vẫn quyết tâm giữ nghề. Nếu như hiện nay đa số các cửa hiệu kim hoàn ở thành phố Bắc Ninh đều nhập hàng dập công nghiệp về kinh doanh, thì anh lại đi sâu vào tác thủ công. Dù lò nung, bể thổi xưa đã được thay thế bằng những công cụ hiện đại hơn, nhưng nghề chạm bạc vẫn có những công đoạn nhất định phải do con người thực hiện, đòi hỏi sự khéo léo, tinh tế để thổi hồn cho mỗi sản phẩm. Lòng yêu nghề, ý thức giữ gìn văn hóa truyền thống đã giúp anh vươn lên khẳng định thương hiệu “Vĩnh Thành” trong giới kim hoàn. Sau gần 40 năm gắn bó với nghề, những sản phẩm thủ công thương hiệu “Vĩnh Thành” vẫn đứng vững và cạnh tranh với các sản phẩm công nghiệp. Anh Lực đã mạnh dạn

mày mò, chuyên sang tạo mẫu, vẽ thiết kế 3D trang sức theo yêu cầu của thị trường. Anh trực tiếp dạy nghề với nhiều kỹ thuật khó như: thiết kế chế tác vàng hồng 14k -18k, kỹ thuật làm ngụy vào đá, tạo sáp tay sản phẩm, nhận biết đá quý, phương pháp chạm thúc thủ công cổ truyền... Hơn 100 học sinh được anh dìu dắt, nhiều người đã về quê mở cửa hàng hoặc vào làm cho các công ty trang sức lớn.

Số hộ gốc làng Đại Bái nay đã phát triển thành hơn 6 chục hộ với trên 200 nhân khẩu, nhưng đa số đã chuyển nghề sang làm đồ đồng, nhôm, sắt, gò tôn, làm khung thép... phục vụ nhu cầu của thị trường. Anh Nguyễn Văn Thịnh cho biết, ngoài một số sản phẩm đúc, gò đồng đơn giản phục vụ nhu cầu sinh hoạt; cửa hàng của gia đình bán được nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ như đỉnh đồng, lư hương, tranh tứ quý, bình hoa, các bộ đồ trà, các bộ đồ thờ, tranh chạm khắc... Thu nhập từ cửa hàng đã giúp anh đứng vững với nghề, phát triển kinh tế gia đình và giữ gìn tinh hoa của làng nghề Đại Bái.

Giữa thành phố Bắc Ninh hiện đại, những người thợ chạm bạc Thị Cầu ngày ngày vẫn miệt mài tay đe tay búa, tỉ mỉ tạo tác ra những sản phẩm thủ công tinh xảo. Lòng say mê, tâm huyết giữ gìn nghề truyền thống của họ đang giúp cho một nét văn hóa xưa vẫn còn tồn tại trong lòng phố phường, giúp họ vượt qua mọi khó khăn để giữ lửa nghề./.

PHAN TRỤ

Ru em vào tiết hội làng

Ru em vào tiết hội làng
Mưa phùn ướt áo... ngõ ngàng lá xuân
Ngập ngừng chân níu bàn chân
Đêm nay cả gió... xích gần nhau thêm

Ru em hãy nhớ đừng quên
Trăng vàng ngõ gác những đêm hẹn hò
Câu ca chín đợi mười chờ
Để cho nhau nhớ bên bờ quê hương.

Quai thao nón thúng má hường
Bước chân uyển chuyển mà vương vấn lòng
Tháng Hai lúa chớm xanh đồng
Ru em ru cả phập phồng âu lo.

Mong em đừng có lỡ đò
Hội làng trống giục ta chờ đợi nhau
Trầu vàng lại bén duyên cau
Ru em ru cả ngày sau... vào mùa./.



NGUYỄN XUÂN LINH

Mừng cha

Vàng dương ấm áp tình cha
Sắt son tình mẹ chan hòa xưa nay
Nuôi con khôn lớn từng ngày
Công lao dưỡng dục sánh tày núi non.

Thương con cha gánh gầy đòn
Nửa thân tre đục nghiên sòn đôi vai
Làm than ngàn ấy năm dài
Qua rồi những đận đẹn sài ầu ơ.

Nuôi hai thế hệ con thơ
Trong căn nhà rạ xác xơ nửa đời
Tấm lòng chưa phút nào rời
Bờ cha là cả khoảng trời chở che.

Xuân về muôn sắc hoa khoe
Phương môn nhộn nhịp quế hòe vào ra
Dâng bài thơ với lãng hoa
Chúc cha vui khỏe tuổi già trăm xuân./.

TRẦN THIẾT

Say

Người say rượu hồn bay bay
 Người say thơ cứ ngắt ngây điệu vần
 Say về một khoảng trời xuân
 Vội đi tôi chẳng một lần đón em.

Dần dà rồi cũng quen quen
 Soi gương ô đã tóc chen bạc vào
 Say làm giàu vẫn nhẩn bao
 Say thơ chưa thuộc lối vào làng văn.

Say ai đôi lúm đã nhăn
 Còn đâu cái buổi xung xăng nổi chìm
 Sóng tình ân nghĩa về tim
 Càng say cuộc sống càng tin sức mình.

Gạn trong khơi đục phân minh
 Trước sau như nhất vẹn tình gần xa
 Say đời chẳng thể nhạt nhòa
 Rồi ra xuôi tuột cũng là tay không.

Tôi say gió nội hương đồng
 Thiu thiu một giấc bình bồng tôi say./.



PHẠM ĐÌNH THÁI

Khi mùa xuân đi qua

Khi mùa xuân đi qua
 Còn gì xuân để lại
 Xuân luôn đi mê mãi
 Không ngoái lại đằng sau.

Xuân khoác cánh áo màu
 Xanh xanh màu ngọc bích
 Ai cũng nuôi điều ước
 Về một thời thanh xuân.

Xuân đang qua quê mình
 Chùm chim hoa đào nở
 Trời mở trang sách lạ
 Hoa đủ màu tung bay.

Xuân để lại trên cây
 Chùm quả non bé xíu
 Chúng nhìn đời ngượng ngịu
 Nấp trong vòm lá xanh./.



TRỞ THÀNH CA SỸ NHỜ NIỀM ĐAM MÊ VÀ MIỆT MÀI KHỔ LUYỆN

HOÀNG NGỌC BÌNH

Có một cô giáo đã làm lên tên tuổi và thành công trong sự nghiệp ca hát của mình bằng niềm đam mê và miệt mài khổ luyện. Sau hàng chục năm bôn bôn phần đầu đã trở thành một trong những giọng ca xuất sắc của tỉnh Bắc Ninh, giành nhiều giải thưởng tại các cuộc liên hoan, hội diễn toàn quốc và của tỉnh... Chị là ca sỹ Đinh Thị Hồng Hạnh, hội viên chi hội Âm nhạc Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, giáo viên âm nhạc Trường THCS Đình Bảng, thành phố Từ Sơn.

Không sinh ra trên quê hương Quan họ, nhưng ngay từ nhỏ Hồng Hạnh đã được nuôi dưỡng và lớn lên, trưởng thành từ mảnh đất giàu bản sắc văn hóa của quê hương Bắc Ninh - Kinh Bắc. Là người đam mê và có năng khiếu âm nhạc, lại được nghe những giọng hát ngọt ngào tình tứ của các liền anh, liền chị trong những ngày trẩy hội xuân, càng làm cho cô bé Hạnh khát khao được hát, được đắm mình trên sân khấu. Mong muốn được trở thành ca sỹ thôi chưa đủ, cô học sinh giàu mộng mơ và hay hát này còn muốn trở thành cô giáo,

được đứng trên bục giảng dạy dỗ đàn em nhỏ thân yêu.

Năm 2001, Hồng Hạnh dự thi và trúng tuyển vào khoa Sư phạm âm nhạc, Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh. Khi bước chân vào cuộc đời sinh viên sư phạm và làm quen với âm nhạc, Hồng Hạnh mới ngỡ ra, chỉ đam mê thôi chưa đủ, chặng đường mình mới đặt chân còn phải vượt qua rất nhiều khó khăn thử thách và rèn luyện. Muốn đi tới đích trên con đường đã chọn thì chỉ còn cách phải dẫn thân, phải cố gắng thật nhiều mới có thể vượt qua. Từ đó, Hồng Hạnh luôn say sưa, chăm chỉ học tập và rèn luyện, ngoài giờ học trên lớp còn dành nhiều thời gian nhờ các thầy cô giáo, các ca sỹ nổi tiếng cùng các nghệ nhân chỉ bảo và kèm cặp. Chỉ sau một năm học, chị đã trở thành sinh viên xuất sắc của khoa và toàn trường. Tuy được học chuyên sâu về dòng nhạc đương đại, nhưng chị lại rất yêu và say sưa học các bài hát về dòng nhạc dân gian, biểu diễn thành công nhiều bài dân ca Quan họ cổ, cùng những ca khúc mang âm hưởng của dân ca Quan họ Bắc Ninh như



Ca sỹ Hồng Hạnh (giữa) biểu diễn cùng tập múa phụ họa *Ảnh: PV*

“Làng Quan họ quê tôi”, “Những cô gái Quan họ”, “Khách đến chơi nhà” “Đền Đô không hẹn cũng lên”... Kỷ niệm sâu đậm nhất trong quãng đời sinh viên của chị là vinh dự được đại diện cho nhà trường đảm nhận các tiết mục đơn ca tại “Liên hoan tiếng hát học sinh, sinh viên toàn quốc”, “Liên hoan những ca khúc ca khúc cách mạng tỉnh Bắc Ninh”, “Liên hoan tiếng hát Truyền hình tỉnh Bắc Ninh”... được Ban Giám khảo, đồng nghiệp và người xem ghi nhận, đánh giá cao và nhận nhiều giải thưởng.

Sau 3 năm học tập dưới mái trường sư phạm, Hồng Hạnh được phân công về công tác tại Trường THCS Đình Bảng, thành phố Từ Sơn. Không chỉ mang hết khả năng, kiến thức truyền đạt cho học sinh, cô giáo Hạnh còn tiếp tục nuôi dưỡng niềm đam mê ca hát bằng việc không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn và nghệ thuật biểu diễn. Là hạt nhân văn nghệ của nhà trường, chị luôn là người tham mưu, khởi xướng và dàn dựng nhiều chương trình văn nghệ phục vụ các sự kiện của nhà trường và của địa phương, giành giải cao

tại nhiều liên hoan, hội diễn do thành phố Từ Sơn và tỉnh Bắc Ninh tổ chức.

Sau hàng chục năm bôn bôn phấn đấu và rèn luyện, Đinh Thị Hồng Hạnh đã trở thành một trong số ít giọng ca xuất sắc của tỉnh Bắc Ninh. Nhờ ngoại hình xinh đẹp và chất giọng mang sắc thái rất riêng, chị đã tạo được danh tiếng và “thương hiệu” cho riêng mình, nhận nhiều giải thưởng tại các cuộc liên hoan, hội diễn toàn quốc và của tỉnh: Huy chương Vàng “Hội diễn nghệ thuật quần chúng Quân chủng Phòng không - Không quân”; Huy chương Vàng “Hội diễn văn nghệ quần chúng toàn quân”; Huy chương Bạc “Liên hoan tiếng hát nhà giáo toàn quốc”; Huy chương Vàng “Liên hoan tiếng hát giáo viên tỉnh Bắc Ninh”; giải A “Tiếng hát người lao động tỉnh Bắc Ninh”; Huy chương Vàng “Hội diễn nghệ thuật quần chúng tỉnh Bắc Ninh”, cùng nhiều Bằng khen, Giấy khen của các ngành, các cấp từ Trung ương tới địa phương trao tặng. Không chỉ trực tiếp biểu diễn trên sân khấu, Hồng Hạnh còn được mời làm đạo diễn và dàn dựng các chương trình văn nghệ, dẫn chương trình cho nhiều sự kiện trong và ngoài tỉnh. Mới đây nhất (tháng 10/ 2023), chị đã dàn dựng một chương trình nghệ thuật cho các em học sinh Trường THCS Đình Bảng, đại diện học sinh tỉnh Bắc Ninh giành giải Nhì toàn quốc tại cuộc thi “Thấp sáng ước mơ buổi sớm” tại Hà Nội. Chị kể, mỗi lần được thay mặt tỉnh nhà tham dự các liên hoan, hội diễn do các bộ, ngành của trung ương tổ chức, ý thức trách nhiệm, niềm kiêu hãnh, tự hào trong chị lại dâng lên, thôi thúc chị phải hát, phải biểu diễn hết

mình cho quê hương Bắc Ninh mà mình yêu mến.

Để gặt hái được những thành công như hiện nay, Hồng Hạnh đã phải vượt qua biết bao khó khăn vất vả, vừa phải cân đối thời gian để làm tốt công tác giảng dạy, vừa tranh thủ sớm tối, kể cả những ngày nghỉ để luyện tập và biểu diễn. Chị tâm sự: *“Tôi yêu cuộc sống này, yêu mảnh đất và con người nơi đây, tất cả đã cho tôi nghị lực, sức mạnh và niềm tin để sống, làm việc và trở thành người có ích. Tôi luôn biết ơn lãnh đạo nhà trường, các bạn đồng nghiệp đã luôn dành sự quan tâm, động viên khích lệ, tạo điều kiện tốt nhất để mình hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và thỏa mãn niềm đam mê ca hát. Tôi luôn lấy thành tích giảng dạy, kết quả học tập của học sinh và thành công trong nghệ thuật làm mục tiêu để không ngừng phấn đấu, để được sống hết mình với các em học sinh, được hát bằng tất cả niềm đam mê vốn có, coi đó là sự tri ân, trả nghĩa đối với mảnh đất và con người đã nuôi dưỡng mình khôn lớn”*.

42 tuổi đời, hơn 20 năm gắn bó với sự nghiệp giáo dục và ca hát, hôm nay cô giáo, ca sỹ Hồng Hạnh vẫn đang tràn đầy sức trẻ và khát khao cống hiến. Chúng ta cùng chúc chị gặt hái được nhiều thành công hơn nữa trong sự nghiệp “Trồng người”, cùng niềm đam mê ca hát mà mình đã chọn, góp phần làm cho những làn điệu dân ca Quan họ, cùng những ca khúc dạt dào tình yêu thương của quê hương Bắc Ninh lan tỏa và vang vọng trên khắp mọi miền đất nước. /.

Dáng làng

(Tác phẩm đoạt giải Ba Cuộc thi sáng tác văn học - Chủ đề Bắc Ninh trong hành trình xây dựng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương Lần thứ III - 2023)

VŨ THẾ THỢC

C huẩn bị dọn nhà đi thành phố, hàng xóm sang nhà tôi báo tin và chia sẻ:

- Vì con vì cháu mà chúng tôi phải đi chứ sống ở chung cư khác gì bị nhốt, tôi mang đi cái lồng chim chào mào, vài chậu bon sai cùng nhốt luôn thể. Ông bà ở nhà nhìn sang giúp tôi với nhé. Có gì nhờ ông bà báo cho tôi biết, tôi cảm ơn nhiều.

Những chậu cây còn lại ông gạ bán rẻ cho tôi, thấy tôi lừng khừng ông ấy đánh bài tình cảm:

- Bán cho ai em cũng tiếc nhưng bác gằn gằn, lột sàng xuống nia, thi thoảng em về em còn sang thăm chứ công lao hai mươi năm chăm bẵm như chăm người thân nay phải xa nhau tiếc đứt ruột chứ thường à.

Tính tôi cả nể, hai nữa làm thơ viết báo cũng cần có không gian thư giãn, bấy nay chưa có điều kiện nên mình không

để ý, nay thời cơ đến, người ta vất óc tư duy tạo thế, chăm bẵm bao năm, nay mình chỉ việc thưởng thức giá lại rẻ sao không tranh thủ, nghề viết biết thêm một cái gì càng hay chứ sao nên tôi đồng ý. Tôi dự kiến chuyển cây vào ngày chủ nhật để nhờ mấy thanh niên giúp sức còn đặt cây nào chỗ nào cho hợp nhà mình tôi sẽ nhờ thầy Trang tư vấn giúp. Cây theo chủ, hàng xóm tuổi Ngọ, mình tuổi Thìn phải hợp phong thủy mới phù vận nếu trái phong thủy sẽ rước họa vào thân.

Sáng nay chú Trang đến cùng một cô gái ngồi sau xe và bao đồ nghề. Chú Trang là nghệ nhân Hội Sinh vật cảnh của tỉnh, thường mở lớp dạy sinh vật cảnh, chẳng biết có giỏi hay không nhưng đông khách đến nhà, giao lưu liên tỉnh. Trà thuốc bày sẵn mà họ không vào lại ra sân ngắm ngía, nghe họ tính việc với nhau về mớ cây của tôi khiến tôi thất vọng. Chú Trang bảo

người kia: “Ông chủ này chơi cho vui chứ chả biết gì về cây cảnh cả, mớ này phải cải tạo nhiều, thêm đá, thêm lá, thêm rễ tạo dáng... thì các cô bé lọ lem này may ra mới thành hoa hậu.” Người đàn bà nhìn tôi bảo:

- Thú chơi nào cũng có may có rủi, riêng cây cảnh thì lạ lắm nhiều khi linh cảm mách bảo nữa bác ạ không phải khi nào cũng mong được ước thấy đâu, như bác làm thơ ý. Có khi mấy năm mới tìm được cái tứ phù hợp, có khi bất chợt ý thơ ùa về, chộp được, nhưng muốn cho thơ

không bị rẻ rúng bác phải ngâm, phải ủ, phải lắng nghe con tim... thời gian quan sát đánh giá bộ sưu tập của bác cũng phải kỹ càng, có khi được ngay, có khi còn đợi chờ nếu muốn cái cây vô tri thành công trình nghệ thuật.

Nghe cô nói rất có lý, làm nghệ thuật không vội được, không có duyên có khi chỉ là công dạ tràng. Biết làm nghệ thuật không thể vội nhưng tôi rất ghét khề khà. Cả buổi sáng họ chỉ ngắm và tán hươu tán vượn không biết họ sẽ làm hay hơn hay phá nát



của mình. Chả mấy đã trưa mà họ chưa hề động đến đồ nghề. Tôi thủng thẳng: “ở đây ăn cơm nhé?” Chú Trang bảo: “Khi khác, hôm nay huynh cho hai đệ chúng em mỗi người một công 500 ngàn.” Tôi hơi giật mình và khó chịu, nhưng vẫn tỏ ra am hiểu vô tư, người đàn bà căn dặn:

- Muội đã nhập thế, trong sáu chậu cây của huynh năm cây không có gì, duy có một cây nếu gặp vận may sẽ có tương lai.

- Tôi đoán ngay là cây tôi thích thì người ấy chỉ sang một cái thân cây to bằng bắp đùi, dài hơn mét nằm ngang cho bộ rễ tua tua cắn xuống chả ra cái dáng gì mà tôi rất chán. Cô ấy bảo: “Việc cho nó những cái gì thành cái gì còn phải suy tính kỹ, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh có nên chi còn phụ thuộc vào tâm tình gia chủ, trong chục, trăm, ngàn sản phẩm, để có sản phẩm ngôi sao phụ thuộc vào nhiều yếu tố, thành công là vô cùng gian lao trắc trở phải kiên nhẫn và chân thành, mọi gian manh ở đây không có chỗ. Tác phẩm hay phải đặt ở nơi trang trọng cho đông người bình phẩm thưởng thức, nhà người quyền quý mà có cây quý mới thêm lộc, bọn em sẽ tìm cách tạo cho nó vài phụ nữ thành cái cái “dáng làng”, bộ rễ này là công, bên này sẽ đắp nước muối loãng cho nó phát triển chậm lại, bên kia khuyết hơn sẽ tẩm thuốc kích thích ra rễ vào bông đắp lên cho da nó ăn dày lên là cân đối, bác mua cân đậu tương ngâm vài tháng thành đạm để ngâm bộ rễ cho phát triển để dựng cảnh, uốn mấy cái

mâm cong này này thành hàng cau và cuối thân kia sẽ uốn hai cái cành thành hai cái đao đình tác phẩm sẽ rất có giá trị thế mới độc lạ và ý nghĩa.

Rồi họ xin phép ra về.

Họ đi rồi, bỗng tôi mơ màng và chộn rộn vui.

Chú Trang cũng bị cô học trò gây bất ngờ, hai mươi năm trời truyền dạy kiến thức Bon sai cây cảnh, đọc rất nhiều sách chưa có cái dáng nào là dáng làng cả. Khi nghe người đồng hành phán xanh ròn Trang giật mình, nhưng trấn tĩnh lại để mừng tượng và thấy nó đã thành công. Ông hỏi người đồng hành sao có cái cảm giác kỳ quặc thế? Người đồng hành bảo:

- Như có mạch bảo, em cũng không biết nữa.

Vài hôm sau, chị kia đến mang theo hình hai con ếch đẹo bằng đá xanh, hình ba cái khóm khoai đan bằng tre làm sablon cho rễ cuốn vào thành khuôn bên bờ ao, cắt tia một dây các mái khuôn tre buộc cành cây cho bám dần thành mái nhà lớp lớp, mới phác thế đã thấy hiện ra bức tranh quê đậm ấm, vĩnh hằng, cô ấy dặn: “chỗ này thi thoảng bác phun cho ít phân qua lá để cho cái ngọn nó xum xuê làm ngọn cau, chỗ này để uốn cái đao đình... và dặn tôi cứ để mặc nó phát triển tự nhiên, thi thoảng thì thế này thế này, tác phẩm nghệ thuật phải có thời gian không vội được”. Bẵng đi hơn ba năm, khi tôi đã quên cảm xúc đợi chờ thì hai người họ tới. Họ bảo tôi đến

chỗ ấy mua phần tư khối đá xanh để họ tạo thể, họ cắt, tĩa, gò, trói, bó đá đồng thời gỡ bỏ các khuôn tre thành bối cảnh tự nhiên. Đến trưa thì cô bé lọ lem xinh tươi lộng lẫ khác thường. Chú Trang giảng giải:

- Nghề cây cảnh là tổng hòa nghệ thuật, có cả chữ và nghĩa. Chiều cao 122 phân cộng ngang lại có tổng là 5, là sinh, là sinh sôi, chiều dài là hai mét mười hai cũng là sinh, thể mới khó.

Người đàn bà bảo:

- Nhà em là học trò của thầy Trang đây, thầy ấy đã dạy nhiều khóa cho hàng trăm môn sinh nhưng bác ấy hợp nhà em hơn cả, khởi nghiệp của nhà em đoạt giải, có danh có tiếng là có khách, có khách mới có lộc. Nhà em bán được mấy trăm triệu đồng tiền. Sở dĩ anh ấy bán được là vì anh ấy không đi theo lối mòn mà luôn học hỏi, sáng tạo mới mẻ độc đáo, mỗi tác phẩm là một đứa con của mình, phải hiểu tính cách của con phát huy thể mạnh và khắc phục cái yếu của nó để nó vừa sống tự nhiên, hòa đồng lại vừa có tính cách độc lập mới thành công. Anh ấy đã lang thang khắp nơi tìm kiếm, thuê xe đi Vĩnh Phúc, Thái Nguyên mua một mớ về, để đầy sân, giâm đầy vườn, cái lấy được ít lắm, bỏ đi cả đồng bác ạ. Chuyến ấy gần tết hàng mua được nhiều, đầy một ô tô thì không may xe mất lái, người chết hàng mất em buồn lắm định phá hết chứ để đó phải chăm mà nhìn thấy là thêm buồn. Khi anh còn sống, anh làm gì mặc anh em đâu có để ý. Vậy

mà anh hiền lành, y như đứng trước mặt, muốn em đi tiếp niềm đam mê của anh, em đã học anh trong các giấc mơ được anh chỉ bảo rất cụ thể. Em đã làm và làm say sưa. Vừa rồi, Hội Sinh vật cảnh huyện mang hai tác phẩm của em đi tỉnh thi cả hai được giải Vàng. Có khách trả em hơn tỷ. Em bán ngay, vận may đến thì chớp lấy, xuân bắt tái lai, đời người vận may chỉ đến một đôi lần, em mua cho hai cháu mỗi cháu cái xe máy đi làm, làm cho các cháu cái nhà, đúng là nghệ thuật vị nhân sinh bác ạ, có tiền là mình xông xênh. Vườn nhà bác chỉ có cái dáng làng này là có tương lai thôi. Rồi bác xem. Nghe chị ấy kể vừa vui vừa xúc động, làm nghệ thuật đam mê chưa đủ mà cần bắt gặp sự rung cảm, nó lóe lên là chớp và thu giữ ngay. Ngày tháng qua đi, dáng làng của tôi được gặp và gặp những chi tiết quý để nó đọng lại khá tập trung ngày một đẹp hơn hoàn thiện hơn như cái gái dậy thì, càng ngày càng hoàn thiện xinh đẹp hơn rõ hình cái làng thu nhỏ trong tâm khảm người Việt, nó được tạo ra bằng nguyên liệu cây sanh kiên cường ôm đá ăn nước và không khí mà trường tồn phát triển, đúng triết lý nhân sinh. Dáng làng đã trở thành tác phẩm có danh, hiện trạng phây búc của chú Trang, đã có tiếng vang xa... nhiều người, đoàn, hội về thăm, có người giảng giải hay lắm, hơn cả những điều tôi hiểu, họ coi tác phẩm của tôi có hậu ai mà sở hữu mọi chuyện hanh thông, thuận buồm xuôi gió, học hành tấn tới làm ăn bằng

năm bằng mười. Vợ chồng tôi rất vui, bảo nhau phải cảnh giác, không cho người lạ vào xem, người quen cũng không cho đến gần, cấm sờ mó kể cả quay phim chụp ảnh như công trình bí mật quốc gia. Tôi cũng đi đến cơ sở Hạnh Nguyên chuyên cung cấp chó giống mua con chó đực lai để phòng đêm hôm, đánh dấu ngằm để nếu có bị mất còn có cái làm chứng mà đòi.

Chú Trang đến, chú ấy bảo: Hội sinh vật cảnh xã mời bác tham gia sinh hoạt hội, nhờ bác viết cho cái đơn. Chú Trang mở túi lấy tờ đơn viết sẵn đặt trước mặt tôi. Tôi liếc nhìn, nó cũng giống như tờ đơn của cháu Toàn bảo ông ký để cháu học thêm nên tôi bảo: “Nhanh thế, nhà có mấy cây lèng phèng vào Hội cho xấu hổ anh em.” Chú Trang hỏi: “Bác đam mê rồi phải không? Đây là hội mỹ thuật chỉ dành cho những người đam mê, vào hội để hội họp tham quan học hỏi thế đã lâu rồi” Về mặt chú Trang dương dương khiêu khích: “Sống được bao nhiêu mà không đàn đúm, ăn chơi là lâu ở đời. Bác nghe em ký đi rồi sang em uống rượu”. Trang bảo bà xã tôi:

- Bác cho em mượn đại ca một lúc, trưa nay cất xuất bác nhé, em sẽ mang trả cho bác an toàn.

Nhà chú Trang mát mẻ thanh sạch bởi nhiều cây và hoa, cây cái nằm dưới đất, cây bò trên cây, cái trên khay trên chậu cả treo trên giàn khá bắt mắt. Máy ông bà ra chào và bắt tay. Họ là người trong xã nom ai cũng có mác giao du rất dễ gần. Dưới

giàn hoa giấy rươi mát hoành tráng hai cái bàn đã tươm tất đồ ăn thức uống. Tôi hiểu là họ đã có chương trình trước, thêm nữa thêm bát mời tôi nhập tâm cho vui nên tôi rất sẵn sàng. Chú Trang lấy cái đơn tôi ký ban nãy đưa cho cô bạn người chủ tác phẩm dáng làng của tôi. Cô bạn chấp hai tay làm nghi thức bảo: “Em chào bác, xin mọi người yên lặng cho. Cô đọc rất rõ ràng và nhấn mạnh đoạn kết: “Tôi tự viết đơn này xin ra nhập Hội Sinh vật cảnh xã Tâm Giao, xin nguyện đoàn kết, sinh hoạt và đóng quỹ, đóng hội phí đầy đủ theo quy định.” Võ tay rào rào. Cô ấy lại bảo đáng ra tự bác đọc nhưng thấy bác xúc động quá nên em thông qua giúp, bây giờ bác có ý kiến gì không? Tôi bảo có, mọi việc diễn ra quá nhanh! Hết ạ. Có tiếng hô: “Thật độc đáo! Hiện chúng ta có mười năm hội viên nay thêm một, sức mạnh sẽ là sáu mươi. Tôi ngưỡng quá nhưng vui. Cuộc vui kéo dài hơn một giờ mới chuyển sang uống trà. Chú Trang mới thông báo phân công:

- Kính thưa các chú các bác các anh chị. Sang tháng tỉnh ta kỷ niệm 25 năm tái lập tỉnh, sẽ có các triển lãm trong đó có sinh vật cảnh, tỉnh giao huyện ta một trăm tác phẩm, huyện phân xã ta bốn tác phẩm gồm hai tác phẩm bon sai và hai tác phẩm chậu. Tôi với chị Hòa xét mãi chỉ tìm được hai sản phẩm đảm bảo chất lượng tham gia dự thi, số lượng không quan trọng quan trọng là chất đó là bon sai cây hoa giấy chữ Nhẫn của Nghệ nhân Đào Công Vụ

và Dáng làng cây xanh của bác Hứa Nam Hương. Tôi giật mình, tôi bảo không cho mang đi đâu cả mất an toàn lại mất an ninh tôi không tham gia. Mọi người ngơ ngác vì họ chưa hình dung ra tác phẩm ra sao lại mang cái tên lạ hoắc quê mùa. Chú Trang trấn tĩnh:

- Mới có tôi với chị Hòa biết còn cả nhà chưa biết, nó khá nhẹ nhàng nhưng mang dáng dấp một bức tranh quê mái đình cây đa bình dị mà gần gũi, đây hình ảnh của nó đây.

Chú Trang mở điện thoại cho mọi người xem.

- Thôi, tôi không mang đi đâu, chả may gặp kẻ xấu ghen ăn tức ở, nó xịt lên phụt thuốc diệt cỏ vào bộ rể hay cái đao đình là toi, kẻ xấu nhiều lắm của quý mà không biết giữ thì nghĩ ăn.

Giọng chú Trang hứng lên:

- Ở nhà nhất mẹ nhì con/ Không đi ai biết ta giòn bao nhiêu. Có đi thi mới thành hoa hậu. Hoa hậu thì các bác biết rồi danh giá lắm, đi một bước, nói một câu là ra tiền ra bạc, đẹp không đi thi, không hội nhập thì là đẹp xó bép phí cả đời. Người ta có của còn phải thuê rất nhiều tiền quảng cáo cho nó càng giá trị hơn, bác phải hiểu và biết điều đó. Bác yên tâm, chúng em đi, bác đi, ở đó còn bạt ngàn người lẫn ban quản lý triển lãm, bác cứ đi sẽ biết.

Tôi lại bị thay đổi quá nhanh. Đúng là hoành tráng, Trung Tâm văn hóa Kinh Bắc của tỉnh quá rộng và đẹp, hàng ngàn cây to nhỏ, nhiều kiểu dáng không chỉ từ các lò cây cảnh không chỉ trong tỉnh mà có

cả ở Bắc Giang, Hưng Yên, Thái Nguyên tham gia, con cháu đẹp xinh cha mẹ cũng mát lòng, tự nhiên mình trở thành người nổi tiếng, vừa mừng vừa lo. Bao nhiêu người quay phim chụp ảnh, họ rất có ý thức chứ không như tôi nghĩ. Dáng làng được giải cao nhất gồm giấy chứng nhận kèm 40 triệu đồng. Hôm sau nó đã được vinh danh trên nhiều trang báo, người ra xô đến để xem vì cây cảnh truyền thống thì bao la nhưng dáng làng chỉ có một.

Một ngày có vợ chồng người lạ đi xe sang đến thăm. Ông chồng bảo:

- Em xem quảng cáo em thích, cái dáng làng nếu mua được em sẽ đóng thùng cho lên máy bay mang ra nước ngoài cho bà con mình bên ấy thưởng thức. Nhớ gì như nhớ dáng quê.

Tôi bảo ông trả bao nhiêu? Người ấy bảo anh có của anh phải đặt tên chứ? Tôi bảo: “dưới năm tỷ không bán?” Ông chồng bảo: “Nghĩa là thấp nhất phải là năm tỷ chứ gì? OK! Năm tỷ!”

Tôi gọi điện cho chú Trang và cô Hòa đến ngay.

Họ đến, không thấy “dáng làng” ở sân, họ tưởng tôi cất chỗ kín hơn vội hỏi:

- Dáng làng đâu?

Tôi bảo:

- Hai bên gặp nhau, người mua hơn hờ, người bán hơn hờ là hạnh phúc, đại gia Việt kiêu rước nó đi rồi, ông ấy đã chuyển vào tài khoản của anh đủ năm tỷ!

Cả hai đứng lặng không nhúc nhích. Chả biết họ quá hài lòng hay vẫn còn nuôi tiếc./.

DI SẢN VĂN HÓA CỔ

Chùa Long Châu

PHẠM THUẬN THÀNH

Chùa Long Châu thuộc khu phố Thường Vũ, phường An Bình, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh nằm trong hệ thống chùa thiền phái Trúc Lâm. Chùa có kết cấu “tiền Phật hậu Mẫu”, gồm tòa Tam bảo thờ Phật và tòa Mẫu ở phía sau. Những văn tự tại chùa còn lại đến hiện nay cho biết chùa được xây dựng quy mô vào thời Lê Trung hưng ở gò đất cao phía Tây khu phố, trên thế đất đẹp đầu rồng, có dây tre gai dày bao quanh, cây cối cổ thụ um tùm quanh năm, phong cảnh đẹp và thanh tịnh. Ngoài hệ thống tượng Phật cổ, chùa còn có các tháp mộ đá thời Lê, chuông đồng thời Nguyễn và hệ thống bia đá.

Trải qua thời gian, tòa Tam bảo và tòa Mẫu đều đã xuống cấp nghiêm trọng, năm 2008 khu phố đã xây lại tòa Tam bảo mới khung chịu lực bê tông cốt thép, mái gỗ lợp ngói. Năm 2015 xây lại tòa Mẫu trần bê tông cốt thép. Năm 2023 làm tòa Tam bảo mới hình chữ Công, gồm tòa

Tam bảo cũ, nay thành nhà Tiền thất, gian ống muống nối vào tòa Tam bảo.

Về hệ thống văn tự cổ chùa Long Châu gồm tổng số 7 bia đá, đánh số thứ tự: bia số 1 trong khám đá, bia số 2 đến bia số 7 và văn khắc trên chuông đồng, riêng bia số 6 mờ hết chữ không đọc được chữ. Nội dung văn tự cổ cho biết nhiều thông tin về tập tục cộng đồng làng xã thời xưa. Nội dung bia số 1 viết: “Hạ Hồng phủ Vĩnh Lại huyện Hạ Am xã Công Khê thôn. Vương phủ tiền cung tâu đệ nhị Bùi Thị Hiệu thụy viết Diêu Châu thần vị. Gia Định huyện Thường Vũ xã Long Châu tự”. Nghĩa là: “Thần vị đặt tại chùa Long Châu xã Thường Vũ huyện Gia Định của bà Đệ nhị cung tâu phủ Chúa họ Bùi, hiệu là Diêu Châu, quê thôn Công Khê, xã Hạ Am, huyện Vĩnh Lại, phủ Hạ Hồng”. Văn bia tuy ngắn gọn nhưng chứa đựng nhiều thông tin: khu phố Thường Vũ thời Lê đã là đơn vị cấp xã (có Lí trưởng) thuộc huyện Gia Định (tên cũ của huyện

Gia Bình), huyện Vĩnh Lại là tên cũ của huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng) và thời Lê thuộc phủ Hạ Hồng. Một thông tin quan trọng nữa là do có bà Đệ nhị cung tần phủ Chúa họ Bùi hưng công lớn mà chùa có tu sửa lớn, hoặc có thể xây dựng mới nên chùa có mộ đá và thần vị của bà Đệ nhị cung tần họ Bùi.

Nội dung các bia còn lại là bầu hậu. Có hai hậu hàng ngũ, gồm Ngõ Tây thờ hậu là cụ Phạm Lô và hai bà vợ là Vương Thị Ban và Nguyễn Thị Chuyên, bia dựng tháng Giêng năm Bảo Đại thứ 18 (1943); Ngõ Trong thờ hậu ba người là Nguyễn Thị Nhỡ, Nguyễn Thị Đồng, Nguyễn Đắc Tĩnh, bia dựng ngày 18/4 năm Nhâm Thìn. Một hậu là Nguyễn Thị Tín, hiệu Diệu Đức, không rõ năm dựng bia và sự tích của hậu. Một hậu hàng thôn là cụ Trương Thị Ngân do thôn Khoai (một thôn của xã Thường Vũ thời đó) thờ. Không rõ năm dựng bia, nhưng thông tin chỉ rõ xã Thường Vũ thuộc tổng Bình Ngô, huyện Gia Bình và có sự tích của hậu như sau: “Nguyên do vào năm Tự Đức thứ 13 (1860) thôn bị bọn cướp đột nhập lấy đi hết đồ thờ ở nghề mà chưa có tiền mua sắm lại được, nay cụ Trương Thị Ngân xin đặt hậu để dân thôn có tiền mua sắm nên có cuộc họp này ở nghề và đều trất trí bầu cụ làm hậu của thôn. Cụ Ngân đã giao cho bản thôn 100 quan tiền mua sắm đồ thờ của nghề kèm theo 1 mẫu ruộng tốt để lo sắm lễ giỗ vào ngày 20/12. Hằng năm vào ngày giỗ các đời trưởng thôn dùng 10 cối thóc mua lợn, gạo, rượu làm giỗ ở nghề. Nếu sau này ai làm sai lệ thì cả thôn cùng chịu trách nhiệm”.

Một hậu hàng xã là cụ Nguyễn Thị Hợp, bia dựng tháng 10 năm Duy Tân thứ 3 (1909). Thông tin cho biết vào năm Tân Hợi chùa làng xuống cấp trầm trọng, dân muốn sửa chữa từ lâu nhưng không có kinh phí, nhờ cụ Hợp hưng công để dân tu sửa nên được bầu hậu: “Định lệ sắm lễ giỗ vào ngày 8/3: xôi 3 cân, gà 3 cân, rượu 3 chai, vàng mã 300, trầu 200 khẩu giao cho giáp Đông tu lễ”. Việc thờ hậu được dân thờ cúng nghiêm cẩn, đúng như bài minh trên một bia viết: “Có đầy đức ấy, người đầy báo cho, đời sau nhớ đó, mà dựng lên bia, để lâu ghi nhớ, mọi người biết xưa, muôn năm thờ cúng, lâu dài chăm lo”.

Bài văn khắc trên chuông đồng có nhiều thông tin quý khác. Năm đúc chuông là năm Minh Mệnh thứ 19 (1838). Năm đúc chuông là năm Kỷ Hợi đời vua Minh Mệnh thứ 20 (ngày 17/12/1839). Những người chủ trì việc đúc chuông là các hội chủ là Nguyễn Đắc Pháp, Nguyễn Quang Đoàn và Thị Bình cùng với sư chùa. Người soạn văn là vị họ Đỗ, nguyên tri huyện Chương Đức (nay là huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội). Việc đúc chuông là việc lớn hàng phủ, trong danh sách tín thiện có hầu hết các xã của phủ Thuận An thời đó. Lí do đúc chuông là do chuông cũ của chùa nhỏ, lại thuần bằng đồng nên tiếng vang không lan rộng, mà quan niệm xưa cho rằng tiếng chuông là tiếng của Phật đánh thức thiện tâm: “Thường nghe chùa có chuông khác nào làm tỉnh cơn mê nơi trần tục. Chùa làng ta cũng có chuông nhưng nhỏ lại chỉ có tiếng đồng nên không vang xa. Thế thì làm sao



mà đánh thức cơn mê nơi trần tục được. Năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) mặt trăng sáng tròn như chuông vàng. Làng ta thấy vậy cùng bàn nhau rằng âm dương báo lành cho việc đúc chuông, ứng nghiệm với tháng đúc chuông thì tiếng vang xa, âm hưởng Phật dạy có thể tẩy rửa những điều nghiệp chướng chốn trần ai. Công đức ấy không thể đo lường được. Do đó tiếng gõ chuông đâu phải tiếng ném đất mà là tiếng vàng huyền diệu. Đó chẳng phải là việc hay để làng ta nhìn lại mà cùng vui cùng mừng ư. Ôi, dù có tiếng đày, tiếng cũng chẳng kịp đời. Không có tiếng đày cũng không lường hết được việc ở đời. Đó là tiếng chuông vậy. Cũng vì thế mà mượn tiếng ấy để lấy mà tuyên báo dạy cho đời còn hơn là không có tiếng. Mê cũng có

thể hết được, trần tục cũng có thể cảnh báo được. Vậy ghi lại chuông này”.

Chuông chùa Long Châu kiểu dáng đẹp, tai quai hình lưỡng long châu nguyệt rất tinh xảo, là một cổ vật quý hiếm.

Chùa Long Châu nằm cùng gò đất xây đình khu phố Thường Vũ, thời xưa gọi là thế “Tiền Thánh hậu Phật”. Đình thờ Lạc thị tam vị đại vương, tức ba vị trong bọc trăm trứng con đức Lạc Long Quân - Âu Cơ. Trong đình có bản Ngọc phả Hồng Bàng thị với nhiều tư liệu quý hiếm về thời mở nước. Hiện nay cả đình và chùa đang được nhân dân khu phố Thường Vũ tân tạo lại khang trang, bền vững, là nơi sinh hoạt tâm linh quan trọng của nhân dân, đồng thời là nơi giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc cho thế hệ trẻ lâu dài./.

THÁI KHOÁT

Một góc nhìn từ Tổ quốc của tôi

Tổ quốc của tôi dáng cong chữ S
Lung tựa Trường Sơn, mặt hướng biển Đông
Ba ngàn đảo nổi, chìm trên biển
Trăm triệu dân chung dòng máu Lạc Hồng.

Ba ngàn đảo đóng đinh vào biển cả
Mốc chủ quyền vùi mộng xâm lăng
Một tác biển chẳng thể nào chia cắt
Mỗi người dân là một cọc Bạch Đằng.

Những ngư dân và những người lính đảo
Hoàng Sa, Trường Sa giữa biển cả mênh mông
Mặc cuồng phong làm đêm ngày biển động
Bám biển quê hương trụ vững thành đồng.

Tổ quốc của tôi vững bền muôn thuở
Vang mãi thơ thần: **Nam quốc sơn hà...**
Ngọn đuốc hòa bình giữa biển Đông rực sáng
Lửa được thắp lên từ quần đảo phía khơi xa./



ĐẶNG HOÀNG THẨM

Lính đảo Trường Sa

Đêm Nam Yết, ngày Sơn Ca
Sinh tồn mây trắng, Trường Sa nắng vàng.

Chiều trên đảo thoảng tiếng đàn
Chuyện vui bạn kể cười vang pháo đài
Mùa xuân nhớ cánh hoa mai
Thương con én lạc còn bay phương nào.

Đêm nghe tiếng gió thét gào
Như hồn biển gọi lắng vào tim ta
Biển là đất - Đảo là nhà
Con tàu cưỡi sóng Trường Sa hẹn về.
Trái tim khắc một lời thề
Tử sinh quyết giữ lấy quê hương mình./





NHỚ VỀ GẠC MA

PHẠM HUY CHƯƠNG

Ngay từ thời dựng nước và giữ nước, bao đời nay ông cha ta đã coi biển đảo là máu thịt, đất đai của Tổ quốc. Nên dù bất kỳ bằng giá nào cũng phải bảo vệ vẹn toàn biên cương, biển đảo của Tổ quốc. Sự kiện lấn chiếm Hoàng Sa chưa yên thì sự kiện Gạc Ma năm 1988 lại nhà cầm quyền Trung Quốc lại đơn phương gây hấn, hòng lấn chiếm một số đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Trường Sa. Nhắc lại sự kiện ấy trong những ngày này để mỗi chúng ta ngừng người dân đất Việt nhắc nhau hãy cảnh giác giữ gìn bảo vệ giang sơn đất nước từ sớm, từ xa...

Cuối năm 1987, khi cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc vẫn còn dang dở, chưa kết thúc. Nhưng âm mưu và dã tâm xâm chiếm lãnh thổ của ta trên biển Đông, nhà cầm quyền Trung Quốc đã được bày đặt, tính sẵn. Trên biển Đông, phía Trung Quốc đã cho lực lượng hải quân chiếm đóng trái phép 4 bãi đá là bãi cạn, đảo chìm thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Nhận rõ âm mưu dã tâm xâm lược của của kẻ địch. Ngày 4/3/1988 Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân chủng họp bàn thực hiện chỉ thị của trên: “Phải đóng giữ thêm một số bãi cạn, bãi đá ngầm, đảo chìm trong lãnh địa...”. Qua nghiên cứu thấy một số bãi cạn đá san hô ở khu vực cụm đảo Sinh Tồn và Nam Yết, khả năng đối phương có thể tiếp tục xâm chiếm như: bãi Đá Thi, Ét - Mân, Ba Đầu, Đá Rốt, Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao, Én Đất và một số bãi ở đông kinh tuyến 115 như Vành Khăn, Suối Ngọc, Suối Ngà, Cỏ Mây... Xét khả năng thực lực hiện tại của ta lúc ấy chưa đủ sức đóng giữ hết tất cả các bãi cạn, bãi đá chìm san hô được. Nhưng thấy rõ vị trí các bãi cạn: Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao, nếu đối phương chiếm giữ sẽ khống chế hành lang đi lại của ta ở khu vực 2 và khu vực 3. Vì vậy, Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Hải quân đã thống nhất: Trước hết phải đóng giữ bãi đá Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao, còn các bãi khác sẽ đóng giữ sau. Đóng giữ ba điểm này có thể xảy ra tranh chấp, vì Ga

Ven, Châu Viên, Chử Thập, Huy Gơ đều đã có tàu chiến của Trung Quốc rình rập, đứng canh với số lượng khá lớn.

Từ đầu tháng 3 năm 1988, Trung Quốc huy động tăng số lượng tàu hoạt động ở quần đảo Trường Sa, thường xuyên có từ 9 đến 12 tàu chiến, tàu hỗ trợ gồm: 1 tàu khu trục tên lửa, 7 tàu hộ vệ tên lửa, 2 tàu hộ vệ pháo, 2 tàu đổ bộ, 3 tàu vận tải LSM, 1 tàu kéo, 1 tàu đo đạc và 1 công tòng cỡ lớn cùng một lực lượng khá đông tàu vận tải và các loại tàu giả dạng tàu cá đến trinh sát, thăm dò, khảo sát... gây nên tình trạng rất căng thẳng trên cả khu vực quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Trước những diễn biến phức tạp, Bộ Tư lệnh Hải quân đã chỉ thị cho Lữ đoàn tàu vận tải 125, Lữ đoàn giữ đảo 146, Trung đoàn Công binh 83 chuẩn bị sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới.

Thực hiện chỉ thị của Tư lệnh Quân chủng Hải quân, ngày 16 tháng 2 năm 1988 (tức 30 tết Mậu Thìn) Trung đoàn Công binh 83 cơ động từ cảng Đà Nẵng vào Cam Ranh. Thường vụ Đảng ủy, chỉ huy trung đoàn nhận mệnh lệnh cấp trên phối hợp với đơn vị bạn, khẩn trương triển khai nhiệm vụ xây dựng nhà C3, chốt giữ tại các đảo chìm thuộc quần đảo Trường Sa.

Theo chỉ đạo của Sở chỉ huy Quân chủng tại Cam Ranh: “Nhiệm vụ đóng giữ các bãi đá Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao phải hết sức khẩn trương, đảm bảo bí mật và tập trung...” Để nghi binh răn đe đối phương, Sở chỉ huy báo cho đảo Sinh Tồn sẽ có tàu nước và tàu hàng từ đất liền đến tiếp tế; đồng thời lệnh cho đảo Nam Yết bắn pháo về phía Nam 15 km, đảo Song Tử Tây bắn

thủ các loại súng về phía Bắc 4 km. Trong các ngày 9 và 10 tháng 3, không quân ta cho máy bay luyện tập ở khu vực 1. Vào lúc 11 giờ ngày 12 tháng 3, nhận nhiệm cấp trên, tàu HQ-671 do đồng chí Cúc làm thuyền trưởng từ đảo Đá Lớn đi đảo Nam Yết, qua phía Nam đảo Ga Ven để quan sát, thu hút sự chú ý của đối phương, 15 giờ cùng ngày tàu đến đảo Nam Yết. Thực hiện nhiệm vụ xong, đến 9 giờ ngày 13 tháng 3 tàu HQ 671 trở về đảo Đá Lớn. Tàu HQ 605 đang ở Đá Đông nhận lệnh đến đảo Tóc Tan trước 7 giờ ngày 13 tháng 3 gặp đồng chí Ngô Tiến Cai - Phó Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 146 (ở tàu Đại Lãnh), nhận nhiệm vụ sẵn sàng đóng giữ tại đảo Len Đao. Lúc đó tàu HQ-13 từ Núi Le đi đảo Tóc Tan nhận đầu từ tàu HQ-07 và ở luôn đó sẵn sàng đợi lệnh cấp trên; 14 giờ ngày 13 tháng 3, tàu HQ-17 từ Trường Sa nhận lệnh lên đảo Đá Lớn sẵn sàng chi viện cho các tàu của ta khi cần.

Cùng thực hiện nhiệm vụ. Ngày 7 tháng 3 năm 1988 Trung đoàn 83 Công binh thuộc Quân chủng hải quân, triển khai tổ chức 2 khung gồm 70 người xuất phát ra đảo Gạc Ma và Len Đao, hành quân hơn 1 ngày đêm trên biển, tàu nhỏ, gặp sóng lớn không tài nào tiến được phải quay trở về. Bộ Tư lệnh Hải quân phải điều tàu HQ-604 của Lữ đoàn 125 do Đại úy Vũ Phi Trù làm thuyền trưởng, 20 giờ ngày 11/3/1988 nhổ neo từ cảng Cam Ranh, tiếp tục đưa lực lượng ra đóng giữ đảo.

Hai khung xây dựng của bộ đội công binh, thuộc Trung đoàn 83 gồm 70 người và vật liệu xây dựng cho 2 nhà C3 trên đảo Gạc Ma và đảo Len Đao. Khung Đại đội

7 do Kỹ sư Nguyễn Minh Tâm - Trợ lý tham mưu Trung đoàn làm khung trưởng. Khung của Đại đội 9 do đồng chí Trần Văn Phòng - Phó đại đội trưởng về chính trị Đại đội 9 làm khung trưởng. Lữ đoàn 146 Hải quân có 4 tổ chiến đấu thuộc 2 khung đi giữ đảo là 22 người. Tổ đo đạc của Đoàn 6 thuộc Bộ tham mưu binh chủng Hải quân có 4 người do Trung tá Trần Đức Thông - Phó lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 146 chỉ huy chung. Tất cả đều sẵn sàng, chờ đến giờ N tàu cập đảo là người, phương tiện nhanh chóng lên các mục tiêu trên đảo thực hiện nhiệm vụ.

Như đoán biết được trước nhiệm vụ của bộ đội hải quân ta. Tức tốc tàu hộ vệ của Trung Quốc từ đảo Huy Gơ chạy thẳng sang đảo Gạc Ma. Lúc đó khoảng 17 giờ ngày 13 tháng 3, tàu hộ vệ 502 của Trung Quốc đã áp sát tàu HQ-604 của ta, gọi loa phóng thanh khiêu khích: “Đây là lãnh thổ của Trung Quốc, yêu cầu các người phải rời ngay”. Trước hành động gây hấn phi lý của tàu Trung Quốc, cán bộ chiến sĩ tàu HQ-604 vẫn điềm tĩnh, vững vàng, không để mắc mưu địch. Tàu hộ vệ 502 cùng 1 tàu hộ vệ và 2 tàu vận tải nữa của Trung Quốc gầm rú, kéo còi inh ỏi, thay nhau cơ động chạy quanh bãi đá cạn, như vây chặt đảo đá Gạc Ma.

Tại Sở chỉ huy Quân chủng Hải quân nhận được diễn biến tình hình, dự kiến tình huống có thể xảy ra đồng thời báo cáo lên Tổng Tham mưu trưởng đề nghị không quân cho máy bay trinh sát yểm trợ bộ đội trong khu vực bãi đá Gạc Ma. Đề nghị Bộ Ngoại giao phản đối hành động gây hấn xâm chiếm của Trung Quốc.

Đến 20 giờ, tàu 502 của Trung Quốc lùi ra nhập với nhóm 2 tàu vận tải đang ở cách đó không xa; lúc 21 giờ ngày 13 tháng 3, Tư lệnh Quân chủng Hải quân chỉ thị cho bộ phận đi giữ đảo: “Quyết giữ vững mục tiêu...”; 22 giờ ngày 13/3 tàu HQ-605 do đồng chí Lê Lệnh Sơn làm thuyền trưởng đang trực ở đảo Tốc Tan, nhận lệnh cơ động đến giữ đảo Len Dao.

Vào 3 giờ sáng 14 tháng 3, tàu 604 đưa người, vật liệu xây dựng cập đảo Gạc Ma. Phân đội xây dựng nhà của bộ đội Công binh Trung đoàn 83 cùng với tổ chiến đấu của Lữ đoàn 146 và tổ Đo đạc của Đoàn 6 hải quân khẩn trương đổ bộ lên đảo Gạc Ma, nhanh chóng xác định vị trí làm nhà, tập kết đủ số vật liệu xây dựng cần thiết lên đảo. Việc trước tiên là tổ chiến đấu của Lữ đoàn 146 cắm cờ chủ quyền Việt Nam trên đảo Gạc Ma, và triển khai nhiệm vụ bảo vệ đảo.

Đến 4 giờ 55 phút ngày 14/3, hai tàu hộ vệ 556, tàu 531 của Trung Quốc từ bãi đá Chũr Thập tức tốc đến tăng cường cho các tàu ở Gạc Ma, chúng hùa vây, đe dọa. Ban chỉ huy tàu HQ-604 họp nhận định tàu Trung Quốc có thể dùng vũ lực can thiệp, quyết định chỉ huy bộ đội bình tĩnh xử lý, thống nhất thực hiện theo phương án tác chiến, quyết tâm bảo vệ đảo. Phía Trung Quốc dùng loa phóng thanh khiêu khích, Ta dùng loa đấu tranh với đối phương, kiên quyết bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Trước tình thế diễn ra khó lường. Trong lúc chưa nhận được báo cáo, từ các đơn vị báo về. Tư lệnh Quân chủng có lệnh tiếp: “Đã có lệnh đổ bộ lên đảo, các đồng chí thi hành ngay, không được

đề đối phương chiếm mục tiêu. Vào lúc 06 giờ sáng ngày 14 tháng 3, đối phương thả 3 xuồng máy chở khoảng 40 quân đổ bộ lên đảo Gạc Ma. Dựa vào thể có tàu chiến uy hiếp, chúng hung hăng tiến vào giạt cờ của ta. Tại đây các chiến sĩ hải quân Lữ đoàn 146 và Trung đoàn 83 công binh, do Thiếu úy Trần Văn Phương - Đảo phó đã chỉ huy bộ đội chống trả quyết liệt. Quân Trung Quốc dùng xuồng máy cắt dây kéo xuồng của tàu HQ-604, không cho bộ đội ta trên tàu vào chi viện. Trung tá Trần Đức Thông - Phó lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 146 hô: “Đồng chí nào biết bơi, nhảy xuống biển bơi vào đảo, chiến đấu giữ cờ, quyết không cho quân địch cướp cờ chủ quyền của ta...”. Thế rồi đồng loạt bộ đội hải quân ta quần đùi áo lót ào xuống biển bơi vào đảo thực hiện nhiệm vụ...

Được tăng cường thêm quân số, bộ đội ta trên đảo dũng cảm kết chặt tay nhau thành vòng tròn kiên quyết bảo vệ lá cờ Tổ quốc không cho đối phương lao vào cướp phá. Thiếu úy Trần Văn Phương đã đồng dạc hô khẩu lệnh cho đồng đội “Thà hi sinh chứ nhất định không chịu mất đảo, hãy để máu của mình tô thắm lá cờ Tổ quốc và truyền thống của Quân chủng...”. Giành giật với lực lượng của ta không được, binh lính Trung Quốc điên cuồng nổ súng vào người chỉ huy dũng cảm, kiên cường bảo vệ chủ quyền Tổ quốc. Cuộc giành giật lá cờ giữa bộ đội ta với quân đối phương ngày càng quyết liệt. Ngay khi đó Đồng chí Nguyễn Văn Lanh chiến sĩ công binh thuộc Trung đoàn 83 đã dũng cảm nhảy vào đánh văng khẩu súng ngắn trong tay tên sĩ quan chỉ huy quân Trung

Quốc, rồi lao vào nhanh trí cuốn chặt lá cờ đỏ sao vàng vào quanh ngực mình. Trước hành động anh dũng, kiên cường của bộ đội ta, chúng không giạt được cờ, một tên lính của đối phương hèn hạ dùng lưỡi lê đâm lên phía sau vào vai đồng chí Lanh, bị thương nặng nhưng không thể làm anh gục ngã, hai đồng đội đã nhanh chóng hỗ trợ Nguyễn Văn Lanh đứng thẳng, hiên ngang trước quân thù. Cán bộ chiến sỹ ta trên tay chỉ có búa chim, cuốc, xẻng, xà beng, các vật dụng lao động... kết thành “vòng tròn bất tử” quyết bảo vệ lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc trên đảo Gạc Ma,

Sau gần một tiếng đồng hồ giành giật với bộ đội ta, không làm gì được, chúng đã man, dùng súng AK bắn vào bộ đội ta, nhiều đồng chí đã hy sinh, chiến sỹ Nguyễn Văn Lanh trúng hai viên đạn xuyên qua cả vai phải càng bị thương nặng hơn.

Trước dũng khí kiên cường, quả cảm sẵn sàng hy sinh vì chủ quyền biển đảo Tổ quốc của các chiến sỹ ta, buộc quân địch phải rút quân lên tàu. Nhưng đã tâm đề hèn của chúng. Hai tàu hộ vệ 502 và 532 Trung Quốc, chúng vừa tháo lui vừa nã pháo 37 ly, súng cối 12,7 ly... bắn vào bộ đội, hải quân ta trên đảo làm nhiều cán bộ chiến sỹ thương vong. Chưa hết, hai tàu 502 và 532 Trung Quốc còn dùng pháo bắn vào tàu vận tải HQ-604 của ta. Do tàu HQ-604 chỉ có vũ khí bộ binh phòng vệ nên chống trả không hiệu quả. Tàu bị trúng đạn, bốc cháy rồi chìm bên bãi cạn Gạc Ma. Bộ đội Hải quân của ta phải dùng các mảnh, mảng tàu vỡ bằng gỗ làm phao bơi vào bờ, nhiều người sức yếu lại bị trúng đạn pháo bắn đuôi đã chìm dần xuống biển. Trước đó tại



đảo Cô Lin vào lúc 6 giờ ngày 14 tháng 3 năm 1988 tàu HQ-505 đã cắm hai lá cờ trên hai đầu bãi đá. Khi thấy tàu của Trung Quốc bắn cháy tàu HQ-604, đồng chí Vũ Huy Lễ thuyền trưởng tàu HQ-505 đã ra lệnh nhổ neo, rời cho tàu phóng lên cạn ủi bãi, kiên quyết bảo vệ đảo của ta. Thấy thế hai tàu hộ vệ 502 và 531 của Trung Quốc điên cuồng xả đạn bắn vào tàu HQ-505 làm tàu hỏng lái. Song tàu HQ-505 vẫn kiên cường chạy hết tốc lực lao lên ủi bãi, trườn được hai phần ba thân tàu lên bãi thì bốc cháy. Cán bộ chiến sĩ của ta trên tàu dũng cảm dập lửa bảo vệ tàu và tổ chức cấp cứu thương binh, và đưa xuống máy đến Gạc Ma ứng cứu, đón, vượt đồng đội. Tại Len Đao vào 4 giờ 30 phút ngày 14 tháng 3 tàu HQ-605 cho bộ đội lên cắm cờ trên bãi đá. Đến 8 giờ 20 phút, tàu hộ vệ 556 của Trung Quốc từ bãi Gạc Ma lao tới dùng pháo bắn vào tàu HQ-605 làm tàu bốc cháy. Bộ đội ta dũng cảm dập lửa cứu tàu nhưng do cháy quá lớn nên phải rời tàu, đưa thương binh xuống xuống, số còn lại dùng phao cao su, các mảng gỗ bơi về đảo Sinh Tồn. Sau đấy tàu HQ-605 đã chìm xuống biển bên bãi đá Len Đao.

Sau khi nhận được tin các tàu HQ-604, HQ-605, HQ-505 bị bắn chìm, bắn cháy, nhiều cán bộ chiến sĩ của ta đã hy sinh. Bộ Tư lệnh Hải quân đã điện cho tàu HQ-13 không đến Gạc Ma nữa; lệnh cho tàu HQ-671 và HQ-931 treo cờ Chử thập đỏ đến khu vực đảo Gạc Ma, Cô Lin và Len Đao làm nhiệm vụ cấp cứu, cứu hộ. Trên hải trình bị tàu Trung Quốc ngăn chặn, khiêu khích liên tục, nhưng tàu HQ-671 vẫn tới đảo Cô Lin lúc 15 giờ ngày 14 tháng

3 để đưa số cán bộ chiến sĩ tàu HQ-604 đã cứu được, đưa về đảo Sinh Tồn vào lúc 22 giờ. Cùng thời điểm này Tàu HQ-931 cũng vượt qua sự ngăn chặn, khiêu khích của quân Trung Quốc, 13 giờ đến được bãi đá Len Đao, sau khi quan sát chỉ thấy lá cờ Tổ quốc đang tung bay trên đảo, còn tàu HQ-605 đang bốc cháy ngùn ngụt và chìm dần. Không đón được ai, vì số cán bộ chiến sĩ trên tàu HQ-605 đã dùng xuống, và phao bơi, rời tàu về đảo Sinh Tồn, lúc đó tàu HQ-931 tiếp tục quay về đảo Sinh Tồn nhận nhiệm vụ mới.

Trong sự kiện ngày 14 tháng 3 năm 1988, tàu Trung Quốc đã bắn cháy 1 tàu đổ bộ, bắn chìm 2 tàu vận tải của ta, 11 đồng chí bị thương, 64 đồng chí đã anh dũng hy sinh, vĩnh viễn nằm lại với vùng biển nơi đây, hóa thân kết thành lũy đồn, ngày đêm cùng đồng đội canh giữ bảo vệ biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

36 năm sự kiện Gạc Ma đã đi qua. Nhắc lại sự kiện này để mỗi người dân đất Việt chúng ta luôn nhớ và tri ân những người con yêu dấu của quê hương đã anh dũng hy sinh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc, để mỗi chúng ta càng thêm cảnh giác trước mọi âm mưu, thâm độc của kẻ thù. Chủ động bảo vệ biên giới, hải đảo của tổ quốc từ sớm, từ xa. Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, kiên quyết bảo vệ từng tấc đất, biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Với khát vọng xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, hùng cường sánh vai với bè bạn năm châu./.

SUY NGHĨ VỀ ĐỌC SÁCH

-NGÀY NAY-

NGUYỄN KHẮC ĐÀM

Nhà văn quan sát cuộc sống và hình thành ý tưởng sáng tác. Quá trình suy nghĩ, cân nhắc, lựa chọn những vấn đề cốt lõi của đời sống là sự thai nghén để viết tác phẩm. Nhà văn không thể tách mình ra khỏi cuộc sống, phải chọn chỗ đứng, xác định quan điểm lập trường, thái độ của người cầm bút... tất cả phải rạch ròi rút khoát, yêu ghét phân minh. Mối quan hệ giữa nhà văn cuộc sống định hướng giá trị tác phẩm. Người ta kể lại, thời chiến tranh chống Pháp, Tố Hữu cùng đơn vị bộ đội hành quân lên Tây Bắc, kéo voi vào trận. Thực tế ấy đã giúp ông hoàn thành bài thơ **Lên Tây Bắc**, Voi. Nhà thơ theo một đơn vị thanh niên xung phong, trò chuyện tâm tình với bà mẹ để có những thi phẩm **Phá đường** và **Bà mẹ Việt Bắc**. Thời chống Mĩ, nhà thơ Phạm Tiến Duật bám sát những đơn vị lái xe trên tuyến lửa Trường Sơn, đơn vị thanh niên xung phong mới có được **Vàng trắng quàng lửa** ra đời. Tập thơ được nhận giải thưởng của báo Văn nghệ năm 1973. Nhà thơ Huy Cận

lăn lộn bao ngày tháng ở vùng mỏ Quảng Ninh để có tập **Bài thơ cuộc đời**. Những ai đó thờ ơ, hờ hững không chút gắn bó với cuộc sống làm sao viết được. Vốn sống nghèo nàn chỉ dựa vào năng khiếu của mình để viết, ở các tác giả lành nghề vẫn có thể viết được nhưng dù sao vẫn thiếu hơi thở của cuộc sống. Thực tiễn và sự sáng tạo nghệ thuật là hai vấn đề luôn gắn bó với nhau để làm nên thành công của tác phẩm nghệ thuật. Nhận định về vấn đề này, giáo sư Hà Minh Đức quan niệm "Thơ là tấm lòng nhưng trước hết thơ phải là cuộc sống". Người cầm bút phải lăn lộn với cuộc sống để có tác phẩm. Tác phẩm tác động đến người đọc. Sau khi đọc và ngay cả lúc đang tiếp nhận tác phẩm, người đọc liên hệ với thực tiễn đời sống. Tác phẩm từ cuộc sống lại trở về với cuộc sống. Từ mối quan hệ này, chúng ta đòi hỏi người viết phải có vốn sống thực tiễn đã đành, người đọc cũng phải nâng cao nhận thức của mình để tiếp thu những vấn đề cuộc sống đặt ra trong tác phẩm. Nếu không có vốn



sống, hiểu biết về cuộc sống những năm sáu mươi của thế kỉ XX trên miền Bắc nước ta, bạn đọc hiểu truyện ngắn **Mùa lạc** của nhà văn Nguyễn Khải chỉ là thay đổi cuộc sống của người phụ nữ có quá khứ đầy bất hạnh. Cốt lõi của truyện ngắn này khẳng định mối quan hệ giữa con người với con người trong lao động. Tình cảm, đạo đức xã hội chủ nghĩa là nhân tố tích cực làm thay đổi diện mạo và cuộc sống con người. Nó xóa đi mọi đau thương, những bi kịch cá nhân xã hội cũ còn để lại hậu quả. Mặt khác truyện đặt ra vấn đề *"Cuộc đời này không hề có con đường cùng chỉ có ranh giới, điều cốt yếu phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy"*. (Mùa lạc, Nguyễn Khải). Nhà văn

Nguyễn Khải đã từng nhấn mạnh *"Sự sống nảy sinh từ trong cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hi sinh gian khổ"*. Một cái khó khi chúng ta tái hiện lại những năm tháng nửa đời lửa đạn cho thế hệ chưa bao giờ biết đến chiến tranh. Lóp trẻ ngày nay làm sao hiểu hết những hầm hào, những hố cá nhân rải trên dọc đường quốc lộ, sao hiểu hết cuộc sống ở địa đạo, những năm tháng lấy đêm làm ngày, tóm thắt lưng địch mà đánh. Lóp trẻ ngày nay hiểu sao hết quan niệm thật dứt khoát Giặc còn thì tao mất, tao còn thì giặc mất có thể thôi. Họ hiểu làm sao khi xe kéo pháo vào trận địa, đường lầy lội, nhiều gia đình đã mang cánh cửa lim của nhà mình ra lót đường cho xe kéo pháo vào chiếm lĩnh trận địa. Một dân

tộc vừa động viên, đôn đốc con em mình ra trận, vừa làm công tác hậu phương, vừa cử con em ra nước ngoài học hỏi bạn để sau đó trở về phục vụ Tổ quốc. Lịch sử đất nước không thiếu những trang đau thương đẫm nước mắt. Lịch sử đất nước cũng không thiếu những trang ghi nhận chiến công hiển hách mang tầm vóc anh hùng. Biết bao người con gái con trai gác lại mối tình hò hẹn để có mặt ở chiến trường đầy thử thách, đối mặt giữa cái sống và cái chết. Trong số những con người ấy bao nhiêu đã vĩnh viễn không về. Bao người vợ mất chồng, người mẹ mất con và cả những người con không bao giờ gặp lại người cha thân yêu của mình. Lịch sử còn mắc lỗi vì chưa ghi hết chiến công và sự hi sinh thầm lặng ấy. Vấn đề này đặt ra với người cầm bút. Pao tốp xki trong tác phẩm **Bông hồng vàng** nhấn mạnh "Nếu văn học chỉ cầm đi trong một phút thôi thì chẳng khác nào là cái chết của cả dân tộc". Người đọc khi tiếp nhận tác phẩm bao giờ cũng có nhu cầu tự nhiên liên hệ với cuộc sống để tự đối chiếu đặt ra những yêu cầu rèn luyện. Tác phẩm văn học không chỉ nâng cao về nhận thức còn thanh lọc tâm hồn, chấp cánh cho những ước mơ vươn tới bên bờ xa lạ. Bạn đọc không nên quan niệm tác phẩm văn chương như một sự giải trí, tất nhiên văn học có chức năng này. Chúng ta hết sức coi trọng chức năng nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm văn chương. Trong nhà trường, tác phẩm văn học cùng một lúc tác động đến hai đối tượng: Thầy và trò. Thầy không đọc chỉ qua lời giới thiệu của sách giáo khoa thì dù tài năng đến đâu thầy cô cũng không thể

khẳng định mình giảng hay về tác phẩm ấy. Trò không đọc chỉ qua bài giảng của thầy thì sự hiểu biết về tác phẩm tránh sao đơn điệu, sơ sài, phiến diện. Thầy không thể cảm nhận thay học trò. Mọi quan hệ giữa nhà văn, cuộc sống và bạn đọc đặt ra những yêu cầu làm thế nào để có tác phẩm xứng đáng với thời đại. Ngày nay, làm thế nào để chúng ta khơi dậy văn hóa đọc trong toàn bộ xã hội. Hiện tại, chúng ta đang bàn về văn hóa đọc. Bởi nhiều người coi đọc sách không là nhu cầu tất yếu, không còn hứng thú. Người ta dường như quên chuyện đọc sách. Một bài thơ hay, một truyện ngắn xuất sắc, một cuốn tiểu thuyết có giá trị đã bỏ trong quên lãng. Bạn đọc chẳng mấy hứng thú. Nỗi buồn đối với một dân tộc, đất nước đang trên đà phát triển mà văn hóa văn nghệ không được đề cao. Thời đại khoa học phát triển không ngừng. Khoa học hiện đại đã thay thế cho lao động thủ công. Kỹ thuật số đã giúp con người nhanh chóng tiếp cận ngành khoa học tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới. Trong dòng thác của nền kinh tế thị trường, người ta chỉ nghĩ tới chuyện làm giàu còn thì giờ nào để đọc sách. Tốt nghiệp THPT hoặc THCS, các em nếu không tiếp tục theo học thì đi làm ở các xí nghiệp hoặc công ti tối ngày, tuổi trẻ dường quên việc đọc sách. Nhà trường, nơi thuận lợi để phát huy văn hóa đọc, nhưng thực tế lại làm ta thất vọng. Các thầy cô chỉ đọc sách giáo khoa, sách hướng dẫn giảng dạy. Có Hiệu trưởng say sưa kể về thư viện được trang bị máy tính, giúp học sinh tiếp thu được nhiều tri thức nhanh nhất. Điều này ta không phủ nhận, chỉ tiếc rằng thầy

Hiệu trưởng không nhận ra đọc trực tiếp một cuốn sách, con người có thời gian suy ngẫm, liên hệ đòi hỏi ở chính mình với cuộc sống, đứng trước những vấn đề đặt ra trong cuốn sách. Lãnh đạo nhà trường chẳng chú ý gì tới nâng cấp thư viện bằng số lượng và chất lượng của đầu sách. Thật đáng buồn! Nguyên nhân chủ quan do con người. Sau mỗi buổi học, các em dán mắt vào điện thoại. Thậm chí, cả người lớn. Đang ăn cơm, có người cũng điện thoại. Nguy hại hơn, tuổi trẻ ngày nay phần đông lạnh lùng, vô cảm với quá khứ. Nét đẹp truyền thống chẳng nắm được. Cuộc sống của cha ông như thế nào chẳng cần biết. Từ đó, ta tìm một tiếng nói chung, sự đồng vọng, cảm thông, chia sẻ không dễ chút nào. Viết thư trao đổi, đọc sách hàng ngày không còn mảnh đất để phát triển. Bước sang thế kỉ XXI, văn học tiếp nhận nghiêng nhiều về người đọc. Con người của thời đại đòi hỏi nhà văn phải suy tư, sáng tạo để có tác phẩm đáp ứng với yêu cầu bạn đọc. Bạn đọc trở thành trung tâm. Tác phẩm văn học nghệ thuật không còn là cái khuôn đúc sẵn mà phải được mở ra nhiều hướng của cuộc sống. Trong một con người luôn tồn tại cái tốt và cả cái xấu. Văn học giúp con người loại trừ cái xấu và phát huy cái tốt đẹp. Sự thật chúng ta đang thiếu những tác phẩm đáp ứng mong mỏi của bạn đọc. Nhân vật điển hình của cuộc sống chưa xuất hiện. Sách giáo khoa là bài học đầu đời của tuổi thơ đang còn nhiều thử nghiệm. Muốn phát huy tốt văn hóa đọc cần cả hai phía, sách và bạn đọc. Bạn đọc coi việc đọc sách thành nếp quen không bỏ được.

Sách mang lại sự hiểu biết cho ta, nâng cao đời sống tâm hồn, mở mang trí tuệ, kĩ năng sống. Ngược lại, bạn đọc ngày nay đòi hỏi những tác phẩm phải chú ý tới đối tượng thưởng thức nhiều hơn. Sách viết cho từng đối tượng, sách chuyên ngành... Tất cả đều đạt tới chuẩn mực. Chúng ta mong có nhiều tác phẩm hay đáp ứng với yêu cầu bạn đọc, việc đọc sách sẽ trở lại trong đời sống. Mặt khác, lãnh đạo ở địa phương từ thôn đến xã, phường cần thành lập tủ sách cộng đồng, có nhiều sách mang nội dung phong phú và chú ý động viên mọi thành viên đến đọc. Tổ chức những buổi giới thiệu sách có nội dung tốt, liên kết với các trường học trên địa bàn để cổ vũ, khuyến khích đọc sách. Mặt khác, tổ chức cuộc thi giới thiệu sách mà bạn yêu thích để động viên, khuyến khích việc đọc sách. Trách nhiệm là của chung mọi người. Làm được những việc trên đây, chúng ta tin đọc sách dần trở lại như ngày trước.



Một chuyến về nguồn

LÊ KHANH

Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh tổ chức chuyến đi về nguồn Pác Bó, tỉnh Cao Bằng báo công với Bác sau khi tổ chức thành công Đại hội lần thứ V của Hội. Đoàn do Nhà báo Ngô Hồng Giang, Chủ tịch Hội dẫn đầu. Dự báo thời tiết đoàn sẽ gặp rét những ngày đi. Trưởng đoàn lên Zalo nhắc các thành viên mang trang phục rét. Rét chưa về, buổi chiều xuất hành trời ấm và nắng đẹp. Nhưng đêm đó rét lên về bút lá ném tứ tung. Cái sân Nhà khách giao tế Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng lá phủ dày từng đám. Nhà văn Phạm Thuận Thành mở cửa nhìn ra. Rét mới về mà lạnh thế. Nhà báo Nguyễn Việt Hùng, Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng đưa đoàn lên Di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó. Đường về nguồn người xe tấp nập. Anh Hùng bảo đường lên Pác Bó bao giờ cũng đông, nhất là từ khi khánh thành Đền thờ Bác và cột mốc Km0 Đường Hồ Chí Minh điểm đầu Cao Bằng. Tôi đã nhiều lần lên Pác Bó, nhưng bao giờ về đây vẫn thấy

trong lòng trào dâng một niềm xốn xang, thành kính. Đây rồi ngọn núi cao Các Mác vẫn đứng trầm mặc giữa màu xanh lạnh lẽ của núi rừng. Địa thế ở đây nhìn ra trước mặt, hướng Cao Bằng vừa thông thoáng mà bí mật. Người ở bên trong có thể dễ dàng nhìn ra bên ngoài, nhưng bên ngoài thì khó biết bên trong. Nước từ trong lòng núi đá chảy ra trong vắt, làm ánh lên những đàn cá tung tăng trong sỏi cuội. Anh Hùng bảo nước sạch đến mức mức lên có thể uống liền. Đó là suối Lê-Nin, dòng suối nhỏ uốn mình dưới chân núi Các-Mác. Nó là “trái tim xanh” của Pác Bó này. Tại khu đất rộng bê tông hóa phẳng phiu, vài ki ốt bán hàng lưu niệm, nhìn rõ dòng chữ vàng “Suối Lê-nin” và trên cao là “Núi Các-Mác”. Vị trí này number one để check in. Cạnh con đường bên suối có cụm tượng đài ba cây đàn tính. Cô hướng dẫn viên bảo nó được dựng sau khi Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở miền núi nước ta được ghi danh là Di sản Văn hóa của nhân loại. Ôi đàn tính! Mỗi khi cây đàn một

dây ấy cất lên, bao giờ ta cũng thấy lòng thư thái. Đàn hay người đó đang cất lên tiếng lòng mình; chậm chậm mà tha thiết, để người nghe Then một lần mà nhớ mãi. Thì ra cái mảnh đất thiêng này chứa trong lòng biết bao nhiêu trầm tích văn hóa và cách mạng. Bên suối Lê-Nin, kia, Nghệ sĩ Ưu tú Bích Hồng diện trang phục gái Tày, đang ngồi ôm cây đàn tính hát. Trời, nhìn nàng xinh đẹp quá. Các tay máy thi nhau giương ống kính ra săn bắt cảnh và người. Trời gió lạnh. Mặc! Các nàng vẫn trút áo khoác ra để mặc bộ đồ dân tộc. Chủ tịch Hồng Giang đứng như cái mắc áo ôm một chồng. Cô hướng dẫn viên cho biết con đường mòn bên cụm tượng đài là đường dẫn lên lán Khuổi Nậm. Nhưng cô không lên lán, cô dẫn Đoàn lên hang Cốc Bó. Lên hang phải qua cây cầu nhỏ. Chiếc cầu được dựng sau này để khách hành hương về với Bác. Dưới chân cầu nước chảy ào ào qua ghềnh đá nhỏ. Dưới suối, bà con xếp đá ngăn bờ thành những ô ruộng để trồng rau. Chủ yếu cải xoong, cần trắng nõn và xanh mướt. Nhiều ô, đồng bào đang thu hoạch. Di tích Quốc gia đặc biệt mà gần gũi quá. Đúng là dân bao giờ cũng ở trong cõi Bác. Đồng bào bán rau dọc con đường di sản. Anh Hùng bảo rau sạch, rửa nước suối có thể ăn được ngay, rất ngọt. Con đường đá len lõi dẫn lên cái hang nhỏ ở lưng chừng núi. Ngày xưa nơi Bác ở phải tuyệt mật, làm gì có đường đi. Con đường đá làm sau này cho du khách. Đây rồi, hang nhỏ. Nó giấu mình giữa ngàn cây lưng chừng núi. Cô thuyết minh cho biết, hang Cốc Bó là một hang nhỏ trên sườn núi, bên ngoài

nhìn không thấy được. Trong hang, nền đá mấp mô, không khí âm thấp. Chiếc phản gỗ đơn sơ và bếp củi cháy dở ở góc hang. Bác như vừa đi ra suối. Ngày Bác ở đây, trời đã tiết xuân, nhưng vẫn lạnh. Nhiều đêm Bác và các đồng chí nằm trên chiếc phản gỗ, không chăn chiếu, lạnh không ngủ được. Bác và các đồng chí dậy nhóm lửa và đọc tài liệu cho đỡ rét:

*Hang lạnh nhớ tay Người đốt củi
Bập bùng lửa cháy suốt đêm thâu
Ai hay ngọn lửa trong hang núi
Mà sáng muôn lòng vạn kiếp sau.*

Sau này theo chân Bác, chi tiết ấy đã cho nhà thơ mấy câu thơ ấy.

Nhưng đâu chỉ có lạnh. Cô thuyết minh cho biết, có khi mưa lớn, nước rồ lênh láng vào cả chỗ nằm, nhưng Bác vẫn không cho làm mái che mà chỉ lấy một cây que dài ghêch lên làm máng đón giọt nước cho chảy ra chỗ khác. Vì hoạt động bí mật, Người cẩn thận đến từng chi tiết. Cảnh giác với địch. Nhưng với dân, Bác bảo phải gần họ, giác ngộ họ, làm cho họ thật thà giúp đỡ cách mạng. Tùy theo sức của mình, ai cũng có thể góp phần mình cho cách mạng. Với trẻ em, Bác dạy tuổi nhỏ làm việc nhỏ. Chẳng thế mà Kim Đồng, người Đội trưởng Đội Nhi đồng Cứu quốc đầu tiên trong lúc làm nhiệm vụ bảo vệ cách mạng đã hy sinh. Đảng, Nhà nước đã xây dựng Khu Di tích anh hùng liệt sĩ Kim Đồng ở thôn Nà Mạ, xã Trường Hà. Trên đường về lại thành phố Cao Bằng đoàn đã ghé thăm.

Tôi hỏi khách Quốc tế đến đây có nhiều không?

Em bảo có các chính khách, nhưng nhiều nhất là các nhà nghiên cứu lịch sử. Các vị khách quốc tế đã đến đây, họ nẩy đều ngạc nhiên và khâm phục. Tại Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh có lưu bài báo của con trai cố Tổng thống Mỹ John Kennedy đăng trên tờ Washington Pots. Năm 1997, ông đến thăm Khu di tích Pác Bó. Khi trở về nước Mỹ ông đã viết: “Tôi nghĩ mãi mà không hiểu tại sao trong một cái hang nhỏ hẹp, tối tăm và ẩm thấp như vậy mà ông Hồ Chí Minh lại có thể nghĩ ra cả một kế hoạch lâu dài để giành lại đất nước”.

Cuối năm 1940 khi đang ở Trung Quốc, tìm đường về Tổ quốc, Bác Hồ đã lựa chọn Cao Bằng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết trong Hồi ký:

“Cũng từ lúc này, Bác đã nhận định về vị trí của Cao Bằng: Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng nước ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nói phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tiến công, lúc khó khăn có thể giữ”.

Không có đáp án nào thỏa đáng hơn cho vị khách người Mỹ ấy. Bác không mặc định ở cái hang mà chính từ lâu, từ xa Người đã nhìn ra vị thế của Cao Bằng. Lịch sử đã chứng minh đó là tầm nhìn của bậc Hồng nhật cao minh.

Cô hướng dẫn viên vẫn đang làm công việc của mình, cô nói: “Sáng ra, Bác lại ra ngồi nơi phiến đá chông chênh bên bờ suối để dịch sách huấn luyện cán bộ và biên soạn tài liệu tuyên truyền cách mạng”.

Về Cao Bằng, Bác nhanh chóng bắt tay xây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức quần chúng, chuẩn bị cho cuộc cách mạng để giải phóng dân tộc và giai cấp. Nơi đây, từ ngày 10 tháng 5 đến 19 tháng 5 năm 1941 đã diễn ra sự kiện trọng đại của Đảng và của dân tộc. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 do Bác chủ trì họp tại lán Khuổi Nậm đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam. Chính ở đây, Hội nghị Trung ương đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh và đề ra chủ trương chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa.

Từ căn cứ Pác Bó, Bác đã tới hoạt động nhiều nơi trên đất Cao Bằng. Ngày 22 tháng 12 năm 1944, tại khu rừng Trần Hưng Đạo, theo chỉ thị của Người, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam anh hùng được thành lập, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Từ Cao Bằng, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã đánh thắng trận đầu mở ra truyền thống vẻ vang của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Trong kháng chiến 9 năm chống Pháp, Bác có trở lại Cao Bằng.

Cần nói thêm rằng, từ năm 1947 đến năm 1950 trên Đường số 4 tại đèo Bông Lau - Lũng Phầy, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích đã phối hợp tấn công các đoàn xe quân sự của thực dân

Pháp giành thắng lợi to lớn. Tấm bia “Di tích chiến thắng Lũng Phây” trên Đường số 4 còn ghi rõ:

“Ngày 18/6/1949, quân ta phá hủy 10 xe, diệt 100 tên lính ngự, thu toàn bộ vũ khí.

Ngày 3/9/1949, ta chặn đánh đoàn xe phá hủy 35 xe, tiêu diệt 94 tên, bắt sống 93 tên lính ngự, làm bị thương hơn 100 tên khác, thu toàn bộ vũ khí.

Ngày 27/6/1950, ta diệt 103 tên, bắt sống 37 tên.

Những chiến công này đã góp phần vào chiến thắng Đường số 4 anh hùng, giải phóng biên giới, giải phóng Lạng Sơn năm 1950”.

Năm 1950 là năm có tính bước ngoặt trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta. Tình hình thế giới, khu vực, trong nước có nhiều biến đổi lớn, có lợi cho ta. Đảng ta quyết định mở Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, nối liền nước ta với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vừa thành lập. Tháng 8 năm 1950, Bác Hồ đã lên đường ra mặt trận. Tại đài quan sát chiến trường (ở núi Báo Đông thuộc bản Nà Lạn, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng), Bác đã chăm chú quan sát, theo dõi chặt chẽ trận Đông Khê. Khoảnh khắc lịch sử ấy, Nhà nhiếp ảnh Vũ Năng An đã chụp được bức ảnh quý “Hồ Chủ tịch quan sát mặt trận Đông Khê” rất nổi tiếng. Cảm hứng trào dâng, Bác viết bài thơ “Đăng sơn - Lên núi” vào dịp ấy. Bài thơ viết bằng chữ Hán, nhà thơ Xuân Diệu dịch như sau:

*Chống gậy lên non xem trận địa
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đẩu
Thê diệt xâm lăng lũ sói cây.*

Hôm nay, về nguồn Pác Bó càng thấy công ơn Bác thật như trời bể.

Để ghi nhớ công ơn trời bể của Người, Đảng, Nhà nước đã xây dựng Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đồi Pò Tềng Cháy ở trung tâm của vùng đất thiêng Pác Bó. Bên trong đền thờ, nơi chính điện pho tượng Bác ngồi thật ung dung, thư thái. Sau lưng Bác là núi Các-Mác, suối Lê-nin và bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” của Người:

*Non xa xa, nước xa xa
Nào phải thênh thang mới gọi là
Đây suối Lê-nin, kia núi Mác
Hai tay xây dựng một sơn hà.*

Phía trên là bức đại tự nổi bật lên 4 chữ vàng “Hong nhật cao minh” và đôi câu đối lớn hai bên ca tụng công lao trời biển của Bác và đất thiêng Cao Bằng:

*“Lãnh tụ trở về nhật nguyệt bừng lên
trời Pác Bó*

*Anh hùng tụ lại tinh hoa rực sáng đất
Cao Bằng”.*

Trước tượng đài Bác Hồ nơi chính điện, Đoàn Hội Văn học Nghệ thuật Bắc Ninh và Cao Bằng xếp hàng chỉnh tề và thành kính báo công với Bác. Chủ tịch Hội Ngô Hồng Giang nói lời xúc động: “Noi gương Bác, các thế hệ văn nghệ sĩ Bắc Ninh nguyện suốt đời học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, tác phong của Người”.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng tập Hồi ký, Nxb QĐND. H. 2011, tr24-25.

NGUYỄN TẤT ĐÌNH VÂN

Hồn quê

Bữa cơm chỉ có rau dưa
Cây cày mùa vụ nắng mưa trông trời
Ăn tiêu dè sẻn một đời
Áo nâu, mỏ quạ, lưng phơi ngoài đồng.

Đu đưa một chiếc gầu sòng
Đôi vai gồng gánh lưng còng mẹ tôi
Mắt cay sè ướt mồ hôi
Qua cầu sông vẫn lở bồi ngàn năm.

Hồn quê thoi cửi con tằm
Nhà tơ ngày tháng, mẹ nằm chõng tre
Con đồ rời bến triền đê
Còn tôi gom nhặt bộn bề nhớ thương...



NÔNG TỬ LỆNH ANH

Ánh trăng Kinh Bắc

Anh không rót vào em
Vì anh đang đứng xa dòng nước chứa
chật chội Cầu Lim
Vì anh chưa kịp chung cất được ánh trăng
trên lưng áo tứ thân em đêm hội.

A chỉ rót đêm vào em
Vì đêm lang thang biết gỡ từng sợi nhớ.

Khu rừng chi chít những vì sao
mọc không thẳng hàng
Phát đi từng chùm bức xạ
đắm hương huyền bí
Bỗng khe khẽ rờn xanh
Những nốt trầm “người ơi người ở đừng về”
pha ngọt lồi hồn anh.

Kí ức ngàn năm tràn trẻ tà áo tứ thân
Hóa dòng trăng vỡ bờ sông em
Kéo theo tinh cầu nhảy múa
Âm ư làn quan họ sóng sánh môi
gái làng Nội Duệ.

Nón ba tầm vương vải đầy ánh trăng Kinh Bắc
Cánh tay em trần nuột nà
Vót đặt anh lên lưng chùng tiếng sáo đang chìm...



VŨ THỊ PHƯƠNG

Phù sa

Phù sa bồi đắp tự khi nào?
 cây trái bốn mùa tươi tốt,
 câu thơ ai viết
 có phù sa vị ngọt
 vị của đời cay, đắng, buồn, vui...

Phù sa bồi đắp tự khi nào?
 Có nước mắt lặn sâu trong lời cha dạy
 Có trí tuệ hôm nay trả bằng máu hôm qua
 cho con nhân nghĩa, niềm tin

những khát vọng này mầm từ quận thắt
 đón đau muôn ngàn năm trước...

Phù sa nuôi màu sự sống
 Là thành quách, lâu đài, căn nhà hạnh phúc
 Là nền văn minh mang tên những dòng
 sông
 Là trang sử thiêng lưu truyền, cây đời
 bền vững..

lớp lớp người thâm lặng
 chất phù sa
 như loài ong cần mẫn hút nhụy hoa
 dâng hiến cho đời...

Phù sa có tự bao giờ?
 những dòng sông lặng lẽ
 những cuộc đời lặng lẽ...
 Sáng nay gió thổi hồng lên khuôn mặt
 phù sa./.



MAI KHÁNG

Thi hứng đầu năm

Thế là năm cũ đã qua
 Việc vui, việc dở đã là ngày xưa
 Dù thành, hay bại cũng vừa
 Vẫn lòng thanh thản, vẫn đùa tháng năm.

Nhờ giờ luyện sức vẫn chăm
 Sang năm mới lại quay vòng thời gian
 Lại xuân, lại hạ, thu sang
 Xuân du phương thảo nước non Kỳ Cùg.

Hạ về, sen mướt ao làng
 Thu sang mỹ tửu, cúc vàng tri âm
 Đông đà thi hứng khúc ngâm
 Tú thời thỏa chí tang bồng trần gian./.

LỬA GẦM RƠM

(Tác phẩm đoạt giải Ba Cuộc thi sáng tác văn học - Chủ đề Bắc Ninh trong hành trình xây dựng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương Lần thứ III - 2023)

ĐINH VĂN Y

Hòa nấu bữa sáng xong nở nụ cười soi gương khẽ hát: Anh còn son em cũng còn son... Ra ngó vào trông... người không thấy người... rồi khẽ gọi chồng:

- Anh Quyền ơi!

Quyền vờ ngủ thấy vợ dùng từ anh thay cho từ ông mọi ngày, nên cũng trả lời bằng giọng hài ước:

- Anh cũng còn son chẳng kém bố con thằng nào đâu nhé?

Hòa nói nhỏ:

- Em bảo này! Từ nay anh đi bộ đường mới vừa rộng vừa gần.

Quyền tỏ ra khó chịu:

- Đi bộ thể dục thì đi đường nào cũng phải nghe vợ chỉ đạo là sao?

Nghe chồng gắt; giọng Hòa âm lượng cũng tăng:

- Cả làng người ta đi đường mới trải nhựa, đông vui mà anh một mình một

đường trông làm lũi khổ thân như người bị đuổi ra khỏi làng ấy.

- Quyền chồm dậy; giọng gay gắt:

- Tôi không bao giờ đi con đường ấy!

Hòa thấy chồng nổi nóng, nói ngang, đành sang phòng ăn bày bữa sáng. Quyền vươn vai ngồi dậy vẫn vơ nghĩ:

- Lấy vợ không có tình yêu khổ suốt đời! Giá như thời ấy lấy Loan thì đâu đến nỗi. Chỉ vì đũa mốc, mâm son mà yêu nhau không lấy được nhau.

Quyền nhớ lại năm học cuối cấp ba, cả lớp rộ lên cá cược xem Quyền và Hiền, hai thằng con trai cao ráo đẹp trai, Hòa và Loan hai đứa con gái mảnh mai xinh xắn. Bốn đứa chơi thân nhau, nhưng ai lấy ai thì khó đoán: Hiền - Hòa là một cặp đôi lý tưởng và Quyền - Loan lấy nhau mới môn đăng hộ đối.

Thời ấy đất nước đang dốc sức người, sức của để giải phóng miền Nam. Chẳng

bao lâu hai chàng trai đã có tên trong danh sách vào Bộ Đội. Hai gia đình đều có một con trai nên phải lo lấy vợ cho chúng ngay để có người trông nom bố mẹ già và may ra đậu được đứa con càng tốt. Cứ tưởng Quyền - Loan và Hiền - Hòa cặp nào cặp ấy lấy nhau luôn, nào ngờ khắp trong xóm ngoài làng bỗng rộ lên câu vè:

- Đũa mốc lại chòi mâm sơn.

Không biết thân phận lại còn trèo cao?

Thời ấy, số những gia đình có nhà xây lợp ngói như Nhà Quyền, nhà Hòa thì dân làng gọi là mâm sơn. Số nhà tranh, vách đất đương nhiên là đũa mốc.

Từ hôm nghỉ hè ngôi nhà ngói năm gian nhà Hòa chật ních tiếng cười, tiếng hát của bốn đứa bạn thân cùng lớp. Được vài hôm thì chỉ còn ngọn đèn dầu leo lét, cửa đóng im lìm. Hiền và Hòa dạo trên đường phi lao liên xả dưới ánh trăng., mặt đứa nào cũng đeo một nỗi buồn thê lương.

Hòa khóc tức tưởi:

- Có kẻ đã bịa ra câu chuyện đũa mốc để chia rẽ chúng ta, chứ bố mình không hề nói thế!

Hiền cũng ghen ngào:

- Mình đoán ra người đó là ai nhưng không bắt được tay làm gì được nhau?

Hiền đưa cho Hòa tờ giấy có bài vè thứ hai:

Nhà bà có đồng rơm to

Có cô con gái chưa cho lấy chồng

Ai ai vào hỏi cũng không

Anh Quyền mới hỏi bằng lòng lấy ngay!

Ngày tuyển quân đã đến gần, Hòa đành nhận lời lấy Quyền trong nước mắt, Hiền với Loan cũng cưới nhau trước ngày nhập ngũ.

Mùa xuân năm 1975, Hiền và Quyền trở thành anh bộ đội cuốn vào chiến dịch Hồ Chí Minh cho đến ngày ba mươi tháng tư giải phóng Sài Gòn.

Ba năm sau Hiền được về phục viên. Túp lều tranh nhà Hiền - Loan bên cạnh ngôi nhà ngói năm gian nhà Quyền - Hòa trông thật tội nghiệp. Hiền - Loan đem câu ca dao: Một túp lều tranh hai trái tim vàng ra mà nhấp nhấp làm niềm vui; rồi nguyện làm anh thợ cày, cô thợ cấy mang nhiều công điểm Hợp tác xã về nhà. Đàn con lớn hơn thì chiếc lều, can nối nhau như chùm sung cho đủ nhu cầu ăn ở. Đến khi ruộng chia cho từng nhà thì Hiền xoay tròn ra mà làm, mà tính. Loan mở lò đậu phụ, Hiền vay tiền ngân hàng mua máy ảnh, cưới chiếc xe cào cào (za va) khắp huyện, tiền được bao nhiêu nường vào học phí mấy đứa con ăn học.

Hiền thường động viên Loan:

- Nhà mình đất tuy thùng vũng hoang hóa nhưng rộng và có hai mặt đường mới là mâm sơn.

Loan nghe xong nở nụ cười chua chát:

- Câu ấy anh nói với riêng em, chỗ khác họ cười vào mũi cho đấy.

Năm Hiền về phục viên là năm Quyền đang ở quân ngũ thi đỗ vào Đại học Quân sự. Tốt nghiệp ra trường, phục vụ quân đội được bốn năm thì xuất ngũ về làng. Là đảng viên Quyền được xếp chân làm cán bộ thu thuế chợ.

Quyền mời Hiền sang uống bia mừng.

Hiền khuyên:

- Nếu cấp trên yêu cầu tạm ứng thì ông nhớ bắt họ phải viết giấy biên nhận mới đưa tiền! Nếu không thì cóc mò cò xoi, không ăn ốc phải đổ vỏ đấy!

Quả nhiên vị Chủ tịch xã mỗi lần mượn tiền đều bảo: Để chi vào việc nóng của xã. Quyền đưa sổ yêu cầu ông ta ký chịu. Chẳng bao lâu Quyền bị mấy bà buôn thúng, bán mẹt sinh sự tố cáo. Quyền bị ông chủ tịch cho nghỉ việc. Quyền đến nhà ông ta nhận sai rồi cũng được ông điều sang địa chính xã. Quyền trải tám bản đồ toàn xã, rà soát diện tích từng nhà mới hay: Gia đình nào cũng lấn chiếm ao hồ, đất tập thể. Quyền đến gõ cửa từng nhà phạt tiền bằng văn bản và bắt thành văn. Số tiền thu được nộp để xã chi tiêu nóng. Quyền được cử đi học lấy bằng tại chức, được biên chế là cán bộ địa chính. Gặp thời điểm giá đất mặt đường tăng lên chóng mặt; con đường quốc lộ và tỉnh lộ vắt ngang qua xã; Quyền nghiêm nhiên trở thành: Trung tâm tư vấn nhà đất, kiêm luôn việc làm sổ đỏ. Dinh cơ nhà ngói cô có từ đời ông, cha để lại một

thời gọi là mâm son nhường chỗ cho ngôi nhà hai tầng to đẹp nhất nhì xã lúc bấy giờ, khiến cho người làng nhìn túp lều của Hiền bên hàng xóm thấp bé như dán xuống đất. Thế mà bây giờ trên cái lều bẹp ấy mọc lên ngôi biệt phủ nguy nga tráng lệ khiến ngôi Mâm Son xây bằng vôi cát cách đây ba mươi năm long lở rêu mốc như bị thụt lún xuống đất.

Ăn sáng xong hai vợ chồng ngồi uống nước Quyền bảo:

- Số thằng Hiền khổ trước sướng sau. Ngôi biệt thự đẹp nhất làng!

Hòa cãi:

- Chẳng có số nào cả! Con người ta hơn nhau cái đầu.

Quyền bảo:

- Cái đầu của Thằng Hiền là đầu đất! Chẳng qua có thằng con trai là Giám đốc nó mang tiền về làm nếu không vẫn chỉ là đũa mốc.

Hòa bĩu môi:

- Anh Hiền là nhà thơ, nhà văn mà anh bảo đầu đất không biết xấu hổ à?

Anh ấy hướng nghiệp cho con đón đầu thời đại, bây giờ đứa nào cũng là kỹ sư, giám đốc, hoặc làm chủ cửa hàng cửa hiệu trên phố huyện. Con nhà mình lao động phổ thông, chúi đầu vào cái lò đậu, làm thợ nhôm kính, đã vậy ông Chuyển đổi mấy mẫu ruộng dự trữ định làm địa chủ à?

Quyền đáp:

- Các cụ thường bảo: Con hư tại mẹ chúng nó không chịu học sao lại đổ cho tôi?

Hòa trả lời:

- Chỉ vì cái quan điếm ngồi mát ăn bát vàng của ông mà đưa con gái lớn đỗ Đại học nhưng ông ép nó lấy chồng vào chỗ mâm son. Còn lại ba đứa ông truyền bá cho chúng tư tưởng: Có tiền là có tất cả nên hướng chúng đi lao động nước ngoài làm giàu nhanh, bây giờ về nước đi làm thuê còn kêu ai?

- Thì tôi đã chuyên đổi cho chúng sáu mẫu ruộng ở khu đồng Chạn để con mình làm ông chủ đầy thôi!

- Bây giờ người ta đi làm công ty mỗi tháng tiền lương mua được hơn tấn thóc ai thèm làm ruộng của ông.

Nghe xong trán ông Quyền lấm tẩm mồ hôi: Minh ngu thật! Đã trót rồi thì làm thế nào cấy trồng cho hết diện tích; chứ bỏ hoang là bị phạt, rồi thu hồi ruộng thì nhục lắm! Bây giờ mà thuê người cày cấy gặt trừ các khoản lãi chẳng được bao nhiêu mà vất vả mệt người. Thua lý vợ; Quyền đẩy thẹn sang Hòa:

- Tôi nghĩ các cụ có câu: Làm ruộng không trâu làm giàu không thóc nên đã làm dự án trồng rau quả trong nhà lưới nên mới chuyên đổi được sáu mẫu cho bố làm. Bây giờ thấy lãi Ngân hàng tăng đầu ra tiêu thụ sản phẩm khó nên còn nghe ngóng. Tôi sẽ bán đi là xong chứ gì? Từ nay bà không được đi múa hát nữa! Mỗi khi phải chứng kiến Bà và thằng Hiền tình tứ với nhau trên sân khấu tôi khổ tâm thế nào không?

Hòa cự lại:

- Đã lên sân khấu diễn thì phải nhập vai cho đúng; ông ghen vô lý thế?

Quyền đuối lý liền nhả ra cục tức bấy lâu chất chứa đầy cô:

- Những lần đi diễn mấy ngày trên tỉnh có vào nhà nghỉ không thì ai biết ma ăn cỗ ở đâu?

Người Hòa giật thót như bị trúng mũi tên, sấn đến; cứ tưởng sẽ xé Quyền thành trăm mảnh. Quyền đứng im chịu trận cho Hòa bá vào vai du thật mạnh rồi ôm mặt quay đi. Quyền chạy theo nắm lấy tay vỗ về:

- Xin lỗi... xin lỗi...

Hòa hát tay quyền ra rồi quát:

- Ông không được động đến người tôi!

Tháo ngồi nỏ mỗi khi vợ nổi nóng bằng cách ra khỏi nhà là thượng sách. Quyền vừa đi nghỉ: Hòa hát hay múa dẻo; giành giải cấp huyện, cấp tỉnh. Nếu cấm không cho diễn, dân làng thấy vậy thêm thêm, nào là: Thời trẻ yêu, không lấy được nhau. Bây giờ múa hát với nhau đi thi tận trên tỉnh mấy ngày, tình cũ không rủ cũng tới. ai biết tổ con chuồn ở đâu? Người ta sẽ gán cho mình bị Hiền cấm sừng thì nhục. Nhưng qua khẩu khí phẫn nộ vừa rồi thì có khi Hòa bị oan thật.

Bỗng có tiếng gọi của Loan ngay sau lưng:

- Anh Quyền ơi! Vào tiếp khách hộ em!

Quyền quay lại hỏi:

- Nếu khách là nhà thơ, nhà văn là anh không hợp!

Loan bảo:

- Anh có nhớ hồi ở bộ đội suýt bắn chết ai không?

Thì ra là thằng Thức! Thời ấy Quyền chấp hành lệnh cấp trên trả tự do cho tốp lính ngự quyền Sài gòn. Khi dong bọn lính tới bìa rừng Quyền hô to:

- Tao đếm câu thứ ba tất cả phải quỳ xuống lạy chúng tao ba lần! Đứa nào không quỳ tao bắn bỏ!

Quyền đếm xong quay mặt lại. Bọn bọn chúng sụp lạy, van xin rỏ rít; duy có một tên vẫn đứng. Quyền điên tiết chĩa súng vào rồi hét lên:

- Tao đếm ba câu nữa mày không quỳ xuống tao bắn!

Quyền đếm đến câu thứ hai thì Hiền túm mũi súng của Quyền ngóc lên cho đạn bay lên trời.

Chiến tranh kết thúc vài năm sau tên lính tìm về nhà Hiền. Hắn giới thiệu là người làng Thượng cùng xã. Bố hắn tên là Trí; Năm 1954 bị quy là địa chủ mang gia đình vào Sài Gòn, sau trở thành tư sản thời: Việt Nam Cộng Hòa. Hắn tên là Thức, đầu năm 1975 đang học Đại học thì bị bắt lính. Ra trận được vài ngày thì quân giải phóng bắt làm tù binh. Được thả ra, lại vào trường học tiếp. Tốt nghiệp Đại học hắn được tuyển vào công chức nhà nước. Mấy đứa con hắn sau này đều tốt nghiệp Đại học Bách khoa TP HCM. trong đó có một đứa

bây giờ là Chủ tịch hội HDQT một doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp tại xã nhà. Đã đôi lần Hiền kể cho nghe về Thức, bây giờ Quyền mới nhớ ra.

Loan thấy Quyền không trả lời liền giục:

- Anh vào đi!

- Anh phải về có việc quan trọng.

Quyền thập thễnh bước vào cổng nhà mình, Loan nói với theo:

- Anh Hiền nhà em bảo tối nay sẽ đưa anh Thức sang nhà anh chơi đấy.

Quyền về nhà không thấy Hòa đâu liền gọi điện: Thuê bao không liên lạc được. Một lúc sau con gái lớn tên là Lợi lấy chồng ở thôn bên gọi:

- Mẹ đang ở nhà con!

Quyền quát:

- Mày đưa máy cho mẹ mau!

- Mẹ con không nghe ạ!!

- Nếu không nghe máy tao đến lôi cổ về đừng có trách!

Tiếng Hòa lẫn trong tiếng nấc:

- Ông còn câu nào để nói với tôi?

- Tôi sai rồi! Bà về ngay tối nay nhà có khách!

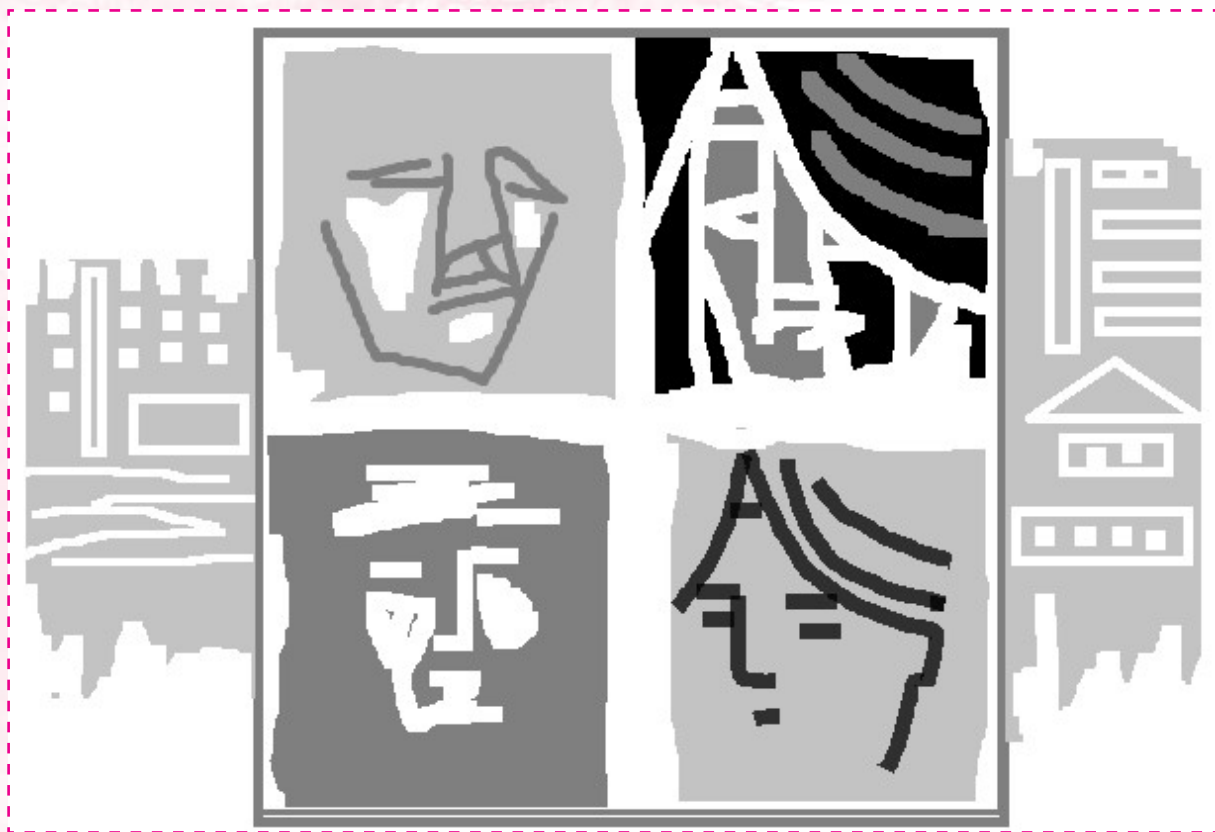
- Tôi đã gọi đàn con tôi nay họp gia đình và mời ông Hiền sang đôi chúng, không tiếp khách nào cả!

Quyền hét lên:

- Bà điên mà gọi ông Hiền sang đôi chúng?

Tiếng Hòa đầy phẫn nộ:

- Câu nói của ông sáng nay đã giết



MINH HỌA: LƯU QUANG LÂM

chết tôi rồi, từ ngày mai tôi với ông chấm dứt!

Quyền nghe xong phát hoảng, liền gọi điện cho cho mấy đứa con ra lệnh:

- Tối nay nhà có khách, mai họp!

Quyền nghiêm chỉnh trong bộ quần áo mới, đến cổng nhà Hiền bấm chuông. Loan ra mở cổng nở nụ cười tươi, mùi thơm nước hoa ngoại, thoang thoang lan tỏa làm cho Quyền ngây ngất bước theo vào nhà. Hiền cùng Thức đang chờ ở phòng khách. Quyền thầm nghĩ: Thức ngày xưa cao, gầy, trắng trẻo thư sinh, nay vẫn thanh

mảnh, tuy mặc giản dị vẫn toát lên nét sang trọng, quý phái và đầy uy lực. Thức trông thấy Quyền cũng ngỡ ngàng. Thời ấy Thức biết Quyền chỉ là bán dạo thôi, qua hành động ấy bộc lộ tính cách Quyền là người hãnh tiến, thích oai. Từ lâu Thức khao khát muốn đầu tư về quê gốc Bắc Ninh. Một miền quê ngõ trong ca dao, huyền thoại: Một đồng ông Nghè một bè Bàng nhân... nay mỗi làn gió, cũng mang điệu dân ca... Cánh cò bay đẹp như trong mộng... Mỗi làng quê một câu chuyện cổ tích: Có đền thờ Lạc Long Quân, Âu Cơ, núi Thiên Thai

có Loan Phượng ăn xoài, chùa Phật Tích có Từ Thức lên trời gặp Tiên, dấu chân Thánh Gióng nhỏ tre đuổi giặc, chùa Dâu thờ thần gió mưa, Đình Bảng có đền thờ chín triều vua uy nghi sánh cùng thời gian, cô gái hái dâu được Vua chọn làm Hoàng Hậu. Câu thơ Thần đuổi giặc trên sông Như Nguyệt còn âm vang vọng đến muôn năm. Sông Đuống nằm nghiêng, sông Cầu lơ thơ nước chảy... Mỗi người trong gia đình Thức đều tự hào về quê gốc của mình và khao khát được trở về đầu tư, thì nay đã trở thành sự thật. Lần này về đây Thức sẽ sang nhà Quyền chơi đấu sao cũng đã từng có với nhau một thời để nhớ.

Nghe tiếng chào của Hiền làm cho Thức bừng tỉnh:

Hiền chìa tay sang phía Quyền giới thiệu:

- Ông Quyền đây là hàng xóm, đã từng tốt nghiệp Đại học Quân sự, về quê một thời nắm trong tay toàn bộ đồng ruộng xã nhà.

Hiền quay sang phía Quyền nói nói tiếp:

- Ông Thức đây là Kỹ sư Nông nghiệp, nguyên là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp Bình Dương. Nhân vật này năm xưa anh em mình đã có kỷ niệm chắc chúng ta còn nhớ?

Hai người bắt tay nhau, nở nụ cười xã giao rồi Hiền nói tiếp:

- Vạn sự khởi đầu nan, chúng ta cùng nâng cốc chúc mừng cuộc hội ngộ gần nửa thế kỷ này nhé!

Cạn ly rượu xong Quyền hỏi Thức:

- Ông về chơi lâu không?

Thức tỏ vẻ hơi buồn:

- Dạ! Tôi định sang thăm nhà anh, bây giờ gặp đây rồi thì tôi xin phép có việc phải đi ngay, để khi khác có thời gian anh em nói chuyện nhiều.

Thức chào mọi người rồi đi.

Hiền nói:

- Con anh Thức là Chủ tịch hội đồng quản trị một công ty lớn trong khu công nghiệp đặt trên địa bàn xã mình.

Quyền lộ vẻ ghen tức:

- Ông giới thiệu bố, con, ông, cháu nhà hấn tôi nghe cứ tức anh ách? Đời ông Trí có sáu mẫu ruộng bị quy là địa chủ; năm cải cách có trong danh sách xử bắn phải trốn vào Nam. Đời con là tên Thức lính ngục, không biết tại sao lại leo lên tới chức Phó Giám đốc Sở? Đời cháu quay về mua hàng trăm mẫu ruộng của xã mình lại được dân tung hô mới lạ chứ?

Hiền mỉm phân trần:

- Ông địa chủ Trí làng Thượng ngày ấy vào Nam trở thành tư sản có công nuôi Biệt động thành; lập công chuộc tội. Đầu năm 1975 Thức đang là sinh viên đại học bị bắt lính. Quân giải phóng xét thấy chưa gây tội ác nên được tha về, vào trường học tiếp. Tốt nghiệp loại giỏi được kết nạp Đảng, làm đến chức Giám đốc Sở cũng không có gì lạ. Con trai đỗ thủ khoa trường Đại học Kinh tế quốc dân từ giữa thập kỷ chín mươi của thế kỷ hai mươi đấy, bây

giờ về đầu tư cho quê hương là thiên thời địa lợi nhân hòa đấy chứ.

Nghe xong cục tức trong Quyền bây giờ phì to như trái bom sắp phát nổ. Những năm trước tỉnh trải thảm đón công ty nước ngoài về nhưng thời điểm ấy tiền đền bù thấp, dân mình năm ấy còn tha thiết với ruộng đồng nên chỉ những gia đình có Đảng viên, hoặc có người đang là công chức nhà nước trong đó có nhà Quyền nhận tiền đền bù liền bị quá nửa làng không nhận tiền tẩy chay. Làng chia thành hai phe chỉ mặt đặt tên, thóa mạ nhau; cho dù là anh em ruột cũng không mời cỗ, đám ma không có người khiêng. Công ty ấy phải bỏ đi vì không giải phóng được mặt bằng. Thế mà bây giờ con một thằng lính Ngụy, cháu một tên địa chủ về đây trả tiền tăng lên gấp đôi; ruộng xã này rơi vào tay cha con hấn cả mà dân lại vui vẻ đón chào có tức không? Thì ra thằng Hiền này ném đá giấu tay.

- Nghĩ đến đây tự nhiên hình ảnh Hiền với vợ mình diễn văn nghệ tình tứ bao nhiêu năm nay bỗng hiện lên trước mắt khiến Quyền bật dậy đập bàn quát:

- Mấy năm trước mày bên phe không nhận tiền đền bù; làm nửa làng khốn khổ, thế mà bây giờ lại dang tay chào đón, ủng hộ bán ruộng là sao? Mày đòi đầu với tao chưa đủ, lại còn lòng thông với vợ tao.

Quyền hùng hổ đứng dậy một tay túm cổ áo Hiền, tay kia đưa quả đấm lên. Thì Loan từ phòng bên nhào tới đẩy Quyền

ngã lăn xuống đất rồi đẩy Hiền vào phòng trong chốt then lại.

Quyền về đến nhà đã nghe chuông điện thoại. Vừa mở nghe tiếng Hòa đã văng ra xối xả:

- Ông vừa gây sự với ông Hiền à?

Chắc là Loan điện kể lại sự việc diễn ra với Hòa rồi đây.

Quyền áp úng:

- Việc đó lúc nào tôi kể cho nghe nhé, bây giờ khuya rồi.

Tiếng Hòa bật ra nhanh như viên đạn:

- Tôi với ông ly hôn!

Quyền biết tính Hòa đã nói là làm nên suốt đêm trằn trọc. Đồ cho vợ lòng thông với bạn mà không có bằng chứng, lại còn sang tận nhà ầu đả là sai quá. Tin này mà lọt ra ngoài làng khác nào tự mình cắm sừng vào đầu. Bây giờ vợ bỏ, sáu mẫu ruộng đến vụ này bỏ hoang thì sao đây? Chi bằng đến nhà Hiền xin lỗi, rồi nhờ hấn bán hộ cho Công ty làm nhà máy để cứu vãn tình thế đã. Nghĩ vậy nên sáng ra Quyền đi sang nhà Hiền thành thật nhận sai.

Hiền trầm ngâm một lúc rồi bảo:

- Ông hiểu được như thế là tốt rồi! Ta xí xóa và coi như chưa có chuyện gì xảy ra nhé!

Quyền nói tiếp:

- Sáu mẫu ruộng ấy bán cho công ty thì hàng nghìn người có công ăn việc làm. Dân có giàu thì nước mới mạnh được chứ. Bây giờ làng xã nào cũng nhiều nhà lầu, xe hơi, đường làng cảnh quan nông thôn đẹp

như thành phố. Nhờ có lợi nhuận từ công nghiệp mà người cao tuổi được lĩnh lương hàng tháng đó sao.

Hiền nghe xong thì nở nụ cười độ lượng bảo:

- Sáu mẫu ruộng đồng Chạn của ông chân ruộng cao, tiện đường giao thông, tiện nương máng tưới tiêu, trồng rau xanh và nhiều loại cây củ quả cung cấp cho nhu cầu rau sạch; lợi nhuận cao lắm, đây đúng là tác đất tác vàng đấy!

Quyền rên rầm:

- Nếu vậy thì ông có cách nào hộ tôi đi!

Hiền dẫn đo:

- Nhà máy khi đã vào bản đồ thì thiết kế công trình rồi thì họ không mua thêm nữa.

Quyền tỏ vẻ hoang mang:

- Thế thì tôi cháy nhà đôi đầu rồi!

- Nếu ông không sử dụng được, thật sự cần chuyển giao thì tôi. Phải thật chắc chắn nhé! liên quan đến kế hoạch đầu tư mua vật liệu, máy móc mất vài tỷ đấy!

Quyền biết Hiền đã nói là chắc như đinh đóng cột nên vội đứng dậy chìa tay bắt, rồi làm văn bản hợp đồng chuyển nhượng và cam kết:

- Nếu thay đổi chịu phạt trị giá tiền bằng ba mẫu!

Hai người viết văn bản mỗi bên cầm một bản một bản nộp cho người làm chứng.

Quyền về nhà lằng lằng như đi trên mây; Thế là đã giải quyết được sáu mẫu ruộng đương nhiên mình sẽ có một tòa biệt thự đẹp nhất làng.

Gần trưa hôm đó Hòa cùng đàn con

cháu kéo nhau về. Mấy đứa trẻ đầu biết chuyện ông, bà đang giận nhau, nên vẫn hồn nhiên cười nói; đứa ôm bà, đứa xà vào lòng ông riu rít:

- Cả làng mình toàn Vi la, Biệt thự vừa to vừa cao, nhà ông bà nhà thấp thụt xuống mốc meo rề nhận nhất.

Đứa lớn hơn nhận xét:

- Ông bà trước đây giàu nhất làng, thời ấy xây bằng vôi cát nên bị rêu, mốc nhiều, chỉ cần sơn lại là mới thôi mà.

Đứa khác tiếp lời:

- Sao ông bà không làm hẳn một ngôi biệt thự to hơn nhà ông Hiền cho đẹp.

Bà cười trừ mắng át đi:

- Các cháu vào ăn cơm đi nào!

Ngồi vào chiếu bọn chúng lại nhao nhao hỏi:

- Mọi lần nhà mình ăn cơm bằng mâm gỗ sơn son cơ mà, sao hôm nay lại toàn mâm nhôm, đĩa nhựa thế này ạ?

Thấy ông thờ dài không nói bà bảo:

- Mâm và đĩa sơn son bong, lở, hay bị mốc ai còn dờ hơi mà dùng nữa nên ông bà cho vào bếp làm củi cả rồi!

Ăn xong con cháu kéo nhau đi. Ông Quyền định lẳng đi chơi thì bị Hòa gọi giật lại:

- Ông đổ vạ cho tôi với ông Hiền phải lòng nhau, để tôi tức bỏ đi có hai ngày mà dám chuyển sáu mẫu ruộng à?

Quyền áp úng:

- Chuyện phải lòng anh biết sai, đã xin lỗi ông Hiền rồi.

Giọng Hòa choang choang:

- Số sáu mẫu ruộng là của tôi ba mẫu!

Giọng Quyền lúng túng:

- Tôi sang tên cho ông Hiền cả rồi?

Hòa nổi đóa:

Nếu vậy tôi có ba mẫu ruộng trong đó. Ông Hiền có tiền đầu tư ăn chia theo cổ phần. Sắp tới các công ty đi vào hoạt động, công nhân khắp nơi về nhiều, dân số tăng lên, nhu cầu về lương thực, thực phẩm sạch ngày càng cao; đưa các loại cây trồng cung cấp củ, quả, cây rau xanh, sạch, bảo đảm quy định vệ sinh an toàn thực phẩm để đón đầu nhu cầu xã hội. Trồng cây trong nhà lưới, thu hoạch mỗi năm hàng trăm triệu. ruộng trở thành tác đất, tác vàng. Ông muốn xây được nhà thì phải giữ lấy ruộng mới để được ra tiền chứ!

Quyền nghe xong tim như bật ra khỏi lồng ngực. Vậy là số tiền ba mẫu Hiền không phải trả Quyền.

Hòa đọc tờ cam kết xong thét lên:

- Tôi sẽ ly hôn ông!

Quyền nằm vật xuống giường không nói được gì. Trận ẩu đả đánh ghen hôm qua Hòa đe ly hôn rồi, thế mà bây giờ lại mất ba mẫu ruộng thì không gỡ được nữa. Nếu Hòa ly hôn thì đất cha ông để lại đã mang tên hai vợ chồng cũng phải chia đôi. Hòa sang làm chung với Hiền thì khác nào thả hổ về rừng. Họ bên nhau suốt ngày quanh năm lửa gần rơm mà mình không làm gì được. Quyền chỉ còn cách bỏ làng mà đi, chứ biết giấu mặt vào đâu với búa diu dư luận ở cái làng này.

Quyền tìm đến Loan thăm dò:

- Giá như ngày xưa...

Loan biết Quyền định nói gì liền cắt lời:

- Chuyện đã qua mấy chục năm rồi anh nhắc lại làm gì? Nếu em biết ai viết bài về: *Đũa mốc chời mâm sơn* thì em đến tận nhà cảm ơn; vì bài ấy mà em được là vợ anh Hiền.

- Nhưng Hiền ngày ấy nghèo em phải vất vả, thiếu thốn, không thấy khổ à?

Loan nở nụ cười độ lượng:

- Hòa khổ và vất vả hơn em nhiều chứ! Chỉ vì bài về mà mất anh Hiền đã khổ lắm rồi; chồng làm cán bộ đi suốt ngày chẳng giúp được gì. “Ăn một mình đau tức làm một mình cực thân”. Hòa bảo với em là: Nếu biết thời ấy ai làm bài về *Đũa mốc mâm sơn* sẽ giết chết mười lần chưa hả giận.

Loan nói xong bỏ về. Quyền nghĩ: May mà thời ấy nhờ người khác viết bài về. Bây giờ Hiền và Hòa làm chung ruộng, Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén không thể chấp nhận được! Mình phải tìm cách xin một chân làm thuê, để có cơ được ở cùng.

Bỗng có tiếng chó sủa làm Quyền tỉnh giấc; thì ra đó chỉ là một giấc mơ./.



NGUYỄN THỊ HẢI BĂNG
6A - THCS Lãng Ngâm - Gia Bình

(Giải Nhì cuộc thi
Cây bút tuổi hồng - 2023)

Yêu nghề dọn rác

Bác bảo vệ trường em
Kiêm luôn nghề dọn rác
Tính thật thà chất phác
Chẳng làm mất lòng ai.

Bác còn rất có tài
Trồng cây xanh, hoa nở
Như điểm mười trang vở
Dệt tình yêu học trò.

Trường xanh đẹp thơm tho
Là nhờ công bác đó
Mấy chục năm gần bó
Bác vẫn không nản lòng.

Bù mùa hè đổ lửa
Hay lúc trời sang thu
Cây thay nhau trút lá
Vẫn thấy trường sạch thơm.

Nhớ những lúc mùa đông
Mưa phùn rồi gió bắc
Bàn tay chai thoăn thoắt
Làm sạch ngôi nhà chung.

Trường đẹp tựa như tranh
Từ hàng cây ghé đá
Từ hoa thơm cỏ lạ
Bàn tay bác chăm lo.

Trường em noi gương bác
Không xả rác lung tung
Biết giữ vệ sinh chung
Biết yêu ngôi trường đẹp.

Gương bác bảo vệ trường
Là tấm gương người tốt
Ai ai cũng như bác
Trái đất của chúng ta
Luôn nở hoa hạnh phúc

Em nhớ lời bài hát
Tổ quốc Việt Nam ta
Có sạch đẹp như hoa
Là tùy thuộc vào bạn
Hãy cứ mãi khắc ghi
Tấm lòng người bảo vệ
Chẳng quản ngại nắng mưa
Vui với nghề dọn rác

Lòng yêu nghề của bác
Đẹp tựa ngọn lửa hồng
Lam tỏa đến mênh mông
Giữ không gian luôn sạch./.



BÙI MAI ANH

7B - THCS Nguyễn Cao - TX Quế Võ

(Giải Ba cuộc thi
Cây bút tuổi hồng - 2023)

Chăm sóc "Lá phổi xanh"

Ngắm nhìn bức tranh xanh
Như thấy mình trong đó
Những việc làm nhỏ nhỏ
Mà đem nhiều niềm vui.

Trông kìa, các bạn ơi!
Người tưới cây nhỏ cỏ
Chiều xuân trời lồng gió
Làm theo lời Bác khuyên.

Tuổi trẻ hồng và chuyên
Trồng cây và chăm sóc
Cho môi trường xanh mát
Cho đất nước đẹp tươi.

Giờ học và giờ chơi
Bạn ơi luôn ý thức
Giữ môi trường trong sạch
Từ những việc giản đơn.

Trồng một cái cây non
Nhặt gom từng cọng rác
Và bao việc nhỏ khác
Là giúp ích cho đời.

Nhớ nhé các bạn ơi
Lá phổi xanh - bảo vệ!

NGUYỄN THÀNH CHUNG

8A - THCS Hòa Tiến - Yên Phong

(Giải Khuyến khích cuộc thi
Cây bút tuổi hồng - 2023)

Ô nhiễm không khí

Trở về quá khứ bầu trời
Bốn mùa nắng chiếu, mưa rơi xuống đồng
Đất đai màu mỡ gieo trồng
Bầu trời trong vắt tôi hằng ước ao.

Bầu trời đó giờ ra sao
Bao nhiêu khói bụi xả vào không gian
Các loại khí độc tràn lan
Ô nhiễm không khí ngày càng tăng thêm.

Nhà máy xả thải triền miên
Làn khói đen kịt bốc lên bầu trời
Tầng ô zôn mỏng đi rồi...
Trúng tia cực tím, nhiều người ung thư.

Chẳng còn mát mẻ như xưa
Hiệu ứng nhà kính, bốn mùa nóng lên
Các cơn bão lớn nhiều thêm
Động vật vùng cực trên thêm diệt vong.

Nhìn trời chẳng còn xanh trong
Bỗng dưng chợt thấy cõi lòng hoang mang
Giờ đây trời héo... úa tàn
Con người phát triển, phá tan hết rồi.

Chung tay góp sức đi thôi
Cùng nhau lấy lại bầu trời xanh trong
Cùng nhau một dạ một lòng
Cùng nhau góp sức dựng xây môi trường./.

LÊ PHƯƠNG MAI

8A1 - THCS Vệ An - TP Bắc Ninh

(Giải Khuyến khích cuộc thi
Cây bút tuổi hồng - 2023)

Lời của cây

Tớ là chậu cây nhỏ
Nằm bên cửa sổ to
Mỗi buổi sáng tinh mơ
Nghiêng mình qua khung cửa
Hít không khí trong lành
Để nuôi mình lớn nhanh.

Nhưng rồi lá chẳng xanh
Khói bụi tràn khắp chốn
Người lại qua bận rộn
Rác vứt dọc đường đi
Ông khói thải đen sì
Mình úa vàng buồn bã.

Rác thải nhiều nên đã
Vất vả bác lao công
Người qua lại thật đông
Vai bác gầy quét rác
Màu áo kia đã bạc
Đôi màu xanh phố phường.

Mỗi bạn nhỏ đến trường
Học điều hay, lẽ phải
Muốn hoa thơm, ngọt trái
Cần chăm sóc, nâng niu
Môi trường mình cũng vậy
Phải bảo vệ, yêu chiều.

Bạn học được bao điều
Nhớ vận dụng bạn nhé
Sẽ chia cùng cha mẹ
Và những người xung quanh
Lá mình có được xanh
Phố có thay áo mới
Tất cả đều chờ đợi
Ở hành động chúng ta.

Mong một ngày không xa
Đường xanh màu hoa cỏ,
Cho thân mình - cây nhỏ
Được thỏa sức vươn cao
Hãy cùng chung tay nào
Cho môi trường đẹp mãi!



NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
8B - THCS Vũ Kiệt - TX Thuận Thành

(Giải Khuyến khích cuộc thi
Cây bút tuổi hồng - 2023)

Tiếng gọi của môi trường

Nghe về nghe về
Nghe về môi trường
Chuyên gia dọn đường
Là chị lao công
Ngày ngày ngắm trông
Là anh thùng rác.

Nước thải như thác
Là khu công trường
Nước thải ra mương
Khu dân làng ở
Trong từng hơi thở
Khói bụi ngập tràn

Cánh rừng tan hoang
Do lâm tặc phá
Cây xanh gục ngã
Nguồn nước đâu còn
Rừng biển núi non
Người người khiếp sợ

Mưa, lũ, sạt lở
Nước cuốn băng băng
Nhà cửa ruộng nương
Người và muông thú
Không còn chỗ ở
Cái kết thật buồn!

Hỡi bạn mình ơi
Tiếng gọi môi trường

Đã vang thống thiết:
Hãy cùng chung sức
Hành động thật nhanh
Tự cứu lấy mình
Và cứu Trái đất!

Tay nắm thật chặt
Lòng chung một lòng
Giữ mái nhà chung
Mình cùng hứa nhé!



NHỮNG VẬT HOA THẠCH THẢO

HUYỀN THẠCH THẢO

L. Tôi quen Phụng trong một buổi chiều muộn trên con đường từ đồi cỏ về lại phố. Đà Lạt bằng lăng sương trôi trên những ngọn thông có lúc đọng lại thành cụm như mây trắng. Lạnh nhẹ, diu diu len vào người khi tôi vẫn thọc tay vào túi quần jean xanh, áo khoác và khăn quàng cổ nhẹ soải bước. Những ngôi biệt thự cách quãng ẩn trong những hàng thông, hàng rào nan hoa cách điệu bên những vật cỏ lẫn hoa. Thành phố của ngàn hoa thật đúng. Nơi nào cũng hoa, những con phố là loại hoa riêng biệt và lối đi vẫn hoa bên các hàng rào gỗ. Lên Đà Lạt nhớ mang theo áo ấm, một câu quen thuộc cho mọi người nếu đi riêng lẻ và tôi cười nhẹ khi nhớ lại và lúc ấy nơi này là thành phố buồn vừa đi đã mỏi.

Chiều buông sẫm, xa xa là phố ẩn hiện trong sương mù, chóp nhà thờ Con Gà nơi kia và nơi này thì tôi lạc đường! Hết lối rẽ của đường sỏi và ngược lại là đường nhựa thì vẫn không nhận ra khi những căn biệt thự đã không còn để nhường lại là rừng thông trải dài. Vội sai bước theo con

đường cũ để tìm người mà hỏi khi đường dần vắng và khí lạnh dâng đầy. Hết biệt thự này sang biệt thự khác đang kín cửa, le lói vài ánh đèn phía sau. Đương nhiên không thể đập cửa mà gào lên trong không gian tĩnh vắng và chưa chắc là có người. Một ngã ba hiện ra trong vạt hoa uốn lượn để tôi ngơ ngác giữa tam giác ấy. Và may, bên kia có bóng người đang cúi cúi sau chiếc cổng nan hoa để tôi vội đi đến|

- Thưa cô!

Chiếc váy tím ngẩng lên khẽ vén nhẹ chiếc mũ trắng rộng vành với đôi mắt mở to ngạc nhiên. Tôi lại áp ứng:

- Tôi lạc đường về phố, cô chỉ giúp về lại con đường...

Lần này thì chiếc váy tím nhìn tôi từ đầu đến chân trên tay là bó hoa thạch thảo tím vừa cắt rồi cũng bó hoa thạch thảo vươn ra hướng phía trước:

- Ông đi tiếp đoạn nữa, rẽ trái rồi rẽ phải lại sang trái... qua dốc thì đến.

Tôi như ù đi vì biết những con dốc thành phố mù sương này bởi vòng vèo đoạn ngắn đoạn dài, lại giận mình ưa lang

thang cứ tò mò vượt bao dốc mà ngắm cảnh. Thôi thì cứ rẽ trái rồi rẽ phải lại rẽ trái cái đã, đến đâu hay đến đó kéo sập tới và rét cóng nếu mưa bỗng dưng tuôn đổ. Tôi nhìn cô gái đang tròn mắt nhìn tôi và gật đầu nhẹ khi tôi cảm ơn để quay người bước. Lại những con dốc ngắn, rẽ trái rồi rẽ phải...

Có tiếng xe máy phía sau dần đến, tôi nép vào lề đường chuẩn bị vẫy tay xin đi nhờ hoặc ít ra cũng hỏi đường về khách sạn. Người thanh niên cho xe áp sát vào tôi và cười:

- Chú có phải là người hỏi đường ban nãy ở biệt thự Thạch Thảo không?

Tôi cười gật đầu, mãi lo nhìn cô váy tím rồi lắng nghe cô ta chỉ lối chứ đâu có biết ngôi biệt thự mang tên ấy đâu.

- Cô chủ bảo cháu đi về phố sớm để cho chú đi nhờ về khách sạn.

Tôi cảm ơn rồi rít và nhận từ tay anh thanh niên bó hoa thạch thảo còn lấm tấm sương với mùi thơm dịu nhẹ. Xe chạy đoạn nữa, đoạn nữa với bao lối rẽ dần xuống phố chan hòa ánh điện. May thiệt, nếu không là rét cóng và lạc đường lần nữa. Tôi băng quơ hỏi cô chủ tên gì để cảm ơn nhưng anh chàng thanh niên vờ như không nghe thấy mà tăng ga để tôi ôm chặt bó hoa thạch thảo vào người kéo ngã. Mùi thạch thảo thơm thật, dịu nhẹ lan tỏa.

- Đến rồi chú.

Tôi bước xuống khi đứng trước khách sạn. Chàng thanh niên cười tươi và đưa tay nhận lại bó hoa.

- Không phải của chú đâu ạ, hoa này để chuẩn bị cho phòng trà cô chủ tối nay.

Tôi nhẹ cười trao lại để về phòng của

mình khi mùi thạch thảo hoa vẫn tỏa hương thơm nhẹ trên người. Chợt nhớ, sao lại quên hỏi phòng trà tên gì nhỉ! Hay thiệt.

2. Đà Lạt vào đêm dịu mát. Không phải trước kia lại lạnh, rất lạnh vào đông. Và dòng xe lẫn người nhiều hơn trong nhịp điệu phố của đồi núi. Kéo cao cổ áo khi rời khỏi khách sạn và cho tay vào túi quần là một thói quen khó bỏ để tôi tản bộ. Mỗi người thường có một ý thích, như những người bạn tôi; dịp nghỉ phép là rủ nhau đi đến một nơi nào đó nhiều đặc sản để ăn nhậu, hò hét thoải mái hoặc rủ người yêu đi ngắm cảnh, yêu nhau nơi hoang dã. Tôi thích đi một mình hơn, lặng lẽ đi và sống một mình trong căn phòng tĩnh lặng, hít thở không khí một mình, cảm nhận vùng đất một mình. Lần này không phải Tam Đảo, Hà Giang, Phú Quốc, Măng Đen... mà là thành phố hoa cho dù Đà Lạt đã nhiều lần đến.

Qua khu chợ đêm ồn ào, vượt dốc phía trước để đến quán đồ nướng mà tôi từng ghé. Nơi này, thức ăn hợp khẩu vị và được nhìn từ độ cao bao quát cả vùng thì mưa lại đổ. Đang loay hoay tìm mái hiên để tránh thì phát hiện phía trước là một phòng trà có bóng người bên trong và tiếng nhạc đang phát ra dịu nhẹ. Nhưng việc quan tâm và thôi thúc tôi đẩy cửa bước vào là tên quán, nó gắn liền với bó hoa tôi cầm hộ cho chàng thanh niên ban chiều.

Phòng trà lúc này khách đã chiếm gần một nửa, tập trung nhiều phía trước. Tôi lẳng lặng đến phía góc khuất ánh sáng để gọi ly trà nóng. Sân khấu gọn, âm cúng có đặt chiếc đàn piano đen khi chung quanh là trắng, trên ấy là cụm hoa thạch thảo tím

trong chiếc bình pha lê trắng viền vàng. Điều lạ là chung quanh cũng vẫn là những cụm hoa thạch thảo được sắp đặt khéo léo trong những chiếc bình bằng gỗ thông và nhìn xa có cảm giác như một căn phòng ở gian ngoài với các cửa sổ của một ngôi biệt thự nào đấy.

Đưa tay khuấy nhẹ ly trà tỏa khói thơm ngát bên cạnh đóa hoa hồng trắng vừa nở hàm tiếu cho cảm giác nhẹ bẫng. Âm và tĩnh lặng. Đơn giản nhưng thanh lịch kể cả những bức họa đặt đúng vị trí cần thiết cho tầm mắt. Một chút tò mò với chủ nhân phòng trà này. Toàn bộ hầu như điểm trang một loài hoa, tím và trắng và mùi hương dịu nhẹ cứ tỏa lan đâu đây.

Trong sự tĩnh lặng của không gian âm áp và khán phòng điện dần tắt nhường cho những ngọn nến lung linh thì sân khấu đã có người ngồi bên cây piano. Cô gái ban chiều, đúng, cô gái ban chiều với chiếc váy trắng đang dạo đàn. Dòng Danube trong xanh và nhẹ chảy. Thanh âm thánh thót, réo rắt từng cung bậc với trời mây, gió nước cuộn vào trên mười ngón tay cùng gương mặt chìm khuất, mơ hồ nhưng rạng ngời kia như liêu trai nhưng hiện hữu bên cạnh, rất gần. Tôi mê đắm vào dòng nhạc một thời yêu thích thì tiếng vỗ tay giòn giã. Cô gái đã đứng lên chào mọi người rồi lui vào trong nhường lại cho một người đàn ông trung niên với cây ghita trên tay. Khúc Thụy du lại thánh thót, tiếng hát trầm ấm. Đùng bao giờ em hỏi, vì sao ta yêu nhau... Ngô Thụy Miên nếu nghe sẽ gật đầu ưng ý vì tiếng hát như ca sĩ chuyên nghiệp đây mê đắm Anh là chim bói cá, Em là bóng trắng ngà...

Cô gái ấy đã quay lại, rục rờ trong một sân khấu nhỏ chuyển sang không gian tím ngát với bộ váy tím điểm viền hoa hồng trắng nơi ngực. Giờ thì không chìm khuất mà đối diện với đôi mắt mở to, nụ cười nhẹ cất giọng bên cây ghi ta của người đàn ông. Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo, em nhớ cho... lời tự sự của Phạm Duy qua thơ và phổ cho một giọng hát quyến rũ, mê đắm theo cung bậc; có đoạn cao vút tôi sợ cô ấy sẽ ngắt và rơi nhịp nhưng cao trào ấy vụt qua, lắng xuống đến nỗi non khi đôi mắt chột dừng lại phía góc phòng có tôi sẽ chờ, sẽ chờ, đợi em... Không gì gọn khi khán phòng dồn tiếng vỗ tay để tôi ngược nhìn ra sau, khách ngồi chật kín các bàn và im lặng thưởng thức không một va chạm nhỏ.

Lại anh chàng ban chiều áp chiếc mô tô sát lại:

- Chú lên cháu đưa ăn tối, Đà Lạt giờ còn sớm với lũ khách như chú!

Tôi phì cười, gật đầu. Anh chàng này, ban nãy hát bài Ở trọ và Biết đâu nguồn cội của Trịnh Công Sơn thật hay. Chỉ ba người thôi nhưng tạo một đêm nhạc phòng trà ấn tượng với lớp tuổi như tôi.

- Cháu tên gì?

- Huy à chú!

- Vậy cô... kia...?

Huy cười lảng sang chuyện khác.

3 - Anh có biết là em nhận ra anh lúc nào không?

Câu hỏi sau cái nheo mắt mà Phụng, tên cô gái, hỏi tôi sau hai ngày làm quen khi Huy xuống nơi khách sạn ngày hôm sau để đón tôi lên thưởng thức trà Bảo Lộc, loại trà cho nước vàng óng như hổ phách và thơm lừng. Tôi xoay lưng từ đôi Vọng



Cảnh nhìn xuống thành phố ngàn hoa đang ẩn hiện trong sương chiều rồi bảo Phụng đã thấy tôi ở phòng trà hôm rồi. Phụng cười nhẹ, lắc đầu:

- Sai rồi, từ khung cửa trên tầng giữa qua lớp kính mờ sương thấy anh đi...lạc! Thường khi ai lên đồi Vọng Cảnh này dễ lạc vì cảnh đẹp và nhiều đường rẽ. Anh trong số người ấy lúc chiều buông xuống.

Tôi phì cười nhìn những luống hoa thạch thảo tím được trồng chung quanh thành từng vạt:

- Chắc Phụng từng cứu nhiều kẻ đi lạc!

- Không, anh là đầu tiên bởi anh là lạ. Giương mặt điềm tĩnh, mái tóc bành bồng,

tay vẫn cho vào túi chỉ có đôi chân lại gấp gấp nên em xuống lầu để cứu anh chứ cần gì hái hoa thạch thảo đâu, phòng trà em có sẵn hoa từ sáng.

Tôi gật đầu và nhìn Phụng. Nàng có đôi mắt nâu, môi hình tim, tóc mây buông xòa. Khi tôi nói tên của mình thì nàng bật cười chỉ vạt hoa thạch thảo. Tôi chỉ tên bảng gắn trụ cổng phía ngoài ngôi biệt thự. Phụng lại lắc đầu:

- Tên em đặt thôi vì em thích hoa thạch thảo chứ tòa nhà này có tên biệt thự Hoa hồng do ba em chọn. Ba mất, hoa hồng vẫn trồng nhưng xen vào đó là hoa thạch thảo. Em thích và đổi tên để đỡ nhớ đến ba em.

Phụng buồn buồn nhìn xuống thành phố đã thấp thoáng ánh điện trong sương mù. Tôi nhớ một nhà văn từng viết câu chuyện đi Đà Lạt nhớ mang thêm áo ấm vì khi ấy vùng đất này rất lạnh với sương mù cuộn cuộn. Còn giờ thì Đà Lạt ít lạnh, người đông nhưng điều lạ là một vùng nào đấy trên đất nước có giông bão thì Đà Lạt sẽ mưa, mưa rả rích đến khó chịu rồi lạnh.

Bước vào thư phòng của Phụng, đập vào mắt tôi là những bức họa do nàng vẽ; đa phần là chân dung của chính tác giả rồi đến gia đình. Lại ngạc nhiên hơn khi giá sách rồi tủ sách sắp đặt ngay ngắn như có bàn tay nào đấy chăm sóc cẩn thận. Phụng cười:

- Huy sắp xếp đó anh, có thấy lạ điều gì không trừ cây đàn bên cửa sổ?

Tôi ngắm một lúc từ tranh qua sách rồi gạt đầu tâm đắc:

- Phụng và Huy sắp xếp theo thời gian với các tác phẩm. Nhìn này, các bức họa do Phụng vẽ từ khi Phụng còn bé tí đến giờ và ba má Phụng có cả Huy nữa. Sách cũng vậy, trên giá là số sách mới và trong tủ là sách theo thời gian đã qua lâu rồi. Tranh hoa cũng vậy từ hồng, violet dần đến hoa thạch thảo.

Phụng bật cười má ửng hồng:

- Anh hay thiệt luôn vì không có người nào nhận ra, họ đến để nhìn ngắm và mượn sách thôi. À, Huy là cháu và ba Huy là người hát đêm rồi, cậu của em đó. Họ ở bên em trong ngôi nhà này vì mẹ của Huy cũng mất lâu rồi.

Sau này, ngôi bên Huy mới biết ba Phụng mất sớm rồi đến lượt mẹ Phụng. Trước khi mất bà nhờ ba Huy chăm sóc

con gái của mình. Phụng rất giỏi về âm nhạc, cô ấy là giảng viên thanh nhạc ở học viện nơi thành phố tôi sống. Nhưng Phụng thường về đây hơn vì thích yên tĩnh và hình bóng của người thân luôn ở cạnh. Buổi chiều cuối cùng trên thành phố ngàn hoa, tôi và Phụng lặng lẽ ngắm những vạt hoa thạch thảo trong sương bằng lăng dọc theo lối đi, trên bồn hoa trong biệt thự Hoa hồng.

- Rồi anh sẽ lên nữa chứ?

Tôi gạt để nàng cười nhẹ.

- Rồi Phụng cũng về thành phố có tôi chứ?

Phụng gạt để tôi cười nhẹ, nàng bảo “Anh sẽ không đi lạc nữa đâu, lang thang trên đồi Vọng cảnh thì đến nhà em, dễ nhận vì khu vườn là những vạt hoa thạch thảo, tên anh!”.

Tôi định bảo Phụng hãy chăm sóc hoa thật kỹ và tôi sẽ về. Nhưng thôi, câu này sẽ thừa và ngu lâu nữa./.



TIN BUỒN



Hội VHNT, Tạp chí Người Kinh Bắc,
Chi hội Sân khấu và gia đình vô cùng thương
tiếc báo tin:

Nghệ sỹ: **LÊ MINH XUYẾN**

Năm sinh: 1954

Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam

Quê quán: Đông Bình, thị trấn Gia bình, tỉnh
Bắc Ninh

Hội viên Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh
đã từ trần vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 16 tháng 03.
năm 2024, tức ngày mùng 7 tháng 2. năm Quý Mão,
hưởng thọ 70 tuổi.

CÁC TÁC PHẨM CHÍNH VÀ GIẢI THƯỞNG:

- Hoạ cảnh chèo: *Ký ức người lính, Con giông tố, Đất không phụ người.*
- Kịch ngắn: *Thôn Bờ diển tập* - Huy chương Vàng.
- Nhiều kịch bản dàn dựng tham dự Hội diễn Sân khấu không chuyên cấp tỉnh và Quân khu I đoạt tiết mục Huy chương Vàng...

*Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, Tạp chí Người Kinh Bắc chân thành chia buồn
cùng gia quyến!*



Bài ca nông dân Bắc Ninh

Hùng tráng - Ngợi ca

Nhạc và lời : Đỗ Đình Quang

Chúng tôi là hội nông dân Bắc Ninh. Hát vang bài ca truyền
thống quang vinh. Năm xưa anh dũng kiên cường, dân quân du kích phi
thường. ở hậu phương người nông dân thành chiến sĩ. Chúng tôi là hội
nông dân Bắc Ninh. Gắng sức chăm lo cuộc sống an sinh.
Tăng gia sản xuất trên đồng, chăn nuôi cây cấy ươm trồng. Là nhà
nông ta góp công xây dựng đất nước quê hương. Đảng soi đường chỉ
Lời Bác Hồ vọng
lời, hội nông dân ta đi tới. Vượt nghèo khó vươn lên. Hội
mãi, hội nông dân ta hằng hái. Làm giàu chính sức ta, làng
nông dân ta tiến lên. Cùng đoàn kết chủ động cùng vững
quê tô thêm sắc hoa. Kỷ nguyên số vậy chào, là công
tin hội nhập. Vì dân giàu nước mạnh. Vì hạnh phúc ấm no.
nhân toàn cầu. Đẹp tươi màu dân tộc. Đẹp bản sắc Bắc Ninh.
Làng quê thêm tươi đẹp rộn rã tiếng ca. Cùng nhau ta xây
Rèn vàng câu Quan họ đằm thắm thiết tha. Cùng nhau ta xây
dựng, nông thôn mới Bắc Ninh quê ta.
dựng nông thôn mới Bắc Ninh vươn
...xa.

NỖ NHỚ HOÀNG SA

(Chất liệu hát ru đảo Lý Sơn)

Nhạc : Nguyễn Trung

Lời ca : Dựa ý thơ Nguyễn Thế Kỷ

Chậm - Dàn trái

Âu a ơ ơ ơ ơ Chứ con ơi con ngủ cho mau
Để mẹ nấu cháo luộc rau cho cha dùng. Ốc u đã nổi lên
rồi. Để cha đi giữ biển trời Hoàng Sa (Nhạc...
.....) Mấy ngàn năm Vọng Phu xú
...Đông trào dâng nõ
bắc Phụ Tử bụi ngùi doi đất trời nam. Biển dẫu yên lòng ta như lay
nhớ..Dòng lệ ngậm ngùi manh chiếu sợi mây. Rượu Lý Sơn giọt cay say đêm...
động. Lắng tin xa những cơn bão chập chờn. Sóng biển ...hội. Giữa trùng
khơi bao la. Vẫn lung linh trong ta. Nỗi nhớ Hoàng Sa Hoàng
Sa. trong lòng Đà Nẵng. Đà Nẵng không nguôi nỗi nhớ Hoàng Sa. Hoàng Sa
trong lòng đất Việt. Một gió lung linh trong Lễ khao lề.

SỔ TAY TẠP CHÍ

Trong số này, Tạp chí Người Kinh Bắc đã nhận được tác phẩm tham gia cộng tác của các tác giả:

* **Trong tỉnh:** Vũ Thị Ngát, Linh Chi, Huy Phách, Nguyễn Công Hào, Nghiêm Đình Thường, Văn An, Nguyễn Thị Đương, Nguyễn Đình Ché, Nguyễn Xuân Huy, Vũ Đình Ứng, Nguyễn Văn Hào, Phương Hữu Thiện, Nguyễn Tự Lập, Đào Quang Thắng, Lê Quang Thuận, Dương Mạnh Nghĩa, Vũ Ngọc Hòa, Nguyễn Thị Thanh Hải, Phan Trụ, Nguyễn Xuân Linh, Trần Thiết, Phạm Đình Thái, Hoàng Ngọc Bình, Vũ Thế Thược, Phạm Thuận Thành, Thái Khoát, Phạm Huy Chương, Nguyễn Khắc Đàm, Lê Khanh, Nguyễn Tất Đình Vân, Vũ Thị Phương, Mai Kháng, Đinh Văn Y, Đỗ Đình Quang, Nguyễn Trung...

* **Ngoài tỉnh:** Vũ Kim Liên, Bùi Văn Phẩm (Phú Thọ), Nông Tử Lệnh Anh, Ngọc Linh, Nguyễn Thị Hòa, Lê Thị Kết, Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Hải, Ái Nhân (Hà Nội), Huỳnh Thạch Thảo (Phú Yên), Nguyễn Văn Toàn, Ngô Công Tấn (Thừa Thiên Huế), Lê Trần Trường An, Lê Thị Hồng Châu, Trần Thị Thùy Linh (Sóc Trăng), Hồ Ngọc Diệp (Quảng Bình), Ngô Thế Lâm (Khánh Hòa), Đoàn Trung Phong, Đinh Hạ (Nghệ An), Nguyễn Ngọc Chiến (Quảng Trị), Bùi Nhật Lai (Thái Nguyên), Đặng Đức, Trần Văn Thiên (TP Hồ Chí Minh), Lê Ngọc Sơn, Vũ Tuyết Nhung (Thanh Hóa), Nguyễn Thị Liên Tâm (Bình Thuận), Lê Việt Hùng, Đào Thanh Nghị (Hải Phòng), Lê Hứa Huyền Trân (Bình Định), Bùi Việt Phương (Hòa Bình), Nguyễn Minh Thuận (Bạc Liêu), Nguyễn Duy Hà (Lâm Đồng), Trần Thị Kỳ Duyên, Huỳnh Thị Kim Cương (Kiên Giang), Vũ Hoàng Nam (Bắc Giang), Nguyễn Thanh Bình (Long An), Nguyễn Thanh Tuấn (Quảng Nam)...

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý tác giả và mong muốn thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp của hội viên, cộng tác viên, độc giả ở trong và ngoài tỉnh về chất lượng, nội dung, hình thức... của Tạp chí để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí Văn nghệ tỉnh nhà.

Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng kính báo tới Hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, cộng tác viên trong và ngoài tỉnh chủ đề Tạp chí số 6 năm 2024: Kỷ niệm 99 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2024); Chào mừng ngày Gia đình Việt Nam (28/6); Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh... Kính mong Hội viên, cộng tác viên và độc giả gửi tác phẩm về Tòa soạn Tạp chí Người Kinh Bắc trước ngày 10/5/2024.

Bài viết gửi về email: tapchinguoiKinhbac@gmail.com hoặc qua Bưu điện theo địa chỉ: Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh (Số 01, Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh). Truy cập Website nguoiKinhbac.vn để xem nội dung của Tạp chí hàng tháng.

Trân trọng cảm ơn!

BBT